

CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN



*Vững bước cùng bạn*

# BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN 2019

# MỤC LỤC

<b>I.</b>	<b>THÔNG TIN CHUNG.</b>	Trang
1.	Thông tin khái quát.	3
2.	Quá trình hình thành và phát triển.	3
3.	Ngành nghề và địa bàn kinh doanh.	6
4.	Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý.	6
5.	Định hướng phát triển.	7
6.	Các rủi ro.	8
<b>II.</b>	<b>TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM.</b>	
1.	Tình hình hoạt động kinh doanh.	10
2.	Tổ chức và nhân sự.	14
3.	Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án.	16
4.	Tình hình tài chính	16
5.	Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu.	16
6.	Báo cáo tác động liên quan đến môi trường	18
<b>III</b>	<b>BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC.</b>	
1.	Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh.	20
2.	Tình hình tài chính.	23
3.	Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý.	27
4.	Kế hoạch phát triển.	27
<b>IV.</b>	<b>ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY.</b>	
1.	Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty.	29
2.	Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị.	30
<b>V.</b>	<b>QUẢN TRỊ CÔNG TY.</b>	
1.	Hội đồng Quản trị.	31
2.	Ban kiểm soát.	34
3.	Các giao dịch, thù lao và các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Tổng Giám Đốc và Ban kiểm soát.	38
<b>VI</b>	<b>BÁO CÁO TÀI CHÍNH.</b>	
1.	Ý kiến kiểm toán.	49
2.	Báo cáo tài chính được kiểm toán.	50

## I. THÔNG TIN CHUNG:

### 1. Thông tin khái quát:

- Tên Giao dịch: **CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN**
- Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số: 0300631013 do Sở Kế hoạch và Đầu tư TP.HCM cấp lần đầu ngày 01/09/2000 và đã đăng ký thay đổi lần thứ 20 vào ngày 09/7/2015.
- Vốn Điều lệ: 112.914.590.000 đồng.
- Địa chỉ trụ sở chính: 146 E Nguyễn Đình Chính, Phường 8, Quận Phú Nhuận, TP.HCM.
- Số điện thoại: (84.8) 39 979 292 – 39 979 393
- Số Fax: (84.8) 39 979 555
- Website: www.sfc.com.vn.
- Mã cổ phiếu: **SFC**

### 2. Quá trình hình thành và phát triển:

#### a. Việc thành lập Công ty:

Tiền thân là Công ty Chất đốt Thành phố Hồ Chí Minh được thành lập từ năm 1975 với chức năng nhiệm vụ chính là đảm bảo phân phối các mặt hàng chất đốt trên địa bàn thành phố. Thực hiện chủ trương đổi mới quản lý các doanh nghiệp nhà nước, Công ty Chất Đốt TP.HCM hưởng ứng đi tiên phong để trở thành một trong những doanh nghiệp đầu tiên của Thành Phố được Ủy ban Nhân Dân Thành Phố Hồ Chí Minh lựa chọn để thực hiện cổ phần hóa (theo Quyết Định số 4225/QĐ-UB-KT ngày 15/08/1998).

Năm 2000 được đánh dấu là năm tạo bước ngoặt quan trọng của Công ty Chất Đốt TP.HCM, chính thức chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp nhà nước thành Công ty Cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn (viết tắt là SFC), có vốn điều lệ 17 tỷ đồng.

#### b. Niêm yết:

Công Ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn được Ủy Ban Chứng Khoán Nhà Nước chấp thuận cho niêm yết tại Trung Tâm Giao dịch Chứng Khoán Thành phố Hồ Chí Minh kể từ ngày 21/09/2004 theo Quyết định số 31/GPPH.

#### c. Thời gian các mốc sự kiện quan trọng từ khi thành lập đến nay:

**2000**

Thực hiện chủ trương đổi mới quản lý các doanh nghiệp Nhà Nước, Công Ty Chất Đốt TP.HCM hưởng ứng đi tiên phong để trở thành một trong những DN đầu tiên của Thành Phố được Ủy ban Nhân Dân Thành Phố lựa chọn để thực hiện cổ phần hóa (theo Quyết Định số 4225/QĐ-UB-KT ngày 15/08/1998).

Năm 2000 được đánh dấu là năm tạo bước ngoặt quan trọng của Công ty Chất Đốt TP. HCM, chính thức chuyển đổi hình thức sở hữu từ doanh nghiệp nhà nước thành công ty Cổ phần với tên gọi là Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn (viết tắt là SFC).

**2001** Kết quả hoạt động kinh doanh của Công ty trong nhiều năm qua đã xây dựng được uy tín thương hiệu SFC trên thị trường xăng dầu thành phố và đưa đến một sự kiện đặc biệt là việc ký kết “*Hợp Đồng trao quyền ưu tiên lựa chọn cung ứng nhiên liệu*” giữa Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn với Công ty TNHH BP Oil International vào ngày 20/12/2001.

**2004** Công Ty CP Nhiên Liệu Sài Gòn chính thức tham gia sàn giao dịch chứng khoán ngày 21/09/2004 (tại Trung tâm GDCK TP.HCM nay là Sở Giao Dịch CK TP.HCM), chỉ sau 4 năm cổ phần hóa, với mã giao dịch là SFC, là 1 trong 20 doanh nghiệp lên sàn đầu tiên của Thành Phố.

**2007** Vốn điều lệ Công ty vào ngày đầu thành lập là 17 tỷ đồng (01/10/2000), trong đó vốn Nhà nước chiếm 20% do Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn (SATRA – tiền thân là Sở Thương Nghiệp TP. HCM nắm giữ).

Thực hiện chỉ đạo của Ủy Ban Nhân dân TP.Hồ Chí Minh (văn bản số 7518/UBND-CNN), vào ngày 06/12/2007, Tổng Công ty Thương mại Sài Gòn đã chuyển phần vốn Nhà Nước đang nắm giữ sang Công ty TNHH Một thành viên Dầu Khí TP. HCM (SAIGON PETRO) – Đơn vị trực thuộc Ban Tài chính Quản trị Thành Ủy nay là Cơ quan Văn Phòng Thành Ủy TP. HCM và là doanh nghiệp đầu mối nhập khẩu xăng dầu có uy tín trên thị trường xăng dầu cả nước.

Ngoài ra, trong năm 2007, Công ty đã thực hiện thành công việc phát hành cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ **17 tỷ đồng lên 34 tỷ đồng**, đem lại gần 25 tỷ đồng vốn thặng dư; đồng thời tăng vốn điều lệ cho Công ty TNHH Một Thành Viên Chế biến Gỗ Tân Phú (Công ty con) từ 7,9 tỷ đồng lên 10 tỷ đồng.

**2009** Công ty CP Nhiên Liệu Sài Gòn đã hoàn thành 2 đợt phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ **34 tỷ đồng lên 45,9 tỷ đồng** (ngày 12/05/2009) và lên **81 tỷ đồng** (ngày 11/12/2009); đồng thời tăng vốn điều lệ cho Cty TNHH Một Thành Viên Chế biến Gỗ Tân Phú từ **10 tỷ đồng lên 18 tỷ đồng**.

**2010** Công ty CP Nhiên Liệu Sài Gòn tiếp tục phát hành thêm cổ phiếu để tăng vốn điều lệ từ **81 tỷ đồng lên 102,7 tỷ đồng** (vào tháng 07/2010).

Như vậy, chỉ trong 4 năm gần đây, vốn điều lệ Công ty đã tăng một cách nhanh chóng, từ 17 tỷ đồng lên 102,704 tỷ đồng, **tăng gấp 6 lần** (604,11%). Vốn điều lệ của Công ty con cũng tăng nhanh tương tự: Từ 5,05 tỷ đồng lên 18 tỷ đồng, **tăng 3,6 lần** (356,43%).

Cũng trong năm 2010, Công ty thành lập mới Chi Nhánh SFC Đồng Tháp gồm 2 Trạm Kinh doanh Xăng dầu số 22 và 23 tại thị xã Cao Lãnh tỉnh Đồng Tháp.

Suốt chặng đường xây dựng và phát triển, nhiều thế hệ lãnh đạo và nhân viên Công ty cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn đã nỗ lực không ngừng để Công ty vững bước đi lên, khẳng định thương hiệu SFC trên thị trường, được Đảng và Nhà Nước tặng nhiều phần thưởng cao quý, mà phần thưởng vinh dự nhất đánh dấu Lễ kỷ niệm 35 năm ngày

thành lập Công ty và 10 năm cổ phần hóa là Công ty được Chủ tịch Nước phong tặng Huân Chương Lao Động Hạng Nhì vào tháng 09/2010.

**2011** Ngày 26/02/2011 Công ty khởi công xây dựng Cao ốc Văn Phòng Công ty tại 146E Nguyễn Đình Chính, quận Phú Nhuận với qui mô 6 tầng, tổng diện tích xây dựng 1.454 m<sup>2</sup>; đồng thời Công ty đã hoàn tất thủ tục chuyển nhượng toàn bộ vốn Công ty con - Công ty TNHH một thành viên Chế biến gỗ Tân Phú kể từ tháng 11/2011.

**2012** Ngày 17/01/2012 Công ty đã làm Lễ động thổ và khởi công xây dựng Siêu thị Co.opmart Bình Triệu tại 68/1 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức với quy mô 02 tầng, tổng diện tích xây dựng 6.597,74m<sup>2</sup>; đồng thời trong năm đã chính thức đưa Cao ốc Văn Phòng Công ty “SFC Building” tại 146E Nguyễn Đình Chính, quận Phú Nhuận vào hoạt động.

**2013** Tháng 07/2013 Công ty đã hoàn tất thủ tục tăng vốn điều lệ từ 102,7 tỷ đồng lên 112,9 tỷ đồng thông qua việc trả cổ tức bằng cổ phiếu. Như vậy, sau 12 năm cổ phần, vốn điều lệ Công ty đã tăng từ 17 tỷ đồng lên 112,9 tỷ đồng, tăng gấp 6,64 lần (664,11%).

Ngày 28/6/2013 dự án hợp tác kinh doanh giữa Công ty Cổ phần Nhiên Liệu Sài Gòn và Liên hiệp Hợp Tác Xã Thương Mại Thành Phố Hồ Chí Minh (Saigon Co.op) đã chính thức Khai Trương Siêu Thị Co.opmart Bình Triệu tại 68/1 Quốc lộ 13, Phường Hiệp Bình Chánh, Quận Thủ Đức; đồng thời trong năm Công ty đã xây dựng mới và đưa vào sử dụng 2 CHXD số 9 và CHXD số 13 vào cuối tháng 12/2013.

Ngày 20/12/2013 Công ty đã liên kết với Ngân hàng VietinBank và MasterCard khai trương dịch vụ thanh toán xăng dầu bằng thẻ MasterCard tại CHXD số 4 và đây là điểm chấp nhận thẻ đầu tiên của MasterCard trong ngành bán lẻ xăng dầu tại Việt Nam. dầu tại Việt Nam.

**2014** Trong năm, Công ty đã xây dựng mới và đưa vào sử dụng CHXD số 21 và CHXD số 6. Đồng thời, được giấy chứng nhận là Công ty đạt thứ hạng cao nhất trong nhóm ngành thương mại về chỉ số hiệu quả kinh doanh tốt nhất trong chương trình đánh giá năng lực hoạt động doanh nghiệp năm 2014.

**2015** Công ty đã vinh dự đón nhận cờ truyền thống của Ủy Ban Nhân Dân TP.HCM trao tặng nhân Kỷ niệm 40 năm ngày thành lập (1975-2015).

**2016** Trong năm, Công ty đã triển khai kinh doanh dầu nhờn thương hiệu Revotec (Công ty CP dầu nhờn STS) trên tất cả các CHXD và đưa ngành hàng dầu nhờn vào hoạt động kinh doanh chính của Công ty. Đồng thời, đã tiến hành cải tạo mới và đưa vào sử dụng CHXD số 12 và CHXD số 04.

**2017** Công ty đã cải tạo, xây dựng mới và đưa vào sử dụng Cửa hàng xăng dầu số 20, đồng thời xây dựng và làm mới toàn bộ hệ thống nhận diện các CHXD; hệ thống các cửa hàng rửa xe, kinh doanh dầu nhờn tiêu chuẩn đáp ứng yêu cầu kinh doanh của Công ty và phù hợp các quy định của cơ quan quản lý Nhà nước.

**2018** Công ty đã đầu tư mới thêm 02 xe bồn với dung tích mỗi xe là 28m<sup>3</sup>, nâng tổng số xe bồn toàn Công ty lên 05 xe nhằm chủ động và đảm bảo việc điều phối hàng hóa kịp thời cho các Cửa hàng xăng dầu. Lắp đặt Thiết bị in chứng từ cho cột đo xăng dầu toàn Công ty theo quy định tại Thông tư số 08/2018/TT-BKHCN ngày 25/8/2015.

**2019** Công ty đã thực hiện cải tạo, xây dựng mới và đưa vào sử dụng Cửa hàng xăng dầu số 17 và số 3, đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty, góp phần làm tăng sản lượng bán ra.

## **1. Ngành nghề và địa bàn kinh doanh:**

### **a. Ngành nghề kinh doanh:**

- Kinh doanh các mặt hàng: xăng, dầu, nhớt, mỡ, dịch vụ rửa, giữ xe các loại; vật tư, máy móc, thiết bị, phụ tùng phục vụ kinh doanh xăng dầu
- Kinh doanh nhà hàng ăn uống (không kinh doanh tại trụ sở);
- Đầu tư xây dựng và kinh doanh khu thương mại, xây dựng dân dụng và công nghiệp; kinh doanh nhà ở (xây dựng, sửa chữa nhà ở để bán hoặc cho thuê)
- Cho thuê mặt bằng, cửa hàng, kho bãi, nhà xưởng; cho thuê văn phòng, căn hộ cao cấp;
- Dịch vụ vận tải hàng hoá đường bộ; dịch vụ uỷ thác và giao nhận hàng hoá xuất nhập khẩu;
- Đại lý bảo hiểm;
- Kinh doanh bất động sản.

### **b. Địa bàn kinh doanh:**

Các Cửa hàng XD, kho bãi, nhà xưởng... của Công ty nằm rải rác trên các Quận, Huyện thuộc địa bàn TP. Hồ Chí Minh.

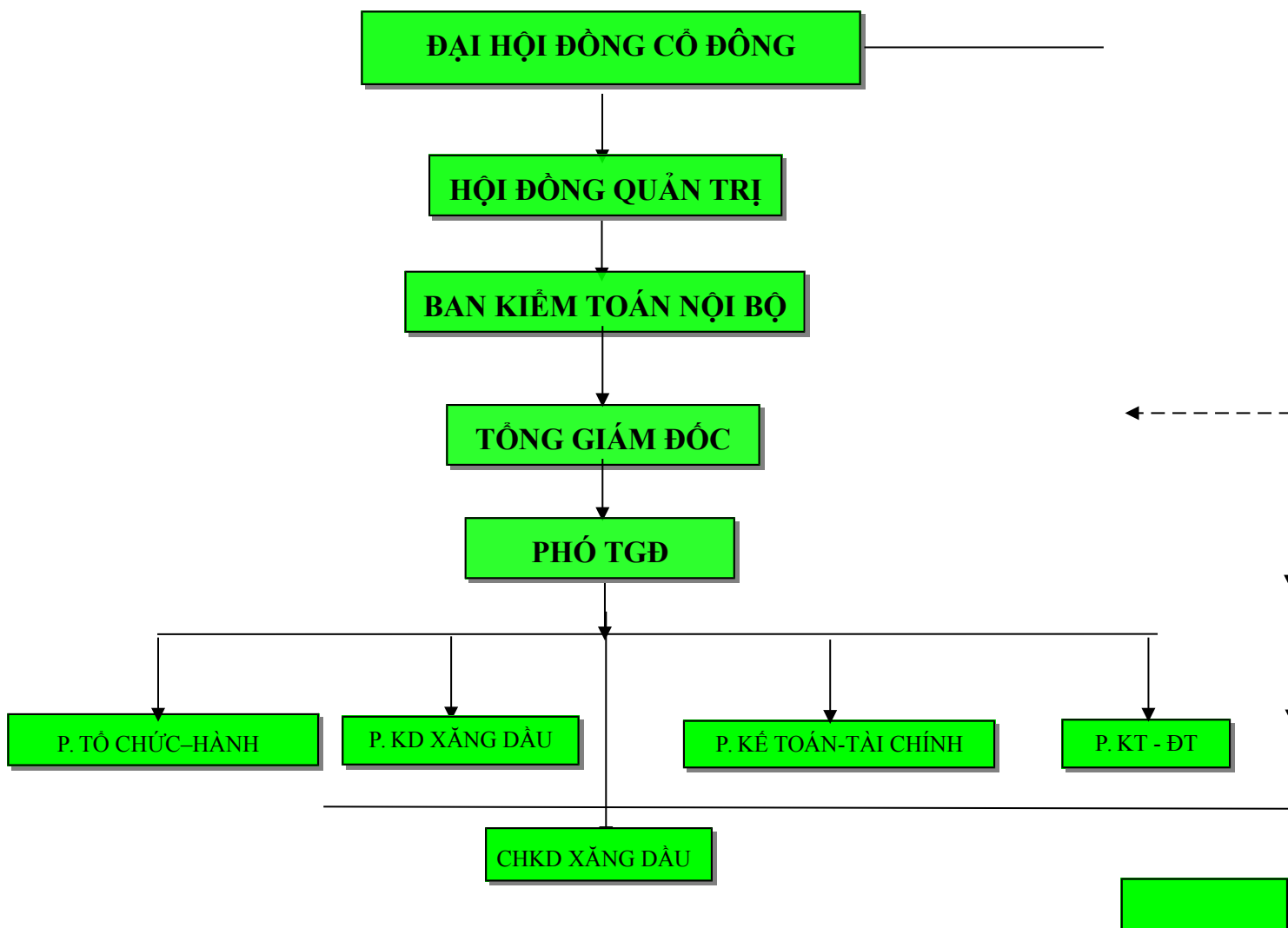
## **4. Thông tin về mô hình quản trị, tổ chức kinh doanh và bộ máy quản lý:**

### **a. Mô hình quản trị:**

- Đại hội đồng cổ đông (ĐHĐCĐ) là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. HĐQT có nhiệm vụ thông qua các báo cáo của HĐQT về tình hình hoạt động kinh doanh; quyết định các phương án, nhiệm vụ KD và đầu tư; bổ sung, sửa đổi Điều lệ của Công ty; thông qua các chiến lược phát triển; bầu, bãi nhiệm HĐQT và các quyền hạn, nhiệm vụ khác theo quy định của luật pháp và điều lệ.

- Hội đồng quản trị (HĐQT) gồm 5 thành viên có nhiệm kỳ 5 năm do ĐHĐCĐ bầu ra, là cơ quan lãnh đạo cao nhất của Công ty giữa 2 kỳ ĐHĐCĐ; có toàn quyền nhân danh Công ty để quyết định mọi vấn đề có liên quan đến mục đích, quyền lợi của Công ty ngoại trừ những vấn đề thuộc thẩm quyền của ĐHĐCĐ.
- Tổng Giám Đốc Công ty do HĐQT bổ nhiệm có nhiệm kỳ 3 năm. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty, trực tiếp chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc tổ chức, quản lý điều hành các hoạt động tác nghiệp hàng ngày của Công ty, sử dụng có hiệu quả các nguồn lực của Công ty và thi hành các quyết nghị, quyết định của HĐQT.
- Cơ cấu tổ chức của Công ty được xây dựng trên nguyên tắc phân công, quản lý theo các chức năng công việc, có mối quan hệ chặt chẽ với nhau. Tổng Giám đốc quản lý và điều hành công việc thông qua việc phân cấp, phân quyền cho Trưởng các đơn vị nghiệp vụ chức năng để giải quyết các công việc cụ thể.

**b. Sơ đồ tổ chức:**



**5. Định hướng phát triển:**

Với dự báo tình hình kinh tế thế giới tiếp tục xu hướng tăng trưởng ổn định, môi trường đầu tư kinh doanh trong nước ngày càng được cải thiện, kinh tế vĩ mô ổn

định, lạm phát được kiểm soát.. tuy nhiên sẽ còn nhiều khó khăn, thách thức tác động đến kinh tế nước ta, Hội đồng quản trị đã cùng Ban điều hành phân tích những thuận lợi và khó khăn, những cơ hội, thách thức đối với Công ty để xây dựng định hướng chiến lược cho những năm tiếp theo nhằm đạt mục tiêu phát triển lâu dài của Công ty đã xây dựng tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của mình.

a. **TẦM NHÌN**: Công ty Cổ Phần Nhiên Liệu Sài Gòn - SFC là Công ty phát triển bền vững và hiệu quả, hướng đến mục tiêu trở thành một trong những công ty kinh doanh xăng dầu hàng đầu tại Thành phố Hồ Chí Minh và các tỉnh lân cận.

b. **SỨ MỆNH**: SFC mang lại sự hài lòng cho khách hàng thông qua sản phẩm và dịch vụ đạt chất lượng cao; cam kết mang lại giá trị cao nhất và sự thịnh vượng cho cổ đông và cán bộ - nhân viên công ty; đồng thời đóng góp vào sự phát triển của cộng đồng và xã hội.

c. **GIÁ TRỊ CỐT LÕI**:

- Tuân thủ: Pháp luật, nội quy và các quy định, quy trình, quy chế... của Công ty.
- Trung thực: Với khách hàng, đối tác, Công ty và những người xung quanh.
- Chuyên nghiệp: Chuyên tâm và tận lực với công việc để tạo hiệu quả cao nhất.

d. **Các mục tiêu đối với môi trường, xã hội và cộng đồng của Công ty:**

Xăng dầu đóng vai trò hết sức quan trọng trong nền kinh tế quốc dân và đời sống của con người nhưng trong quá trình phân phối, xăng dầu ít nhiều đã gây ô nhiễm môi trường cũng như ảnh hưởng tới sức khỏe của con người và đặc biệt ở Thành phố Hồ Chí Minh nơi mà nhu cầu tiêu thụ xăng dầu rất lớn. Với tác hại do xăng dầu gây ra và trong khả năng của mình, Công ty đã đề ra những giải pháp nhằm cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và bảo vệ sức khỏe cộng đồng như: Thực hiện báo cáo giám sát môi trường, lập sổ chủ nguồn thải, thu gom chất thải nguy hại, lập phương án phòng ngừa ứng phó sự cố hóa chất cho các Cửa hàng XD theo quy định; Thực hiện Chương trình 5S; Triệt để sử dụng hệ thống thu hồi hơi tại các Cửa hàng XD; Trang bị bảo hộ lao động, thực hiện chế độ bồi dưỡng độc hại cho người lao động; Khám sức khỏe định kỳ và khám chữa bệnh nghề nghiệp cho nhân viên bán hàng. CBNV được cấp giấy chứng nhận tham gia các lớp huấn luyện về: bồi dưỡng nghiệp vụ XD, an toàn vệ sinh lao động, PCCC, bảo vệ môi trường,... của các cơ quan đơn vị có chức năng đào tạo theo quy định.

Bên cạnh hoạt động kinh doanh, Công ty cũng rất quan tâm đến các hoạt động cộng đồng như: xây dựng quỹ tương trợ, quỹ học bổng “Nguyễn Đức Cảnh” nhằm hỗ trợ, giúp đỡ cho CBNV; hằng năm tổ chức trao học bổng cho con CBNV học giỏi, nhận và nuôi dưỡng bà mẹ Việt Nam Anh Hùng trong hơn 20 năm qua; vận động CBCNV đóng góp tổ chức trao quà cho học sinh nghèo, gia đình chính sách, trẻ khuyết tật, mồ côi gặp khó khăn nơi xa xôi hẻo lánh.... Những nội dung trên cũng là một trong



những mục tiêu chiến lược của Công ty trong quá trình hoạt động nhằm góp phần đưa Công ty phát triển bền vững và lâu dài, đồng thời thể hiện tinh thần tương thân tương ái của dân tộc và nâng cao ý thức, trách nhiệm của người lao động đối với cộng đồng xã hội.

## **6. Các rủi ro:**

### **a. Rủi ro kinh tế:**

Sự phát triển ngành xăng dầu gắn chặt vào sự phát triển của nền kinh tế nói chung và những chính sách kinh tế điều tiết cho ngành nói riêng. Kinh tế phát triển nhanh sẽ làm gia tăng nhu cầu tiêu dùng cá nhân cũng như của cả xã hội và ngược lại. Theo báo cáo tình hình kinh tế- xã hội của Chính phủ tổng sản phẩm trong nước (GDP) năm 2013 là 5,4%, năm 2014 là 5,98%, năm 2015 là 6,68%, năm 2016 là 6,21%, năm 2017 GDP đạt 6,81%, năm 2018 GDP đạt 7,08% và 9 tháng năm 2019 GDP đạt 6,98% đây là mức tăng cao nhất trong 11 năm qua cho thấy sự phát triển nền kinh tế đang có nhiều chuyển biến tích cực, đúng hướng. Tuy nhiên, nền kinh tế trong nước vẫn phải đối mặt với những khó khăn, thách thức như chất lượng tăng trưởng, bội chi ngân sách, năng suất lao động thấp, thiên tai xảy ra nhiều và liên tục đã ảnh hưởng đáng kể đến tình hình sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp và đời sống nhân dân.

Trong tình hình đó, Công ty tiếp tục phát huy thế mạnh của mình và thực hiện một số biện pháp như: Xây dựng, cải tạo nâng cấp các Cửa hàng XD hiện hữu, đầu tư trang thiết bị mới, xây dựng chương trình chăm sóc khách hàng, tiết giảm chi phí... tổ chức và mở rộng mạng lưới kinh doanh ngành hàng nhớt, hợp tác với đơn vị rửa xe thông minh nhằm tăng lợi nhuận và thuận tiện cho khách hàng khi sử dụng dịch vụ trong hệ thống của SFC.

### **b. Rủi ro thị trường:**

Ngành xăng dầu, xét từ nhiều góc độ, là một ngành hàng quan trọng mà cho đến nay vẫn chịu sự quản lý trực tiếp của Nhà nước, nguồn cung cấp xăng dầu của Việt Nam phụ thuộc vào nhập khẩu nên giá xăng dầu sẽ thay đổi theo giá xăng dầu trên thị trường thế giới. Kinh tế thế giới duy trì đà tăng trưởng tốt trong nửa đầu năm 2018, sau đó đã xuất hiện những diễn biến phức tạp hơn, mối quan hệ căng thẳng giữa các nước lớn, đặc biệt là cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung, ảnh hưởng tới tăng trưởng kinh tế toàn cầu.

Kinh tế - xã hội nước ta 9 tháng năm 2019 diễn ra trong bối cảnh kinh tế thế giới có xu hướng tăng trưởng chậm lại với các yếu tố rủi ro, thách thức gia tăng. Cuộc chiến thương mại Mỹ - Trung diễn biến khó lường, căng thẳng địa chính trị leo thang ở Vịnh Ba Tư, nguy cơ Brexit không có thỏa thuận và bất ổn chính sách gia tăng trên toàn cầu, niềm tin kinh doanh và tâm lý thị trường tài chính giảm sút, thương mại và đầu tư thế giới giảm. Các tổ chức quốc tế liên tục đưa ra dự báo thiếu lạc quan về tăng trưởng kinh tế thế giới năm 2019. Xu hướng gia tăng chủ nghĩa bảo hộ sản xuất, bảo hộ mậu dịch cùng những thay đổi về địa chính trị cũng là thách thức đối với kinh tế thế giới và ảnh hưởng tới kinh tế Việt Nam. Trong nước, nền kinh tế 9 tháng năm nay tiếp tục chuyển biến tích cực, kinh

tế vĩ mô ổn định, lạm phát được kiểm soát ở mức thấp nhưng cũng đối mặt không ít khó khăn, thách thức.

Trước tình hình đó, để ổn định và phát triển Công ty đã phát huy những thế mạnh của mình mở rộng kinh doanh, đa dạng hóa các hình thức như hoạt động bán phiếu cung ứng xăng dầu trực tiếp và online cho khách hàng, đồng thời tiết kiệm chi phí, không ngừng xây dựng và phát triển thương hiệu và văn hóa doanh nghiệp nhằm phục khách hàng một cách tốt nhất.

**c. Rủi ro pháp luật:**

Từ một doanh nghiệp nhà nước chuyển đổi thành công ty cổ phần, hoạt động của Công ty Nhiên Liệu Sài Gòn chịu sự điều chỉnh và chịu ảnh hưởng của các luật, nghị định, thông tư hướng dẫn... liên quan đến công ty cổ phần, chứng khoán và thị trường chứng khoán. Do đó, rủi ro về việc sửa chữa, thay đổi của các quy định từ các cơ quan quản lý Nhà nước là tất yếu và không thể tránh khỏi.

Ngoài những ảnh hưởng của pháp luật về thị trường chứng khoán và cổ phần hoá, Công ty còn phải chịu rủi ro về pháp luật liên quan tới các chính sách thuế xuất nhập khẩu, đặc biệt là thuế nhập khẩu mặt hàng nhiên liệu xăng dầu và các tiêu chuẩn về xăng dầu do Nhà nước quy định.

Việc thực hiện Nghị định 83/2014/NĐ-CP ngày 03/9/2014 về Kinh doanh xăng dầu và thông tư 38/2014/TT-CP đã tăng cường tính cạnh tranh, công khai, minh bạch; quản lý chặt chẽ hệ thống phân phối, đảm bảo cung ứng ổn định trong hệ thống,....

Đối với Công ty để giảm thiểu rủi ro này, HĐQT và Ban điều hành thường xuyên theo dõi, phân tích, dự báo tình hình qua đó lựa chọn và đưa ra những biện pháp kinh doanh phù hợp trong từng thời kỳ giúp Công ty đạt hiệu quả kinh doanh tốt nhất.

**d. Rủi ro ngành nghề:**

Ngành nghề của Công ty là kinh doanh xăng dầu, đây là ngành hàng dễ gây cháy, nổ, hỏa hoạn. Do vậy, Công ty luôn tuân thủ các quy định về công tác ATVSLĐ, Phòng chống cháy nổ, PCCC được triển khai và thực hiện nghiêm trong toàn hệ thống, Công ty đã thường xuyên kiểm tra hệ thống báo cháy tự động kết nối trung tâm và vận hành hệ thống chữa cháy bằng bột Foam tại các CHXD nhằm đảm bảo hệ thống luôn luôn hoạt động tốt. Đồng thời, Công ty thực hiện đào tạo nâng cao kiến thức, thực hành công tác PCCC cho toàn thể CB NV và mua bảo hiểm cháy nổ bắt buộc theo quy định nhằm hạn chế tối đa thiệt hại cho Công ty.

**e. Rủi ro tín dụng:**

Là đơn vị kinh doanh bán lẻ xăng dầu, Công ty thường xuyên bán hàng trả chậm cho một số khách hàng công nghiệp, đại lý... đa phần với hình thức tín chấp, vì vậy rủi ro từ việc khách hàng không thực hiện đúng cam kết theo những điều khoản trong hợp đồng dẫn đến tổn thất về tài chính. Để hạn chế tối đa rủi ro này, Hội đồng quản trị của Công ty đã ban hành quy chế bán hàng với các quy định chặt chẽ về các đối tượng mua hàng, định mức bán hàng, hạn mức nợ và thời gian nợ một cách cụ thể. Đồng thời, Ban điều hành Công ty thường xuyên theo dõi nợ phải thu để đôn đốc thu

hồi, tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát nhằm giảm thiểu rủi ro và kiên quyết chấm dứt hợp đồng đối với những khách hàng có công nợ dây dưa, không thực hiện đúng cam kết hợp đồng.

## II. TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG TRONG NĂM:

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty Cổ phần nhiên Liệu Sài Gòn năm 2019 trong bối cảnh có nhiều sự thay đổi về chính sách quản lý chung của nhà nước trong lĩnh vực hoạt động kinh doanh xăng dầu; chịu sự tác động của những biến động trên thị trường xăng dầu thế giới nói chung và của Việt Nam nói riêng.

Trong 9 tháng đầu năm 2019, giá các loại dầu thô thế giới tiếp tục diễn biến phức tạp, khó lường. Thị trường trong nước, 9 tháng năm 2019 giá xăng dầu được điều chỉnh 18 lần, trong đó mặt hàng Xăng RON 95 có bốn lần giữ nguyên giá, sáu lần tăng giá với tổng mức tăng là 5.597 đồng/lít, và tám lần giảm giá với tổng mức giảm 3.687 đồng/lít. Mặt hàng xăng E5 RON 92 có bốn lần giữ nguyên giá, sáu lần tăng giá với tổng mức tăng là 5.554 đồng/lít, và tám lần giảm giá với tổng mức giảm 3.135 đồng/lít. Mặt hàng Dầu DO 0,05S có bốn lần giữ nguyên giá, bảy lần tăng giá với tổng mức tăng là 3.152 đồng/lít, và bảy lần giảm giá với tổng mức giảm 2.953 đồng/lít.

Với nỗ lực và quyết tâm trong năm qua tập thể CBNV Công ty đã vượt qua những khó khăn, thử thách để trưởng thành và phát triển bền vững, khẳng định vị thế thương hiệu trên thị trường. Sau hơn 17 năm cổ phần hoá, SFC đã đạt được những thành công nhất định, trở thành một Công ty cổ phần kinh doanh thương mại dịch vụ đa ngành với vốn điều lệ đạt 112,9 tỷ đồng, tổng giá trị tài sản 351,822 tỷ đồng, lợi nhuận của Công ty giữ ổn định, thương hiệu SFC đã chiếm được lòng tin của người tiêu dùng, khẳng định được vị trí trên thị trường xăng dầu và cũng là một trong những Công ty cổ phần có giá trị cổ phiếu giao dịch tương đối ổn định trên thị trường chứng khoán.

*Những chỉ tiêu kinh doanh chủ yếu của Cty SFC thực hiện trong những năm qua:*  
Đvt: Triệu

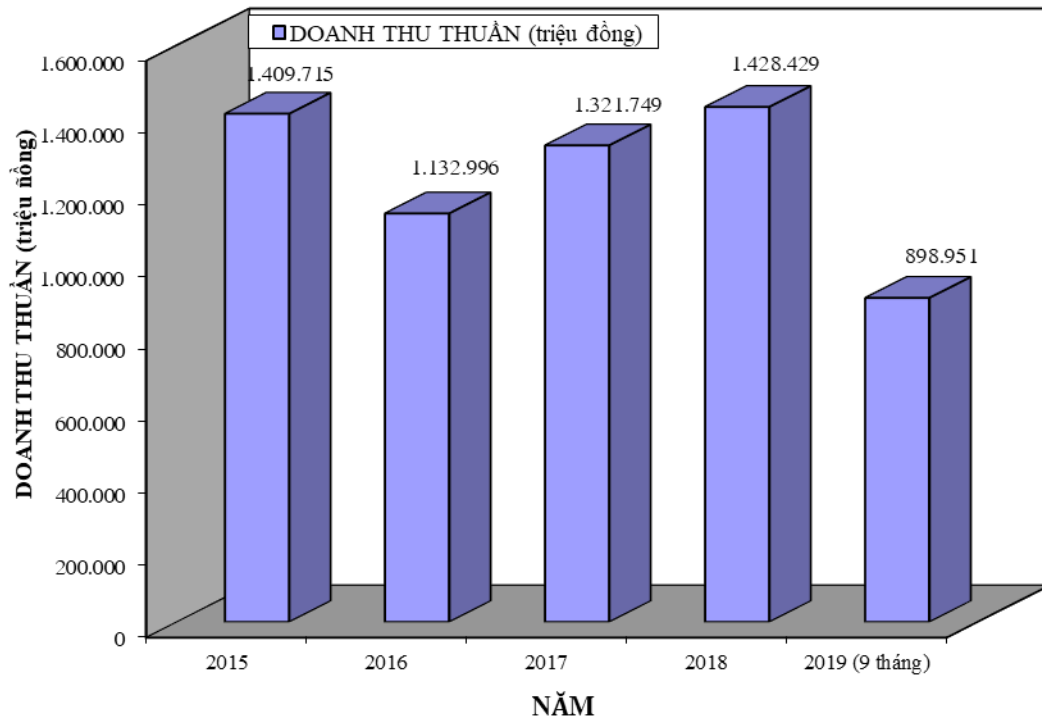
đồng

Chỉ tiêu	2015	2016	2017	2018	2019 (9 tháng)
Doanh thu thuần	1.409.715	1.132.996	1.321.749	1.428.429	898.951
Lợi nhuận trước thuế	51.406	54.173	39.995	39.955	30.348
Lợi nhuận sau thuế	39.690	43.181	31.834	31.695	24.165
Tổng tài sản	449.247	519.328	491.770	293.273	351.882
Vốn điều lệ	112.915	112.915	112.915	112.915	112.915
Cổ tức (%)	25%	28%	30%	30%	30%

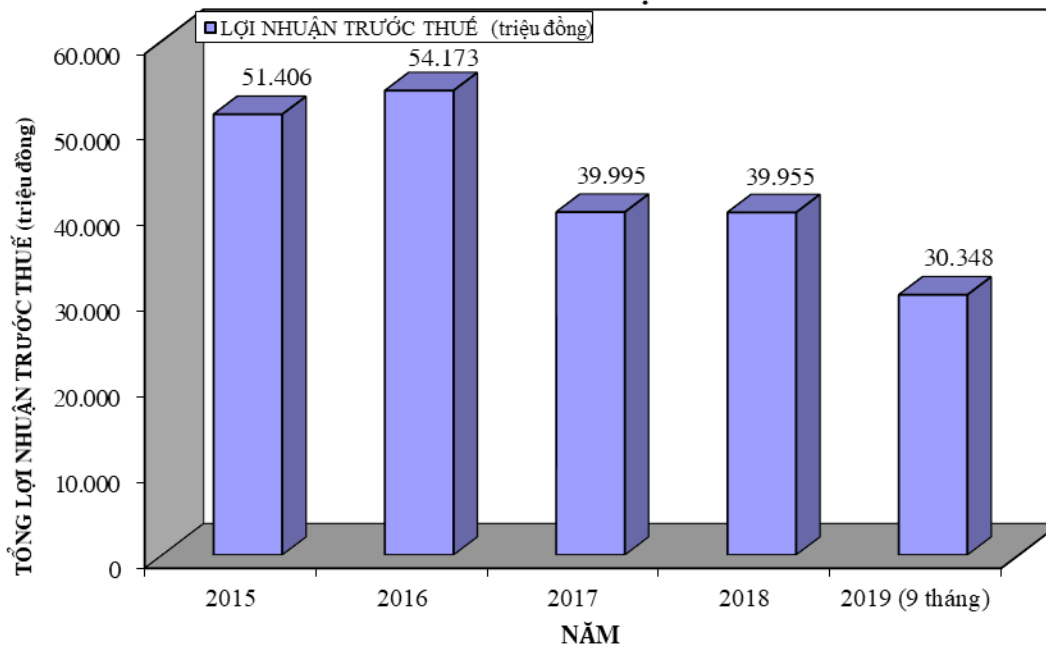
- Doanh thu thực hiện năm trước tăng/giảm so với năm sau là do giá bán lẻ xăng dầu biến động.
- Tổng lợi nhuận trước thuế trong 5 năm là 215.877 tỷ bình quân mỗi năm 43.175 tỷ. Năm cao nhất là 54.173 tỷ, năm thấp nhất (9 tháng) là 30.348 tỷ.

- Tháng 7/2013 Công ty đã hoàn tất thủ tục tăng vốn điều lệ từ 102,7 tỷ đồng lên 112,9 tỷ đồng thông qua việc trả cổ tức bằng cổ phiếu, như vậy vốn điều lệ Công ty đã tăng gấp 6,64 lần so với vốn điều lệ ban đầu.
- Cổ tức tăng qua các năm, nếu năm 2015 cổ tức là 25% thì đến năm 2019 (9 tháng) cổ tức là 30%.

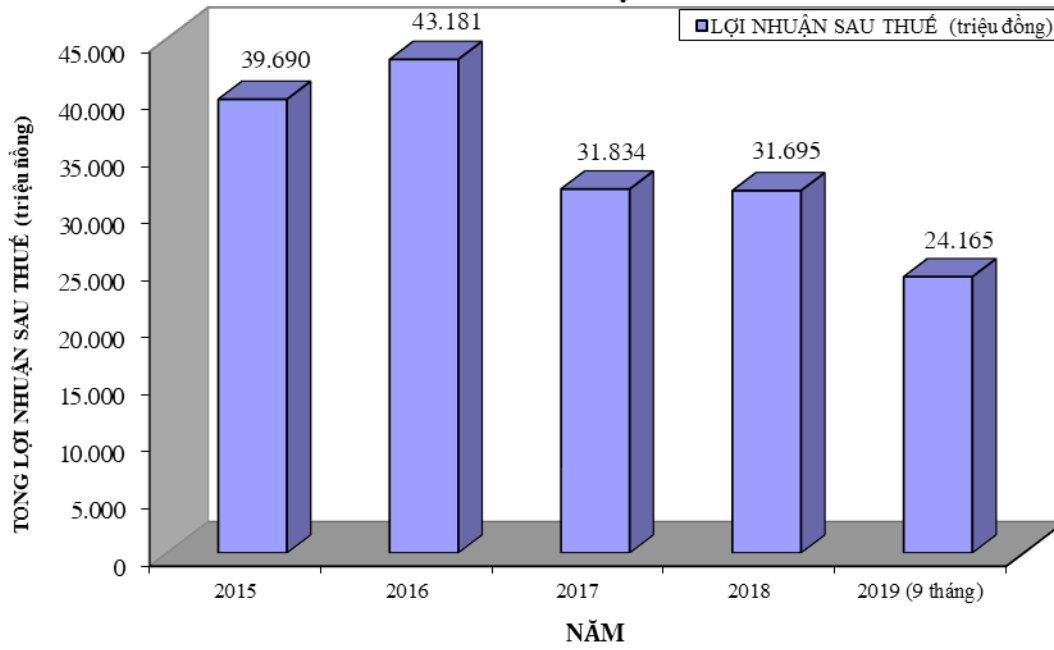
**BIỂU ĐỒ DOANH THU THUẦN CÔNG TY SFC  
GIAI ĐOẠN 2015 - 2019**



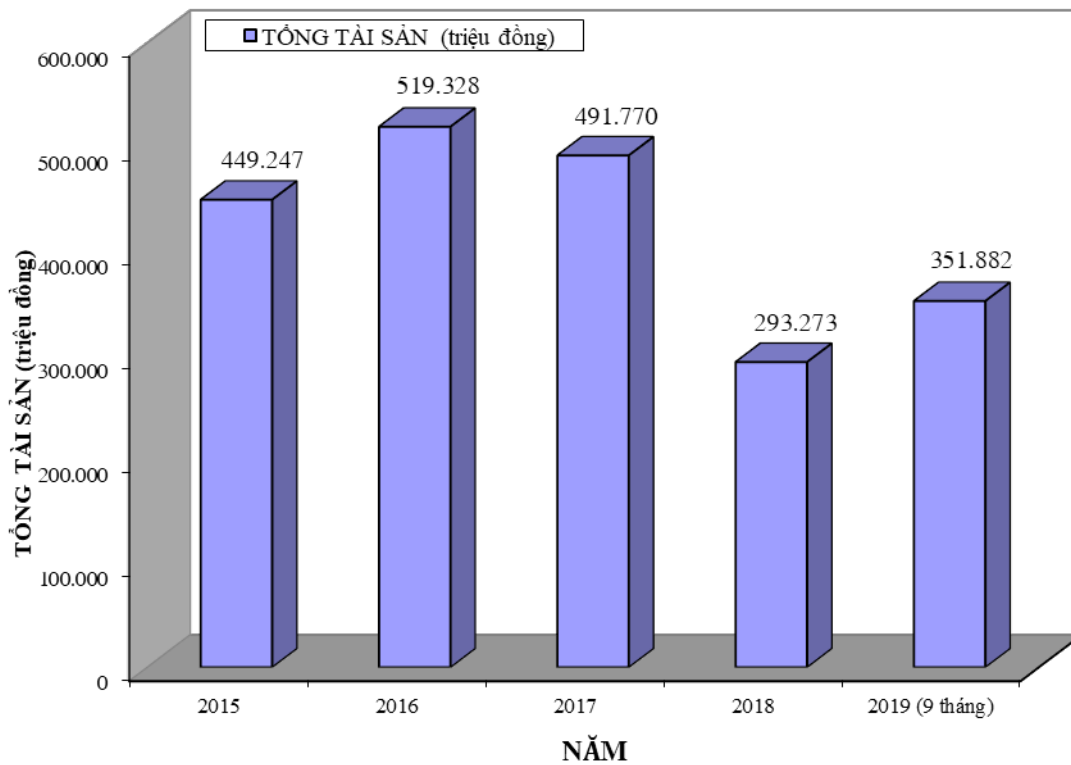
**BIỂU ĐỒ TỔNG LỢI NHUẬN TRƯỚC THUẾ  
GIAI ĐOẠN 2015 - 2019**



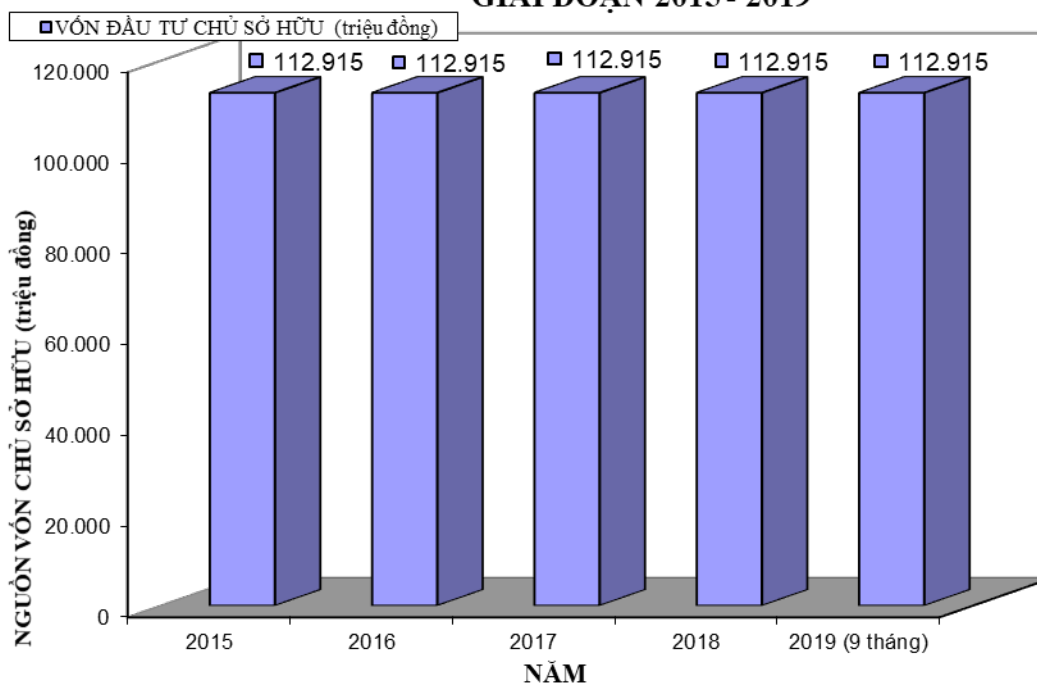
**BIỂU ĐỒ TỔNG LỢI NHUẬN SAU THUẾ  
GIAI ĐOẠN 2015 - 2019**



**BIỂU ĐỒ TỔNG TÀI SẢN CÔNG TY SFC  
GIAI ĐOẠN 2015 - 2019**



**BIỂU ĐỒ NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU CÔNG TY SFC  
GIAI ĐOẠN 2015 - 2019**



**2. Tổ chức và nhân sự:**

**a. Danh sách Ban điều hành.**

**Ông Phan Ngọc Hùng**

- Năm sinh:
- Trình độ chuyên môn:

**Tổng Giám đốc**

- 1979
- Thạc sỹ kinh tế

**Bà Bùi Hoài Châu**

- Năm sinh:
- Trình độ chuyên môn:

**Phó Tổng Giám đốc**

- 1968
- Cử nhân kinh tế.

**Bà Phạm Thị Thu Nga**

- Năm sinh:
- Trình độ chuyên môn:

**Kế toán trưởng**

- 1970
- Cử nhân Tài chính Kế toán

**b. Những thay đổi trong Ban Điều hành: không**

**c. Số lượng cán bộ, nhân viên:**

**- Số lượng cán bộ, nhân viên:**

Số lượng người lao động trong Công ty đến thời điểm ngày 30/09/2019 là 222 người.

Cơ cấu lao động phân theo trình độ cụ thể như sau:

Stt	Trình độ	Số lượng (người)	Khối gián	Khối trực tiếp	Tỷ lệ (%)
1	Thạc sỹ	1	1	0	0,45
2	Đại học	21	18	3	9,46
3	Cao đẳng	5	3	2	2,25
4	Trung cấp	25	22	3	11,26

5	Cấp 3	113	3	110	50,90
4	Cấp 2	55	3	52	24,77
5	Cấp 1	2	0	2	0,90
	<b>Tổng cộng</b>	<b>222</b>	<b>50</b>	<b>172</b>	<b>100,00</b>

- **Chính sách đào tạo, lương thưởng, trợ cấp:**

Công tác đào tạo luôn được Công ty chú trọng, đặc biệt là những cán bộ trẻ nhằm nâng cao trình độ, chất lượng hiệu quả công việc. Trong năm, Công ty đã tổ chức huấn luyện cho Người lao động về công tác bảo hộ - an toàn lao động, các Bộ luật liên quan và kỹ năng, nghiệp vụ xăng dầu, bảo vệ môi trường, PCCC, đào tạo đội ngũ kế thừa Trưởng ca tại các Cửa hàng xăng dầu,... Công ty đã quy định cụ thể trình độ văn hoá, nghiệp vụ chuyên môn đối với chức danh quản lý và thời gian phấn đấu với mục đích nâng cao năng lực, trình độ quản lý.

• **Chính sách tiền lương, thưởng, trợ cấp, phúc lợi**

Công ty thực hiện đúng quy định của Nhà nước về chính sách tiền lương, thưởng cũng như các chế độ phúc lợi xã hội cho nhân viên.

Công ty ban hành quy chế trả lương, thưởng, đảm bảo nguyên tắc phân phối theo lao động, khắc phục tình trạng phân phối bình quân, đánh giá đúng mức độ đóng góp của từng vị trí công tác trong Công ty, gắn liền tiền lương với năng suất, chất lượng và hiệu quả của từng người, khuyến khích người lao động có trình độ chuyên môn kỹ thuật cao, khuyến khích mọi người nâng cao hiệu suất công tác. Từ đó khuyến khích CB.NV làm việc hăng say góp phần thúc đẩy hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Thu nhập bình quân của người lao động đạt như sau:

Năm thực hiện	Thu nhập bình quân
2018	9.713.455 đồng/người/tháng
2019	10.697.990 đồng/người/tháng

Công ty thực hiện chi trả lương đầy đủ và đúng thời hạn theo quy định, đảm bảo thực hiện đầy đủ các chế độ chính sách cho người lao động như Bảo hiểm xã hội, Bảo hiểm y tế, Bảo hiểm thất nghiệp cho nhân viên theo Bộ Luật LĐ, Luật BHXH và Thỏa ước LĐTT. Đồng thời Công ty đã mua Bảo hiểm tai nạn con người 24/24 giờ cho tất cả CBNV nhằm hỗ trợ người lao động khi có sự cố tai nạn; kịp thời trợ cấp khó khăn đột xuất cho người lao động; thực hiện chế độ bồi dưỡng độc hại bằng hiện vật cho người lao động làm công việc nặng nhọc độc hại theo quy định.

Hàng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBNV, đồng thời tổ chức khám và chữa bệnh nghề nghiệp cho nhân viên trực tiếp bán xăng dầu, tài xế xe bồn. Trang bị phương tiện bảo vệ cá nhân cho người lao động theo đúng tiêu chuẩn chức danh công việc.

Tổ chức tặng quà chăm lo cho CBNV nhân ngày Tết Nguyên Đán, ngày Quốc tế phụ nữ 8/3, ngày thương binh liệt sĩ 27/7, kỷ niệm 2/9, ngày thành lập Quân đội nhân dân 22/12, ... Tham gia các hoạt động xã hội tương thân tương ái, giúp đỡ CBNV có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ đồng bào bị lũ lụt, đóng góp vào quỹ xóa đói giảm nghèo của TP, phụng dưỡng Bà mẹ Việt Nam anh hùng... Đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, thông qua các chương trình văn thể mỹ, tạo không khí vui tươi lành mạnh trong Công ty.

Hàng năm Công ty tổ chức CBNV đi nghỉ mát theo thỏa ước lao động tập thể với kinh phí trích từ quỹ phúc lợi.

### 3. Tình hình đầu tư và thực hiện các dự án:

Trong năm 2019, Công ty đã thực hiện đầu tư như sau:

Công ty đã thực hiện cải tạo, xây dựng mới và đưa vào sử dụng Cửa hàng xăng dầu số 17 và số 3, đáp ứng nhu cầu hoạt động kinh doanh của Công ty, góp phần làm tăng sản lượng bán ra.

### 4. Tình hình tài chính

#### a. Tình hình tài chính

Chỉ tiêu/ <i>Financial Figure</i>	Năm/Year 2018	Năm/Year 2019	% tăng giảm/ % <i>change</i>
<i>* Đối với tổ chức không phải là tổ chức tín dụng và tổ chức tài chính phi ngân hàng/ Applicable for organization other than credit institutions and non-bank financial institutions:</i>			
<b>Tổng giá trị tài sản/Total asset</b>	<b>293.273.451.112</b>	<b>351.882.496.121</b>	<b>119,98%</b>
<b>Doanh thu thuần/Net revenue</b>	1.428.429.505.703	898.951.043.403	62,93%
<b>Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/ Profit from operating activities</b>	40.247.768.715	30.228.446.238	75,11%
<b>Lợi nhuận khác/ Other profits</b>	(292.094.690)	120.033.643	-41,09%
<b>Lợi nhuận trước thuế/ Profit before tax</b>	39.955.674.025	30.348.479.881	75,96%
<b>Lợi nhuận sau thuế/ Profit after tax</b>	31.695.783.068	24.165.212.261	76,24%
<b>Tỷ lệ lợi nhuận trả cổ tức/ Payout ratio (DOE)</b>	30%	30%	100,00%

- Các chỉ tiêu khác/ *other figures*: (tùy theo đặc điểm riêng của ngành, của công ty để làm rõ kết quả hoạt động kinh doanh trong hai năm gần nhất/*depending on the specific characteristics of the industry and of the Company to clarify the company's operating results for the last two years*).

#### **b) Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu/Major financial benchmarks:**

Chỉ tiêu/ <i>Benchmarks</i>	Năm/Year 2018	Năm/Year 2019	Ghi chú/Note



<b>1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán/ Solvency ratio</b>			
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn/ <b>Current ratio:</b> (Tài sản ngắn hạn/Nợ ngắn hạn) (Short term Asset/Short term debt)	1.96	1.45	Lần
+ Hệ số thanh toán nhanh/ <b>Quick ratio:</b> (Tài sản ngắn hạn - Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn (Short term Asset - Inventories)/Short term Debt	1.82	1.45	lần
<b>2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn/ capital structure Ratio</b>			
+ Hệ số Nợ/Tổng tài sản (Debt/Total assets ratio)	28.26%	43.69%	%
+ Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu (Debt/Owners' Equity ratio)	39.39%	77.59%	%
<b>3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động/ Operation capability Ratio</b>			
+ Vòng quay hàng tồn kho / <b>Inventory turnover:</b> (Doanh thu thuần /Hàng tồn kho bình quân (Cost of goods sold/Average inventory))	102.94	43.12	vòng
+ <b>Doanh thu thuần/Tổng tài sản (Asset turnover ratio)</b> (Net revenue/ Average Total Assets)	363.91%	255.47%	%
<b>4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời/ Target on Profitability</b>			
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần ( <b>profit after tax/ Net revenue Ratio</b> )	2.22%	2.69%	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu ( <b>profit after tax/ Average total capital Ratio</b> )	14.85%	12.20%	%
+ Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản ( <b>profit after tax/ Average Total assets Ratio</b> )	8.07%	6.87%	%
+ Hệ số Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh/Doanh thu thuần ( <b>Operating profit/ Net revenue Ratio</b> )	2.82%	3.36%	%
.....			

## **5. Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu:**

- a. **Cổ phần:** Số lượng chứng khoán niêm yết hiện nay (chốt danh sách cổ đông ngày 20/11/2019): 11.291.459 cổ phiếu - Trong đó có 56.640 cổ phiếu quỹ.
- b. **Cơ cấu cổ đông tính đến thời điểm 12/03/2019:**

HỌ TÊN / TỔ CHỨC SỞ HỮU CHỨNG KHOÁN	Số lượng	%/VĐL
<b>I. Cá nhân</b>	<b>2.910.675</b>	<b>25,75%</b>
- Trong nước	2.827.918	25,02%
+ Trong đó : CBCNV SFC	56.291	0,50%
- Nước ngoài	82.757	0,73%
<b>II. Tổ chức</b>	<b>8.380.784</b>	<b>74,25%</b>
- Trong nước	8.375.351	74,21%
+ Trong đó : - STS	5.758.634	50,99%
- Saigon Petro	2.259.708	20,01%
	357.009	
- Nước ngoài	5.433	0,04%
<b>Tổng cộng</b>	<b>11.291.459</b>	<b>100,00%</b>

**Thông tin chi tiết về cổ đông lớn:**

TT	Tên cổ đông	Địa chỉ	Số cổ phần năm giữ	Tỷ trọng
1	Công ty CP Dịch Vụ Xăng Dầu Hàng Hải STS	Lầu 3, Số 6 Lê Thánh Tôn, P. Bến Nghé, Q.1	5.758.634	50,99%
2	Công ty TNHH Một thành viên Dầu khí TP. HCM	27 Nguyễn Thông, Q.3, TP. HCM	2.259.708	20,01%
3	Lê Trọng Hiếu		1.344.345	11,91%
<b>Tổng cộng</b>			<b>9.362.687</b>	<b>82,91%</b>

c. **Giao dịch cổ phiếu quỹ:**

- Tồn đầu kỳ 01/01/2019: 56.640 CP.
- Mua: 0 CP
- Bán: 0 CP
- Tồn cuối kỳ 30/09/2019: 56.640 CP

d. **Cổ tức:**

Thực hiện kế hoạch trả cổ tức năm 2019 đã được ĐHĐCĐ thường niên năm 2018 phê chuẩn, Công ty thực hiện như sau:

- Tháng 12/2019 : Công ty đã tạm ứng và thanh toán chi cổ tức bằng tiền mặt tỷ lệ 30% trên VĐL 112,9 tỷ đồng.
- Với kết quả lợi nhuận năm 2019, Hội đồng Quản trị lập tờ trình phân phối lợi nhuận, đề xuất chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt tỷ lệ 30% trên VĐL.

**e. Các chứng khoán khác:**

Vốn Công ty đầu tư vào các doanh nghiệp khác đến 30/09/2019 là 10.296.000.000 đồng.

- **Cty CP Cà Phê Petec:** Số lượng CP nắm giữ: 29.200 CP, trị giá đầu tư: 296.000.000 đồng; không có cổ tức.
- **Cty CP Đầu tư & Phát triển Gia Định (GDI):** Số lượng CP: 625.000 CP, trị giá đầu tư 10 tỷ đồng; không có cổ tức.

**6. Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty:**

Xăng dầu là mặt hàng đóng vai trò hết sức quan trọng trong nền kinh tế quốc dân và đời sống của con người. Nhưng trong quá trình phân phối, xăng dầu ít nhiều đã gây ô nhiễm môi trường cũng như ảnh hưởng tới sức khỏe của con người, đây là mặt hàng rất dễ cháy nổ, gây nguy hiểm đến tính mạng và tài sản con người, đồng thời là nguyên nhân nảy sinh nhiều vấn đề tác động xấu đến môi trường và đặc biệt ở Thành phố Hồ Chí Minh nơi mà nhu cầu tiêu thụ xăng dầu rất lớn. Với tác hại do xăng dầu gây ra, trong khả năng của mình, Công ty đã đề ra những giải pháp nhằm cải thiện điều kiện làm việc cho người lao động, giảm thiểu ô nhiễm môi trường và bảo vệ sức khỏe cộng đồng, cụ thể như sau:

**a. Quản lý và kiểm soát chất thải:**

- Công ty lắp đặt hệ thống thu hồi hơi xăng dầu tại các Cửa hàng xăng dầu và thường xuyên kiểm tra việc thực hiện thu hồi hơi khi nhập xăng dầu cũng như độ an toàn của hệ thống.
- Lập báo cáo đánh giá tác động môi trường, đăng ký chủ nguồn thải chất thải nguy hại, tổ chức thu gom chất thải nguy hại định kỳ 2 lần trong năm do cơ quan có thẩm quyền thực hiện đều đạt tiêu chuẩn theo quy định của pháp luật.

**b. Kiểm soát môi trường làm việc:**

- Chương trình 5S được Công ty đặc biệt chú trọng quan tâm và duy trì nhiều năm trên toàn bộ mạng lưới kinh doanh: để cải tiến môi trường kinh doanh và làm việc sạch đẹp, tiện lợi; xây dựng ý thức và thói quen làm việc mang tính chuyên nghiệp, nâng cao năng suất, góp phần hình thành văn hóa Công ty và hỗ trợ tích cực cho công tác quảng bá, nhận diện thương hiệu.
- Báo cáo giám sát môi trường của các Cửa hàng Xăng dầu các chỉ số đều đạt yêu cầu theo quy định của pháp luật.
- Công tác An toàn vệ sinh lao động, PCCC luôn được Công ty quan tâm hàng đầu, Công ty đã tổ chức tập huấn an toàn vệ sinh lao động, PCCN mỗi năm một lần nhằm trang bị và bổ sung kiến thức cơ bản về an toàn lao động cho CBNV, thực tập sử dụng thành thạo các thiết bị chữa cháy; trang bị bảo hộ lao động cho toàn thể CBNV. Trong năm không có trường hợp xảy ra tai nạn lao động.
- Định kỳ hàng quý Công ty thực hiện kiểm tra công tác an toàn vệ sinh lao động, phòng chống cháy nổ, phòng cháy chữa cháy tại các đơn vị và báo cáo kết quả thực hiện cho Ban Tổng Giám Đốc kịp thời khen thưởng và nhắc nhở các đơn vị tuân thủ quy định.

**c. Tuân thủ về bảo vệ môi trường:**

Công ty thực hiện ký hợp đồng với đơn vị có chức năng tổ chức thu gom chất thải nguy hại theo quy định và lập báo cáo giám sát môi trường, sở chủ nguồn thải, đồng thời yêu cầu các đơn vị thực hiện tốt công tác bảo vệ môi trường nơi làm việc và cộng đồng theo quy định.

**d. Chính sách liên quan đến người lao động:**

- Chính sách lao động nhằm đảm bảo chăm lo sức khỏe, an toàn và phúc lợi của người lao động: Công ty tổ chức khám sức khỏe định kỳ hằng năm cho người lao động với các nội dung khám thiết thực, chọn lựa đơn vị khám có uy tín, nhằm giúp người lao động theo dõi được tình trạng sức khỏe và phát hiện được bệnh để chủ động có biện pháp ngăn ngừa hoặc chữa trị. Thực hiện chế độ phụ cấp độc hại cho người lao động trực tiếp làm việc trong điều kiện có yếu tố độc hại theo quy định.
- Hoạt động đào tạo người lao động: nhằm nâng cao nghiệp vụ chuyên môn và kỹ năng cho các cấp quản lý, nhân viên bán hàng để nâng cao chất lượng hiệu quả công việc và đảm bảo quyền lợi chính đáng của NLD. Năm qua Công ty đã tổ chức các lớp đào tạo, huấn luyện như: Nghiệp vụ kinh doanh xăng dầu, Nghiệp vụ bảo vệ môi trường, Huấn luyện An toàn vệ sinh lao động, PCCC,...

**e. Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng:**

- Thường xuyên tổ chức kiểm tra công tác an toàn vệ sinh lao động – PCCN nhắc nhở các đơn vị và cá nhân chấp hành tốt công tác An toàn vệ sinh lao động – PCCN; Kiểm tra, nhắc nhở các đơn vị duy trì và thực hiện tốt chương trình tiêu chuẩn 5S nhằm đảm bảo an toàn lao động, đơn vị sạch đẹp.
- Công ty thực hiện xây dựng nhà vệ sinh công cộng tại các Cửa hàng xăng dầu để góp phần bảo vệ môi trường và giúp người dân thuận tiện hơn trong vấn đề vệ sinh cá nhân.
- Tích cực hưởng ứng việc tuyên truyền công tác PCCC, công tác ATVSLĐ – PCCN, phong trào xanh sạch đẹp.
- Công ty tiếp tục chăm lo nuôi dưỡng bà mẹ Việt Nam Anh Hùng ở Quảng Ngãi; vận động CBCN đóng góp tổ chức trao quà cho học sinh nghèo, gia đình chính sách, trẻ khuyết tật, mồ côi gặp khó khăn nơi xa xôi hẻo lánh... Đóng góp ngày lương cho đồng bào bị bão lụt miền trung, xây dựng biển đảo quê hương, xây dựng quỹ xã hội, quỹ phòng chống thiên tai,... theo chủ trương của Nhà nước.

**III . BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC:**

**1. Đánh giá kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh:**

- Hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần nhiên Liệu Sài Gòn năm 2019 chịu sự tác động trong bối cảnh có nhiều sự thay đổi về chính sách quản lý chung của nhà nước đối với lĩnh vực hoạt động xăng dầu; chịu sự tác động của những biến động trên thị trường xăng dầu thế giới nói chung và của Việt Nam nói riêng, cụ thể:

- Năm 2019 đánh dấu kỷ lục về tỷ lệ tăng trưởng kinh tế, thu hút vốn đầu tư nước ngoài, kim ngạch thương mại hay khách du lịch đến Việt Nam. Lần đầu tiên sau nhiều năm, Việt Nam đạt và vượt toàn bộ 13 chỉ tiêu kinh tế - xã hội trong năm. Tuy nhiên bội chi ngân sách, năng suất lao động thấp, thiên tai vẫn là những thách thức với nền kinh tế.
- Thị trường xăng dầu Việt Nam ngày càng hội nhập sâu vào thị trường xăng dầu khu vực và thế giới nên các cơ chế kinh doanh xăng dầu đã dần theo hướng thị trường, Nghị định 83/2014 ND-CP của Chính phủ là một trong những định chế cơ bản của Chính phủ từng bước thị trường hóa, đưa hoạt động xăng dầu theo cơ chế thị trường đầy đủ, khuyến khích doanh nghiệp kinh doanh xăng dầu; đồng thời tăng tính cạnh tranh, công khai, minh bạch.
- Trong năm 2019 giá xăng dầu được điều chỉnh 18 lần, trong đó mặt hàng xăng có 4 lần giữ nguyên giá, 6 lần tăng giá, 8 lần giảm giá. Dầu DO 0,05S có 4 lần giữ nguyên giá, 7 lần tăng giá, 7 lần giảm giá .
- Việc thực hiện công tác quy hoạch chung của Thành phố, Nhà Nước các quy định nghiêm ngặt của Nhà nước, ngành hàng đối với các đơn vị kinh doanh xăng dầu; sự cạnh tranh gay gắt của các đơn vị, đối tác cùng ngành hàng ngày càng cao về dịch vụ, về mở rộng mạng lưới ... đã ảnh hưởng trực tiếp đến hoạch định kinh doanh của Công ty.
- Trong bối cảnh chung nói trên, tình hình hoạt động kinh doanh của Công ty SFC năm 2019 có điểm như sau:

#### **Tình hình thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 2019 ( 9 tháng ):**

- **Lợi nhuận trước thuế** thực hiện năm 2019: **30,34 tỷ đồng** bằng 108 % so kế hoạch 27,9 tỷ đồng.
- **Lợi nhuận sau thuế** thực hiện năm 2019 là: **24,2 tỷ đồng**, bằng 108% so KH năm (22,3 tỷ đồng) và bằng 91.6% so cùng kỳ thực hiện năm 2018 (26,4 tỷ đồng).
- **Khả năng sinh lời**
  - ✓ Tỷ suất lợi nhuận ròng trên vốn chủ sở hữu (ROE) : **11,83 %**
  - ✓ Tỷ suất lợi nhuận ròng trên tổng tài sản (ROA) : **7,49 %**
  - ✓ Thu nhập ròng trên một cổ phiếu (EPS) : **1.909 đồng.**

#### **a. Hoạt động Kinh doanh xăng dầu**

- Tổng sản lượng xăng dầu bán ra trong 9 tháng năm 2019 là 63,377 triệu lít, đạt 97,50% so với kế hoạch là 65 triệu lít xăng dầu, trong đó sản lượng bán lẻ đạt 63,295 triệu lít, đạt tương đương so với thực hiện cùng kỳ 2018.
- Trong 9 tháng năm 2019, Công ty đẩy mạnh hoạt động bán phiếu cung ứng xăng dầu trực tiếp và online cho khách hàng, kết quả trong năm đã bán được 1.637.548 lít XD đạt 126,75% so kế hoạch năm và tăng 29,17% tương đương tăng 369.781 lít XD so với cùng kỳ 2018. Sản lượng bán phiếu cung ứng xăng dầu tại Phòng kinh doanh tương đương với 01 cửa hàng bán lẻ xăng dầu của Công ty.

- Quản lý và điều hành tốt hoạt động 5 xe bồn của Công ty, từ đó chủ động trong việc vận chuyển xăng dầu, đảm bảo điều phối hàng hóa kịp thời cho các Cửa hàng KDXD và khách hàng. Tổng sản lượng vận chuyển bình quân là 5,8 triệu lít/tháng, đáp ứng 80% nhu cầu toàn công ty.
- Thực hiện cải tạo, sửa chữa, nâng cấp cơ sở vật chất cho 17 CHXD. Đảm bảo tốt cơ sở vật chất, nhận diện thương hiệu và an toàn phục vụ cho công tác bán hàng.
- Tất cả máy móc thiết bị phục vụ công tác bán hàng được bảo dưỡng, sửa chữa kịp thời phục vụ công tác bán hàng tốt nhất; Định kỳ được tổ chức kiểm định, mở sổ nhật ký theo dõi thường xuyên tất cả trụ bơm và bồn chứa xăng dầu tại các CHXD đảm bảo hoạt động đúng theo quy định của cơ quan quản lý nhà nước. Công ty SFC đã lắp đặt Thiết bị in chứng từ trên các cột đo xăng dầu của các CHXD trực thuộc Công ty làm chuẩn hóa và minh bạch trong hoạt động bán hàng tại CHXD.
- Tăng cường công tác chăm sóc khách hàng, tìm kiếm khách hàng mới, trong năm Công ty đã ký nhiều hợp đồng với các khách hàng lớn như: Công ty TNHH Green Leaf Việt Nam, Công ty TNHH Xây Dựng Phương Thịnh, Công ty CP Du Lịch Hoàng Phát, Công ty CP Bình Vinh, Công ty TNHH Tân Thế Giới và hơn 20 khách hàng Doanh nghiệp và Ban ngành khác.
- Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 20,3 tỷ đồng, chiếm 67% tổng lợi nhuận trước thuế của toàn công ty.

#### **b. Hoạt động kinh doanh dầu nhờn:**

- Trong năm 2019, Công ty đã tập trung đẩy mạnh phát triển công tác kinh doanh dầu nhờn Revotec, đặc biệt chú trọng đến công tác khuyến mại (tặng xăng và áo mưa cho khách hàng khi mua dầu nhờn), quảng cáo (làm hình ảnh bình dầu nhờn quảng cáo, treo băng-rôn, giới thiệu sản phẩm, kèm dịch vụ thay dầu nhờn miễn phí cho khách hàng ...). Ngoài ra Công ty còn thực hiện nhiều chính sách chiết khấu bán hàng phù hợp với nhu cầu thị trường đảm bảo lợi nhuận kinh doanh.
- Kết quả thực hiện sản lượng bán dầu nhờn Revotec trong 9 tháng năm 2019 là 110.593 lít đạt 92,16% kế hoạch và tương đương so cùng kỳ năm 2018 (bình quân là 12.288 lít/tháng).
- Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 930 triệu đồng, chiếm 3,08% tổng lợi nhuận trước thuế của toàn Công ty.

#### **c. Khai thác dịch vụ mặt bằng:**

- Công ty đã quản lý và khai thác hiệu quả các mặt bằng đem lại lợi nhuận cho Công ty: doanh thu khai thác dịch vụ mặt bằng năm 2019 (9 tháng) là 14,1 tỷ đồng đạt 100% so với KH và bằng 97% so với cùng kỳ năm 2018. Tổng lợi nhuận trước thuế đạt 5,8 tỷ đồng, chiếm 19,11% tổng lợi nhuận trước thuế của toàn công ty.

#### **d. Hoạt động tài chính:**

- Trong năm 2019 (9 tháng), Công ty đã quản trị tốt nguồn vốn, cùng với việc đảm bảo nguồn vốn cho hoạt động kinh doanh, khai thác hiệu quả dòng tiền nhân rồi để tăng hiệu

quả cho Công ty. Cụ thể lợi nhuận trước thuế từ hoạt động tài chính trong năm là 3,1 tỷ đồng, chiếm gần 10,6% tổng lợi nhuận trước thuế toàn công ty trong năm 2019.

**e. Công tác quản lý:**

Công tác quản lý điều hành được Công ty quan tâm chú trọng nhằm mục đích nâng cao hiệu quả quản trị, đáp ứng yêu cầu kinh doanh của Công ty cụ thể:

- Công ty đã ban hành các Quy chế, quy định liên quan đến công tác quản lý bán hàng, quản lý tiền hàng, quản lý công nợ... và thường xuyên tổ chức kiểm tra, kiểm soát thông qua Ban Quản lý Chất lượng Công ty nhằm đảm bảo công tác quản lý hiệu quả, tiết kiệm, tăng cường kỷ cương và giảm thiểu rủi ro.

- Xây dựng cơ cấu tổ chức bộ máy, sắp xếp bố trí nhân sự phụ hợp đảm bảo tinh gọn, hiệu quả, đáp ứng yêu cầu công việc, đặc biệt là bộ máy lao động gián tiếp. Nếu như năm 2018 tổng lao động gián tiếp là 39 người thì đến 30/09/2019 tổng lao động gián tiếp là 32 người, trong điều kiện khối lượng công việc không thay đổi nhiều.

- Kiểm soát chi phí: HĐQT giao Ban Điều Hành định mức chi phí, để thực hiện chỉ tiêu này BDH đã rà soát toàn bộ chi phí của toàn Công ty, lập biểu theo dõi từng khoản mục, triệt để thực hiện tiết kiệm chi phí nhưng vẫn đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty. Kết quả thực hiện chi phí xăng dầu năm 2019 là 604 đ/lít.

- Công tác ATVSLĐ, PCCN, PCCC được Công ty đặc biệt quan tâm, Công ty đã thường xuyên kiểm tra, nhắc nhở và trang bị đầy đủ kiến thức cho người lao động, các phương tiện chữa cháy tại các đơn vị theo quy định, trong năm qua đã không có trường hợp cháy nổ nào xảy ra.

- Thực hiện báo cáo giám sát môi trường, lập sổ theo dõi nguồn thải, tiến hành thu gom chất thải nguy hại; Đo điện trở nối đất, kiểm định hệ thống chống sét và bãi tiếp địa định kỳ hàng năm vào đầu mùa mưa tại các Cửa hàng XD.

- Duy trì và thực hiện việc khoán lương theo sản lượng cho toàn thể CBNV Công ty. Đồng thời phát động phong trào thi đua khen thưởng khuyến khích người lao động tăng NSLĐ, đẩy mạnh bán ra...

- Tăng cường và bố trí lao động hợp lý vào giờ cao điểm, tăng giờ bán, Thực hiện "5 bước bán hàng), luôn vui vẻ, ân cần với khách hàng, duy trì thực hiện chương trình 5S tại các CHXD.

- Thực hiện tốt công tác tuyển dụng, tổ chức các lớp đào tạo kỹ năng chuyên môn nghiệp vụ nhằm nâng cao trình độ, chất lượng hiệu quả công việc; xét thưởng cho tập thể, cá nhân đạt danh hiệu quý, năm nhằm khuyến khích người lao động hoàn thành nhiệm vụ.

**2. Tình hình tài chính:**

**a. Tình hình tài sản:**

Mã số	TÀI SẢN	30/09/2019	31/12/2018	SS (2019-2018)	SS Tốc độ (+,-)
100	A TÀI SẢN NGẮN HẠN	202.423.596. 404	138.605.056.923	63.818.539.481	46,04%
110	I. Tiền và các khoản tương đương tiền	160.705.634. 726	120.026.761.964	40.678.872.762	33,89%

111	1.	Tiền	15.705.63 4.726	16.026.761.9 64	(321.127.238 )	-2,00%
112	2.	Các khoản tương đương tiền	145.000.00 0.000	104.000.000.0 00	41.000.000.00 0	39,42%
<b>120</b>	<b>II</b>	<b>Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>	-	-	-	
<b>130</b>	<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu ngắn hạn</b>	<b>9.528.475.</b> <b>096</b>	<b>7.956.477.840</b>	<b>1.571.997.256</b>	<b>19,76%</b>
131	1.	Phải thu ngắn hạn của khách hàng	8.389.72 3.055	6.924.741.9 63	1.464.981.09 2	21,16%
132	2.	Trả trước cho người bán ngắn hạn	1.086.57 8.659	217.000.8 23	869.577.83 6	400,73%
136	3.	Phải thu ngắn hạn khác	426.691 .782	1.152.135.0 54	(725.443.272 )	-62,97%
137	4.	Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	(374.518 .400)	(337.400.00 0)	(37.118.400 )	11,00%
<b>140</b>	<b>I</b> <b>V</b>	<b>Hàng tồn kho</b>	<b>31.485.443.</b> <b>197</b>	<b>10.209.378.463</b>	21.276.064.73 4	208,40%
141	1.	Hàng tồn kho	31.485.44 3.197	10.209.378.4 63	21.276.064.73 4	208,40%
149	2.	Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)	-	-	-	
<b>150</b>	<b>V</b>	<b>Tài sản ngắn hạn khác</b>	<b>704.043.</b> <b>385</b>	<b>412.438.656</b>	291.604.72 9	70,70%
151	1.	Chi phí trả trước ngắn hạn	704.043 .385	412.438.6 56	291.604.72 9	70,70%
<b>200</b>	<b>B</b>	<b>TÀI SẢN DÀI HẠN</b>	<b>149.458.899.</b> <b>717</b>	<b>154.668.394.189</b>	<b>(5.209.494.472)</b>	<b>-3,37%</b>
<b>210</b>	<b>I.</b>	<b>Các khoản phải thu dài hạn</b>	<b>5.000.</b> <b>000</b>	<b>5.000.000</b>	-	0,00%
216	1.	Phải thu dài hạn khác	5.000 .000	5.000.00 0	-	0,00%
219	2.	Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	-	-	-	
<b>220</b>	<b>II</b>	<b>Tài sản cố định</b>	<b>105.423.111.8</b> <b>92</b>	<b>110.079.717.512</b>	<b>(4.656.605.620)</b>	<b>-4,23%</b>
221	1.	Tài sản cố định hữu hình	43.569.91 3.031	46.377.086.6 91	(2.807.173.66 0)	-6,05%
222		- Nguyên giá	82.542.440. 881	80.865.306.263	1.677.134.61 8	2,07%
223		- Giá trị hao mòn lũy kế	(38.972.527.8 50)	(34.488.219.572 )	(4.484.308.27 8)	13,00%
227	2.	Tài sản cố định vô hình	61.853.19 8.861	63.702.630.8 21	(1.849.431.96 0)	-2,90%
228		- Nguyên giá	68.731.740. 865	68.731.740.865	-	0,00%
229		- Giá trị hao mòn lũy kế	(6.878.542.0 04)	(5.029.110.044 )	(1.849.431.96 0)	36,77%
<b>230</b>	<b>II</b> <b>I.</b>	<b>Bất động sản đầu tư</b>	<b>34.284.256.</b> <b>139</b>	<b>35.037.848.747</b>	<b>(753.592.608)</b>	<b>-2,15%</b>
231		- Nguyên giá	41.556.799. 362	41.556.799.362	-	0,00%
232		- Giá trị hao mòn lũy kế	(7.272.543.2 23)	(6.518.950.615 )	(753.592.608 )	11,56%
<b>240</b>	<b>I</b> <b>V</b>	<b>Tài sản dở dang dài hạn</b>	<b>952.099.</b> <b>640</b>	<b>966.327.463</b>	<b>(14.227.823)</b>	<b>-1,47%</b>



242	1.	Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	952.099 .640	966.327.4 63	(14.227.823 )	-1,47%
<b>250</b>	<b>V</b>	<b>Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>6.546.000.000</b>	<b>6.546.000.000</b>	-	<b>0,00%</b>
253	1.	Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	10.296.00 0.000	10.296.000.0 00	-	0,00%
254	2.	Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	(3.750.000 .000)	(3.750.000.00 0)	-	0,00%
<b>260</b>	<b>V</b>	<b>Tài sản dài hạn khác</b>	<b>2.248.432.046</b>	<b>2.033.500.467</b>	<b>214.931.579</b>	<b>10,57%</b>
261	1.	Chi phí trả trước dài hạn	1.130.02 4.881	1.238.452.2 72	(108.427.391 )	-8,76%
262	2.	Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	1.118.40 7.165	795.048.1 95	323.358.97 0	40,67%
<b>270</b>		<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>	<b>351.882.496.121</b>	<b>293.273.451.112</b>	<b>58.609.045.009</b>	<b>19,98%</b>

Tổng Tài Sản đến 30/09/2019 tăng **58,61 tỷ** tương ứng với tốc độ tăng **19,98 %** so với thời điểm cuối năm 2018. Chi tiết như sau :

❖ **Tài Sản ngắn hạn** tăng **63,82 tỷ** , tương ứng với tốc độ tăng là **46,04 %** chủ yếu là do các nhân tố sau :

- **Tiền và các khoản tương đương tiền** tăng **40,68 tỷ** tương ứng với tốc độ tăng là **33,89%** so với cuối năm 2018 chủ yếu là do tăng tiền gửi ngắn hạn ngân hàng **41 tỷ**.
- **Các khoản phải thu ngắn hạn** tăng **1,57 tỷ** tương ứng với tỷ lệ tăng **19,76%** so với cùng kỳ năm ngoái chủ yếu là do :
  - ↙ **Công nợ phải thu** tăng **1,46 tỷ** tương ứng với tỷ lệ là **21,16%** so với năm 2018:
  - ↙ **Số dư trả trước người bán ngắn hạn** tăng **0,87 tỷ** tương ứng với tỷ lệ tăng là **400,73%** do thời điểm cuối năm Công ty trả trước công trình đang xây dựng tại Cửa hàng xăng dầu số 3, và trả trước tiền thuê Cửa hàng Xăng dầu số 24.
  - ↙ Bên cạnh đó, **các phải thu khác** biến động giảm **0.73 tỷ** không đáng kể so với 2018, chủ yếu là phải thu tiền lãi ngân hàng .
- **Hàng tồn kho** đến 30/09/2019 tăng **21,28 tỷ** tương ứng với tỷ lệ tăng là **208,4%** so với năm 2018 do cuối năm công ty tăng lượng hàng tồn kho xăng dầu.
- **Tài sản dài hạn** giảm **5,21 tỷ** tương ứng với tỷ lệ giảm **3,37%** chủ yếu là do trong năm tăng chi phí khấu hao tài sản cố định vô hình, bất động sản đầu tư ~~so với 2018~~ Cụ thể :
  - **Tài sản cố định** giảm **4,66 tỷ** tương ứng với tỷ lệ giảm là **4,23%** chủ yếu là do khấu hao tài sản cố định trong kì
  - **Bất động sản đầu tư:** giảm **0,75 tỷ** do khấu hao trong kì.

*Nhìn chung, trong năm 2019 (9 tháng) tổng tài sản tăng 58,61 tỷ tương ứng với tỉ lệ tăng là 19,98% so với 2018 chủ yếu là do Công ty dùng một phần tiền gửi ngắn hạn ngân hàng và tăng dự trữ hàng tồn kho. Các chỉ tiêu tài sản khác biến động không đáng kể.*

*Do đó, trong năm 2019 phần nợ vay ngắn hạn các ngân hàng cũng tăng tương ứng. (chi tiết theo số liệu phân tích tình hình nợ sau đây)*

**b. Tình hình nợ phải trả:**

Mã số		NGUỒN VỐN	30/09/2019	31/12/2018	SS (2019-2018)	SS Tốc độ (+,-)
<b>300</b>	<b>C</b>	<b>NỢ PHẢI TRẢ</b>	<b>153.737.306.340</b>	<b>82.875.486.876</b>	<b>70.861.819.464</b>	<b>85,50%</b>
<b>310</b>	<b>I.</b>	<b>Nợ ngắn hạn</b>	<b>140.023.263.591</b>	<b>70.693.868.121</b>	69.329.395.470	98,07%
311	1.	Phải trả người bán ngắn hạn	3.976.355.923	22.154.249.308	(18.177.893.385)	-82,05%
312	2.	Người mua trả tiền trước ngắn hạn	74.929.190	80.286.597	(5.357.407)	-6,67%
313	3.	Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	34.827.354.070	32.871.062.344	1.956.291.726	5,95%
314	4.	Phải trả người lao động	6.819.521.853	7.530.309.722	(710.787.869)	-9,44%
315	5.	Chi phí phải trả ngắn hạn	247.536.383	297.464.408	(49.928.025)	-16,78%
319	7.	Phải trả ngắn hạn khác	8.817.280.266	5.748.860.219	3.068.420.047	53,37%
320	8.	Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	83.474.080.121	-	83.474.080.121	
322	9.	Quỹ khen thưởng, phúc lợi	1.786.205.785	2.011.635.523	(225.429.738)	-11,21%
<b>330</b>	<b>II</b>	<b>Nợ dài hạn</b>	<b>13.714.042.749</b>	<b>12.181.618.755</b>	<b>1.532.423.994</b>	<b>12,58%</b>
337	1.	Phải trả dài hạn khác	5.490.424.100	5.475.424.100	15.000.000	0,27%
342	2.	Dự phòng phải trả dài hạn	8.223.618.649	6.706.194.655	1.517.423.994	22,63%

**Phân tích Tình hình nợ hiện tại, biến động lớn về các khoản nợ:**

**Nợ phải trả** đến thời điểm 30/09/2019 tăng **70,86 tỷ** tương ứng với tỷ lệ tăng **85,5%** so với cùng thời điểm năm 2018 là do các nguyên nhân như sau :

- ❖ **Nợ ngắn hạn** tăng **69,3 tỷ**, tương ứng với tỷ lệ tăng là **98,07 %** chủ yếu là do nợ vay ngắn hạn trong kì tăng , cụ thể:
  - **Các khoản phải trả người bán** giảm **18,18 tỷ** đồng tương ứng với tỷ lệ giảm **82,05%** so với năm 2018 do hàng hóa xăng dầu thời gian thanh toán trong vòng 1 tuần điều chỉnh thời gian thanh toán trong vòng 3 ngày kể từ ngày đặt hàng từ tháng giữa tháng 6/2019.
  - **Thuế và các khoản phải nộp nhà nước** tăng **1,96 tỷ** , chủ yếu là thuế bảo vệ môi trường do nguồn hàng hóa xăng dầu chịu thuế được mua vào cuối kì tăng so với năm 2018.
  - **Nợ vay ngắn hạn** tăng **83,47 tỷ** tương ứng với tỷ lệ tăng 100% so với thời điểm cuối năm 2018: Do các khoản vay có lãi suất tốt .

- **Quỹ khen thưởng phúc lợi ,các khoản phải trả ngắn hạn khác, trả người lao động ...** giảm hơn 2 tỷ không đáng kể so với thời điểm cuối năm 2018
- ❖ **Nợ dài hạn** năm 2019 tăng **1,5 tỷ** tương ứng với tỷ lệ tăng **12,58%** so với cùng kì năm ngoái chủ yếu là do trong năm Công ty đã trích thêm dự phòng Quỹ rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường theo thông tư 86/206/TT/BTC ban hành ngày 20/6/2016.

**Tóm lại, trong năm, Công ty không có phát sinh nợ xấu cũng như không chịu ảnh hưởng của Chênh lệch tỷ giá hối đoái.**

### **3. Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách quản lý:**

- **Tập trung xây dựng và hoàn thiện các quy chế, quy định quản lý** giúp cho hoạt động kinh doanh của Công ty được tiến hành bài bản, chính quy, an toàn và hiệu quả. Tăng cường công tác kiểm tra, kiểm soát, nhắc nhở các đơn vị nghiêm túc thực hiện các quy trình, quy định, hướng dẫn... nhằm giảm thiểu rủi ro trong kinh doanh.
- **Theo dõi sát tiến độ thực hiện kế hoạch kinh doanh:** định kỳ hàng tuần, hàng tháng các đơn vị báo cáo xem xét, đánh giá tình hình thực hiện kế hoạch, qua đó kịp thời đưa ra những biện pháp phù hợp, chấn chỉnh hoạt động nhằm đảm bảo việc hoàn thành kế hoạch.
- **Tổ chức kiểm tra kiểm soát chất lượng xăng dầu** trong toàn bộ hệ thống phân phối của mình từ khâu giao nhận, vận chuyển và hoạt động kinh doanh trên thị trường, nhằm bảo đảm chất lượng xăng dầu tốt nhất đến tay người tiêu dùng.
- **Công tác kiểm soát chi phí:** HĐQT giám sát việc thực hiện chi phí công ty thông qua việc giao định mức chi phí cho hoạt động kinh doanh, đảm bảo tiết kiệm, hợp lý nhưng vẫn đảm bảo hoạt động kinh doanh của Công ty.

### **4. Kế hoạch phát triển:**

**Năm 2019** Hội đồng Quản trị đã cùng Ban điều hành phân tích những thuận lợi và khó khăn, những cơ hội, thách thức đối với Công ty để xây dựng định hướng chiến lược cho những năm tiếp theo, nhằm đạt mục tiêu phát triển lâu dài Công ty thông qua tầm nhìn, sứ mệnh và giá trị cốt lõi của mình.

#### **a. Kế hoạch kinh doanh năm 2019-2020 :**

- **Tổng lợi nhuận trước thuế : 37 tỷ đồng**
- **Tỷ lệ Cổ tức: Dự kiến tối thiểu 20% trên vốn điều lệ.**

#### **b. Các Biện pháp thực hiện**

- Cung cấp hàng hoá xăng dầu đúng về chất lượng, đủ về số lượng, minh bạch rõ ràng đảm bảo thực hiện đúng theo các quy định của nhà nước.
- Chú trọng công tác chăm sóc tốt các khách hàng hiện hữu, phát triển thêm nhiều khách hàng mới bằng nhiều chính sách bán hàng linh hoạt phù hợp với tình hình thị trường và thời điểm.
- Ứng dụng đầu tư công nghệ trong hoạt động chung của Công ty, đặc biệt là trong công tác quản lý, công tác bán hàng nhằm tiết giảm chi phí, tăng năng suất lao

động, đồng thời mang đến cho khách hàng tiện ích mới, tối ưu góp phần tăng tính cạnh tranh và hình ảnh Công ty.

- Quản lý hiệu quả hoạt động vận tải của xe bồn, thực hiện công tác điều phối, theo dõi, tính toán bảo đảm đủ hàng hoá tại Cửa hàng KDXD không bị gián đoạn kinh doanh. rà soát bố trí mặt bằng, các mặt hàng xăng dầu cho phù hợp với nhu cầu thị trường và cơ sở vật chất của Cửa hàng nhằm nâng cao năng lực phục vụ và tăng sản lượng.
- Tập trung đẩy mạnh bán dầu nhờn Revotec thông qua mạng lưới kinh doanh tại 17 Cửa hàng xăng dầu, đẩy mạnh bán dầu nhờn cho các khách hàng vận tải, nhà máy, khu công nghiệp, công trình... Công ty xây dựng và triển khai chương trình trực tiếp giới thiệu và bán sản phẩm dầu nhờn đến các khách hàng.
- Tổ chức ca bán hàng với số lượng lao động hợp lý, bố trí giờ bán hàng phù hợp nhất và chú trọng tăng cường lao động bán hàng vào giờ cao điểm để có thể phục vụ hết lượng khách hàng đến Cửa hàng với thời gian nhanh nhất, không để xảy ra tình trạng ùn tắc, khách hàng bỏ đi. CBNV Cửa hàng phải nghiêm túc thực hiện “5 bước bán hàng”, nói lời " Cảm ơn – Xin lỗi"; luôn vui vẻ, hoà nhã, lịch sự... trong giao tiếp với khách hàng.
- Đầu tư cải tạo, sửa chữa các Cửa hàng xăng dầu khang trang, sạch đẹp phù hợp với quy định và tình hình kinh doanh thực tế tại Cửa hàng xăng dầu; nghiên cứu đầu tư các thiết bị công nghệ mới cho hệ thống bán lẻ xăng dầu nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và tăng sản lượng bán ra.
- Tận dụng, khai thác hết tiềm năng cơ sở vật chất hiện có để tăng doanh thu mảng dịch vụ mặt bằng của Công ty. Tuy nhiên phải đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật.
- Xây dựng bổ sung và sửa đổi để ban hành các quy chế, quy định, quy trình phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị; Thực hiện và giám sát một cách triệt để các quy trình quy định của Cty, đảm bảo tuyệt đối về công tác an toàn, PCCC, chất lượng hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng. Đảm bảo tất cả các hoạt động của công ty phải được giám sát, kiểm tra tuân thủ đúng, đủ các quy trình, quy định của công ty và các cơ quan quản lý nhà nước; phát huy vai trò kiểm tra, kiểm soát, hướng dẫn các đơn vị của “Ban Quản lý chất lượng” Công ty;
- Sắp xếp, kiện toàn bộ máy tổ chức hoạt động công ty đảm bảo sự phù hợp, hiệu quả trong quản lý. Chú trọng công tác tuyển dụng, tổ chức đào tạo cho CB lãnh đạo, nhân viên nhằm nâng cao năng lực, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng bán hàng... và mục tiêu cuối cùng là đảm bảo việc quản trị công ty một cách hiệu quả, quản lý và phục vụ khách hàng một cách tốt nhất;
- Hội đồng Quản trị thực hiện cơ chế giao chi phí cho từng lĩnh vực hoạt động của Công ty; hoạt động bán lẻ, bán buôn xăng dầu; hoạt động vận chuyển và hoạt động khai thác dịch vụ mặt bằng. Đảm bảo việc kiểm soát chi phí đúng, đủ, phù hợp và tạo cơ chế chủ động cho Ban điều hành Công ty.

#### **IV. ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VỀ HOẠT ĐỘNG CỦA CÔNG TY:**

##### **1. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về các mặt hoạt động của Công ty:**

- Hội đồng Quản trị đã thực hiện họp định kỳ hàng quý để xây dựng định hướng phát triển, và hoạch định chiến lược, giao các chỉ tiêu kinh doanh, tài chính cho Ban Điều Hành. Trong năm 2019, Hội đồng quản trị đã tổ chức 07 cuộc họp thường kỳ và bất thường, đồng thời ban hành 08 nghị quyết. Trong những phiên họp của HĐQT có sự tham gia của Ban kiểm toán nội bộ, Ban Điều Hành Công ty, Hội đồng Quản trị đã xem xét, đánh giá hoạt động của Công ty để kịp thời đưa ra những quyết định, chỉ đạo Tổng Giám Đốc thực hiện các nhiệm vụ kế hoạch, triển khai thực hiện các dự án và giải quyết các báo cáo, kiến nghị của Ban điều hành cũng như các vấn đề liên quan đến hoạt động của Công ty.
- Hội đồng Quản trị thực hiện đầy đủ chức năng theo quy định điều lệ và làm tốt công tác giám sát hoạt động của Ban Điều hành, nêu cao tinh thần trách nhiệm, tích cực triển khai công việc, có kết luận cụ thể về các định hướng hành động và điều chỉnh kịp thời phù hợp với thực tiễn kinh doanh nhằm đảm bảo mục tiêu phát triển an toàn, hiệu quả.
- Thực hiện đầy đủ, công khai, minh bạch theo đúng quy định của cơ quan ban ngành về công bố thông tin định kỳ, đột xuất; các báo cáo tài chính hàng quý, giữa niên độ và năm. Báo cáo tài chính kiểm toán được công bố trên trang website của Công ty, trên các phương tiện thông tin và được trình bày trước Đại hội đồng cổ đông thường niên.
- Thực hiện trả cổ tức năm 2018 bằng tiền mặt theo Nghị quyết ĐHĐCĐ thường niên là 30 % trên VĐL.
- Thực hiện trả cổ tức đợt 1 năm 2019 (tháng 12/2019) bằng tiền mặt tỷ lệ 30% trên VĐL.
- Hội đồng quản trị đã lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 là Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt theo sự ủy quyền của Đại hội đồng cổ đông.

##### **2. Đánh giá của Hội đồng Quản trị về hoạt động của Ban Tổng Giám Đốc:**

- Hội đồng Quản trị chỉ đạo và giám sát hoạt động của Ban điều hành thông qua các Nghị quyết; đồng thời phân công một số thành viên trực tiếp làm việc, hỗ trợ Ban điều hành để giải quyết những vướng mắc, khó khăn.
- Định kỳ, Hội đồng Quản trị yêu cầu Tổng Giám đốc báo cáo tình hình quản lý, điều hành Công ty, những vấn đề phát sinh trong quá trình kinh doanh và chỉ đạo các công việc liên quan đến thực hiện nghị quyết, quyết định của ĐHĐCĐ và HĐQT.
- Hoạt động của Ban Tổng Giám đốc đều tuân thủ theo pháp luật, điều lệ và các quy chế, quy định của Công ty.

##### **3. Các kế hoạch, định hướng của Hội đồng Quản trị:**

- Cung cấp hàng hoá xăng dầu đúng về chất lượng, đủ về số lượng, minh bạch rõ ràng đảm bảo thực hiện đúng theo các quy định của nhà nước.
- Chú trọng công tác chăm sóc tốt các khách hàng hiện hữu, phát triển thêm nhiều khách hàng mới bằng nhiều chính sách bán hàng linh hoạt phù hợp với tình hình thị trường và thời điểm.
- Ứng dụng đầu tư công nghệ trong hoạt động chung của Công ty, đặc biệt là trong công tác quản lý, công tác bán hàng nhằm tiết giảm chi phí, tăng năng suất lao động, đồng thời mang đến cho khách hàng tiện ích mới, tối ưu góp phần tăng tính cạnh tranh và hình ảnh Công ty.
- Quản lý hiệu quả hoạt động vận tải của xe bồn, thực hiện công tác điều phối, theo dõi, tính toán bảo đảm đủ hàng hoá tại Cửa hàng KDXD không bị gián đoạn kinh doanh. rà soát bố trí mặt bằng, các mặt hàng xăng dầu cho phù hợp với nhu cầu thị trường và cơ sở vật chất của Cửa hàng nhằm nâng cao năng lực phục vụ và tăng sản lượng.
- Tập trung đẩy mạnh bán dầu nhờn Revotec thông qua mạng lưới kinh doanh tại 17 Cửa hàng xăng dầu, đẩy mạnh bán dầu nhờn cho các khách hàng vận tải, nhà máy, khu công nghiệp, công trình... Công ty xây dựng và triển khai chương trình trực tiếp giới thiệu và bán sản phẩm dầu nhờn đến các khách hàng.
- Tổ chức ca bán hàng với số lượng lao động hợp lý, bố trí giờ bán hàng phù hợp nhất và chú trọng tăng cường lao động bán hàng vào giờ cao điểm để có thể phục vụ hết lượng khách hàng đến Cửa hàng với thời gian nhanh nhất, không để xảy ra tình trạng ùn tắc, khách hàng bỏ đi. CBNV Cửa hàng phải nghiêm túc thực hiện “5 bước bán hàng”, nói lời " Cảm ơn – Xin lỗi"; luôn vui vẻ, hoà nhã, lịch sự... trong giao tiếp với khách hàng.
- Đầu tư cải tạo, sửa chữa các Cửa hàng xăng dầu khang trang, sạch đẹp phù hợp với quy định và tình hình kinh doanh thực tế tại Cửa hàng xăng dầu; nghiên cứu đầu tư các thiết bị công nghệ mới cho hệ thống bán lẻ xăng dầu nhằm nâng cao năng lực cạnh tranh và tăng sản lượng bán ra.
- Tận dụng, khai thác hết tiềm năng cơ sở vật chất hiện có để tăng doanh thu mảng dịch vụ mặt bằng của Công ty. Tuy nhiên phải đảm bảo phù hợp với quy định của Pháp luật.
- Xây dựng bổ sung và sửa đổi để ban hành các quy chế, quy định, quy trình phù hợp với tình hình thực tế tại đơn vị; Thực hiện và giám sát một cách triệt để các quy trình quy định của Cty, đảm bảo tuyệt đối về công tác an toàn, PCCC, chất lượng hàng hóa, dịch vụ cho khách hàng. Đảm bảo tất cả các hoạt động của công ty phải được giám sát, kiểm tra tuân thủ đúng, đủ các quy trình, quy định của công ty và các cơ quan quản lý nhà nước; phát huy vai trò kiểm tra, kiểm soát, hướng dẫn các đơn vị của “Ban Quản lý chất lượng” Công ty;
- Sắp xếp, kiện toàn bộ máy tổ chức hoạt động công ty đảm bảo sự phù hợp, hiệu quả trong quản lý. Chú trọng công tác tuyển dụng, tổ chức đào tạo cho CB lãnh đạo, nhân viên nhằm nâng cao năng lực, kỹ năng lãnh đạo, kỹ năng bán hàng... và mục tiêu cuối cùng là đảm bảo việc quản trị công ty một cách hiệu quả, quản lý và phục vụ khách hàng một cách tốt nhất;

- Hội đồng Quản trị thực hiện cơ chế giao chi phí cho từng lĩnh vực hoạt động của Công ty; hoạt động bán lẻ, bán buôn xăng dầu; hoạt động vận chuyển và hoạt động khai thác dịch vụ mặt bằng. Đảm bảo việc kiểm soát chi phí đúng, đủ, phù hợp và tạo cơ chế chủ động cho Ban điều hành Công ty.

## V. QUẢN TRỊ CÔNG TY:

### 1. Hội đồng Quản trị:

#### a. Thành viên và cơ cấu của Hội đồng Quản trị:

- Tại đại hội cổ đông thường niên 2017 và nhiệm kỳ V (2018-2022) được tổ chức vào ngày 30/3/2018. Đại hội đã nhất trí và bầu chuẩn y kết quả Hội đồng Quản trị bao gồm 5 thành viên, trong đó có 02 thành viên độc lập (Ông Bùi Ngọc Thạch Anh và Ông Nguyễn Văn Khoa).
- Ngày 30/3/2018 Hội đồng quản trị đã bầu Ông Lê Trọng Hiếu giữ chức vụ Chủ Tịch Hội Đồng Quản Trị Công ty, đồng thời bầu Ông Phan Ngọc Hùng giữ chức vụ Ủy viên thường trực Hội Đồng Quản Trị Công ty kể từ ngày 30/3/2018.
- Từ ngày 01/01/2019 đến 30/9/2019. Hội đồng Quản Trị có 5 thành viên trong đó có 01 Chủ Tịch, 01 UV thường trực và 3 UV, trong đó có 01 thành viên tham gia Ban điều hành là Ông Phan Ngọc Hùng.

#### **Ông Lê Trọng Hiếu**

#### **Chủ tịch**

- Năm sinh: 1968
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

#### **Ông Phan Ngọc Hùng**

#### **Ủy viên thường trực**

- Năm sinh: 1979
- Trình độ chuyên môn: Thạc sỹ kinh tế

#### **Ông Phạm Trần Hiền**

#### **Thành viên**

- Năm sinh: 1965
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Kinh tế

#### **Ông Bùi Ngọc Thạch Anh**

#### **Thành viên độc lập**

- Năm sinh: 1991
- Trình độ chuyên môn: Thạc sĩ Thương Mại Năng Lượng và Tài Chính

#### **Ông Nguyễn Văn Khoa**

#### **Thành viên độc lập**

- Năm sinh: 1962
- Trình độ chuyên môn: Cử nhân Tài chính Kế toán

#### b. Hoạt động của Hội đồng Quản trị:

Các cuộc họp của HĐQT:

STT	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Số buổi họp	Tỷ lệ (%)	Lý do không tham dự.
1	Lê Trọng Hiếu	Chủ tịch	7/7	100%	

2	Phan Ngọc Hùng	UV TT	7/7	100%	
3	Phạm Trần Hiền	Thành viên	7/7	100%	
4	Bùi Ngọc Thạch Anh	Thành viên	6/7	86%	Đi Công tác
5	Nguyễn Văn Khoa	Thành viên	7/7	100%	

**Nội dung chính của các cuộc họp Hội đồng Quản trị:**

1	36/2019 NQ-NLSG	16/01/2019	Trích bổ sung quỹ tiền lương cho CBNV năm 2018.
2	39/2019 NQ-NLSG	20/02/2019	Tạm ứng cổ tức năm 2018 và dự kiến tổ chức Đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2018.
3	01/2019/NQ-NLSG	29/3/2019	Nội dung chuẩn bị trình Đại hội đồng Cổ đông thường niên năm tài chính 2018.
4	02/2018/NQ-NLSG	29/3/2019	Miễn nhiệm và bổ nhiệm Kế toán trưởng của Công ty, người phụ trách công bố thông tin của Công ty
5	03/2019/NQ-NLSG	10/4/2019	Tờ trình giải quyết tranh chấp dự án 1A Phạm Ngọc Thạch và Chấp thuận Hợp Đồng mua xăng dầu năm 2019.
6	05/2019/NQ-NLSG	13/6/2019	Lựa chọn đơn vị kiểm toán năm tài chính 2019.
7	06/2019/NQ-NLSG	13/6/2019	Thông nhất phương án đàm phán hợp tác dự án 1A Phạm Ngọc Thạch.
8	07/2019/NQ-NLSG	19/6/2019	Thông nhất các điều khoản ký hợp đồng mua xăng dầu năm 2019.

**c. Số lượng thành viên Hội đồng Quản trị, Ban kiểm toán nội bộ, Ban Tổng Giám đốc và thư ký Công ty đã có chứng chỉ đào tạo quản trị công ty: là 5/7 người.**

**2. Ban kiểm toán nội bộ :**

**a. Thành viên và cơ cấu của Ban Kiểm toán nội bộ:**

- Tại đại hội cổ đông thường niên 2017 và nhiệm kỳ V (2018-2022) được tổ chức vào ngày 30/3/2018, ĐHĐCĐ biểu quyết thông qua thay đổi cơ cấu tổ chức quản lý, quản trị công ty bao gồm:

- Đại hội đồng cổ đông.
- Hội Đồng Quản trị .
- Tổng Giám Đốc.

- Ngày 30/3/2018 Hội Đồng Quản Trị đã thành lập tiểu ban Kiểm toán nội bộ trực thuộc Hội Đồng Quản trị Công ty gồm 01 Trưởng ban và 01 Thành viên. HĐQT phân công Ông Nguyễn Văn Khoa làm Trưởng ban và quyết định chọn Bà Phan Thị Chung là thành viên .

- Ngày 01/9/2018 Bà Phan Thị Chung thành viên nghi hưu theo chế độ. Hiện nay Công ty có 01 Trưởng ban kiểm toán nội bộ là Ông Nguyễn Văn Khoa.

**b. Hoạt động của Ban kiểm toán nội bộ :**

Trong năm 2019, Ban kiểm toán đã thực hiện các công việc trọng tâm sau đây:

- + Kiểm tra và giám sát thực hiện theo các nội dung mà nghị quyết ĐHĐCĐ thông qua



- + Thu thập thông tin, xây dựng và hoàn thiện cơ sở dữ liệu phục vụ cho công tác giám sát, phân tích Báo cáo tài chính định kỳ, đảm bảo tính kịp thời và có chất lượng.
  - + Thực hiện thẩm định, phân tích, đánh giá về tình hình, kết quả kinh doanh và công tác quản trị doanh nghiệp theo định kỳ.
  - + Tham gia rà soát, đánh giá, sửa đổi, bổ sung, hoàn thiện các quy chế, quy định, quy trình quản lý, ... về quản trị nội bộ Công ty.
  - + Tham gia ý kiến trong việc tổ chức xây dựng và thực hiện kế hoạch SXKD
  - + Thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động về quản lý tài sản, quản lý việc sử dụng vốn trong kinh doanh và thực thi các quy định đúng theo nội quy công ty và quy định quản lý của luật pháp.
  - + Kiểm tra việc ghi chép sổ sách kế toán năm 2019, việc bảo quản tài sản của Công ty.
  - + Kiểm tra số liệu về hoạt động cho thuê mặt bằng bến bãi của Công ty.
  - + Kiểm tra việc báo cáo tình hình công nợ tại các đơn vị;
  - + Kiểm tra tiền – hàng tại các cửa hàng xăng dầu định kỳ cùng Ban Quản lý chất lượng Công ty. Báo cáo và kiến nghị ban điều hành trong việc thực hiện và quản lý tiền hàng.
  - + Giám sát tình hình ký kết các hợp đồng mua bán hàng với các đơn vị có quyền lợi liên quan.
  - + Thực hiện các công việc có liên quan khác của Công ty.
  - + Ban Kiểm Toán ghi nhận không có điều gì bất thường trong hoạt động của BTGD cũng như các bộ phận quản lý của Công ty. Đồng thời Ban kiểm toán cũng không nhận được kiến nghị nào của cổ đông về sai phạm của BTGD trong quá trình thực hiện nhiệm vụ.
- Năm 2019, Ban kiểm toán cũng đã thực hiện một số công việc khác như sau:
    - + Định ký hàng quý thông báo tình hình SXKD, tài chính, các hoạt động đầu tư, hoạt động khác của Công ty phát sinh trong quý và xây dựng chương trình công tác của Ban kiểm toán trong quý sau.
    - + Tham dự các cuộc họp định kỳ, đột xuất của HĐQT; tham gia ý kiến trực tiếp về việc tuân thủ các quy định pháp luật, Điều lệ, các quy chế của Công ty có liên quan trong hoạt động quản lý, điều hành của HĐQT và BTGD.
  - Công tác kiểm tra, giám sát của Ban Kiểm Toán được thực hiện liên tục, có hệ thống nhằm nắm bắt kịp thời các hoạt động của Công ty để giúp Công ty phát hiện và khắc phục những tồn tại trong hệ thống quản lý, điều hành và hệ thống kiểm soát nội bộ.
  - Kiểm tra việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong năm 2019 đưa ra các kiến nghị Ban Điều hành trong việc tuân thủ các qui định của Bộ tài chính về các chính sách tài chính, thuế trong hoạt động kinh doanh, đề nghị khắc phục những sai sót.
  - Thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động về quản lý tài sản, quản lý việc sử dụng vốn trong kinh doanh và thực thi các quy định đúng theo nội quy Công ty và quy định quản lý của luật pháp.
  - Thẩm định báo cáo tài chính hàng quý, năm 2019 của Công CP Nhiên Liệu Sài Gòn.
  - Xem xét báo cáo soát xét và báo cáo kiểm toán năm 2019.

- **Kết quả giám sát việc thực hiện Nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2019, cụ thể:**
  - ✓ **Về cổ tức:** Công ty đã thực hiện chi trả cổ tức bằng tiền mặt 33.704.457.000 đồng (tương ứng 30% /VĐL) là cổ tức còn lại của năm 2018 theo nghị quyết HĐQT số 39/2019/NQ-NLSG ngày 20/02/2019, tạm ứng và thanh toán Chi trả cổ tức năm 2019 bằng tiền mặt số tiền 33.704.457.000 đồng (tương ứng 30%/VĐL) theo nghị quyết ĐHĐHĐ số 03/2019/NQ-NLSG ngày 20/12/2019.
  - ✓ **Về việc thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch chủ yếu:**
    - Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế năm 2019 đạt 30,348 tỷ tăng 2,44 tỷ (tương đương 108%) so với kế hoạch.
    - Thù lao HĐQT là 677.700.000 đồng.
  - ✓ Được sự ủy quyền của Đại hội cổ đông thường niên năm 2018, Hội đồng quản trị đã có nghị quyết số 05/2019/NQ-NLSG ngày 13/06/2019 về việc lựa chọn đơn vị kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2019 là Công ty TNHH Kiểm toán và tư vấn Chuẩn Việt và giám sát tình hình tài chính của Công ty CP Nhiên Liệu Sài Gòn trong năm 2019 như sau:
- **Nhận xét và kết luận chung về Báo cáo tài chính năm 2019 ( 9 tháng):**
  - Báo cáo tài chính năm 2019 đã phản ánh đầy đủ tình hình hoạt động kinh doanh, tình hình tài chính của Công ty CP Nhiên Liệu Sài Gòn và được trình bày theo đúng qui định của Bộ Tài Chính. Việc sắp xếp, lưu trữ gọn gàng đáp ứng tốt yêu cầu công tác kiểm tra, kiểm soát.
  - Báo cáo tài chính năm 2019 của Công ty đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30/09/2019 cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày. Việc ghi chép, mở sổ kế toán, phân loại các nội dung kinh tế phù hợp với các chuẩn mực kế toán, chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các qui định pháp lý hiện hành. Sổ sách, chứng từ, báo cáo tài chính rõ ràng, số liệu chính xác, kịp thời. Công tác quản lý tài sản, vật tư, tiền vốn, công nợ chặt chẽ, thực hiện theo đúng qui định. Công tác kê khai và nộp thuế đầy đủ không để xảy ra các vi phạm.
  - Về việc công bố thông tin: Công ty đã thực hiện việc báo cáo và công bố thông tin định kỳ trên Sở Giao Dịch chứng khoán TP HCM theo đúng qui định của Bộ tài chính về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán.
  - Kiểm tra việc ghi chép các nghiệp vụ kinh tế phát sinh trong năm 2019 đưa ra các kiến nghị Ban Điều hành trong việc tuân thủ các qui định của Bộ tài chính về các chính sách tài chính, thuế trong hoạt động kinh doanh, đề nghị khắc phục những sai sót.
  - Thực hiện việc kiểm tra, giám sát các hoạt động về quản lý tài sản, quản lý việc sử dụng vốn trong kinh doanh và thực thi các quy định đúng theo nội quy Công ty và quy định quản lý của luật pháp.

- Thăm định báo cáo tài chính hàng quý, năm 2019 của Công CP Nhiên Liệu Sài Gòn.
  - Xem xét báo cáo soát xét và báo cáo kiểm toán năm 2019.
  - **Kết quả giám sát đối với thành viên Ban Tổng Giám Đốc**
- Các thành viên Ban Tổng Giám Đốc đã thực hiện đúng chức năng và nhiệm vụ theo Điều lệ Công ty qui định; đã tổ chức quản lý và điều hành Công ty đạt và vượt mức chỉ tiêu kế hoạch lợi nhuận trước thuế năm 2019 và Nghị Quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018.
  - Trong năm 2019 định kỳ Ban Tổng giám đốc đều tổ chức họp giao ban mở rộng với các trường đơn vị trực thuộc. Các vấn đề thuộc thẩm quyền quyết định của HĐQT và Đại hội cổ đông đều được trình theo đúng phân cấp quy định của Luật Doanh Nghiệp và Điều lệ Công ty.

- **Nhận xét đánh giá sự phối hợp giữa Ban Kiểm toán nội bộ với Ban Tổng Giám Đốc:**

Ban Kiểm toán nội bộ được cung cấp tài liệu đầy đủ và mời tham dự các cuộc họp định kỳ do Hội Đồng Quản trị và Ban Tổng giám đốc chủ trì để giám sát và tham gia ý kiến các vấn đề có liên quan đến hoạt động của Công ty. Đồng thời Ban kiểm toán nội bộ cũng thường xuyên phản hồi đến HĐQT và Ban Tổng Giám Đốc về kết quả kiểm tra, hoạt động của mình và đề nghị các cấp quản lý có trách nhiệm thực hiện đúng nhiệm vụ, tuân thủ các qui định pháp lý, điều lệ, quy chế của Công ty. Nhìn chung những ý kiến đóng góp và phản hồi của Ban Kiểm toán nội bộ với HĐQT, Ban Tổng Giám Đốc và các cán bộ quản lý về hoạt động kinh doanh, đầu tư tài chính, đầu tư xây dựng cơ bản đều được trao đổi thẳng thắn, công khai.

**Kiến nghị của Ban kiểm toán :**

Ban Kiểm Toán Nội Bộ đề nghị Hội Đồng Quản trị, Ban Tổng Giám Đốc trong năm 2019 cần tập trung một số công việc sau:

- Tăng cường công tác kiểm tra giám sát hoạt động kinh doanh tại các cửa hàng xăng dầu về công tác bán hàng, công nợ, phòng chống cháy nổ...
- Phát triển mở rộng mạng lưới bán lẻ xăng dầu.
- Nâng cao ý thức người lao động trong việc bán hàng nhằm tạo niềm tin người tiêu dùng đối với thương hiệu của công ty,
- Nâng cao ý thức người lao động về công tác phòng chống cháy nổ nhằm bảo quản tốt tài sản, hàng hóa của công ty, tránh những sự cố đáng tiếc xảy ra.

**3. Các giao dịch, thù lao, các khoản lợi ích: của thành viên HĐQT và BTGD:**

**a/ Thù lao của HĐQT (bao gồm thuế thu nhập):**

- Chủ tịch Hội đồng Quản trị: 20.000.000 đồng/tháng.
- Ủy viên thường trực Hội đồng Quản trị: 15.300.000 đồng/tháng.
- Thành viên Hội đồng Quản trị: 12.000.000 đồng/tháng.

**b/ Thu nhập của Ban Tổng Giám Đốc:**

- Lương, trợ cấp của Tổng Giám Đốc: 53.491.929 đồng/tháng.  
Lương tháng 13 121.000.000 đồng.
- Lương, trợ cấp của Phó Tổng Giám Đốc: 23.926.690 đồng/tháng  
Lương tháng 13 54.000.000 đồng

**c/ Giao dịch cổ phiếu của Cổ đông nội bộ:**

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với cổ đông nội bộ/cổ đông lớn	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do tăng, giảm (mua, bán, chuyển đổi, thưởng...)
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Lê Trọng Hiêu	Chủ tịch HĐQT	1.344.345	11,96	1.344.345	11,96	Đầu tư

**e/ Hợp đồng hoặc giao dịch với cổ đông nội bộ:**

Giao dịch giữa công ty với các công ty mà thành viên HĐQT, thành viên BKS, TGD đã và đang là thành viên sáng lập hoặc thành viên HĐQT, TGD điều hành trong thời gian **ba năm trở lại đây**.

- Ngày 12/12/2017 Hội đồng Quản trị thông qua việc ký hợp đồng mua dầu nhờn Revotec với Công ty Cổ phần Dầu Nhờn STS và Ký hợp đồng bán xăng dầu với Công ty Cổ phần Dầu Nhờn STS để thực hiện chương trình khuyến mãi.
- Ngày 26/7/2018 Hội đồng Quản trị thông qua việc ký hợp đồng mua xăng dầu như sau:
  - + Công ty SFC ký hợp đồng mua xăng dầu với Công ty Cổ phần Xăng Dầu và Dịch Vụ Hàng Hải STS (Công ty Mẹ).
  - + Đối với nguồn hàng xăng Ron 92-E5 (Nhiên liệu sinh học) khi có văn bản ủy quyền của Công Ty CP Xăng dầu và Dịch Vụ Hàng Hải STS, Công ty SFC ký hợp đồng mua xăng Ron 92-E5 với Công ty TNHH Một Thành Viên Dầu Khí Thành phố Hồ Chí Minh (Cổ đông lớn).
- Ngày 19/6/2019 Hội đồng Quản trị thông qua việc ký phụ lục hợp đồng mua xăng dầu như sau:
  - + Công ty SFC ký hợp đồng mua xăng dầu với Công ty Cổ phần Xăng Dầu và Dịch Vụ Hàng Hải STS (Công ty Mẹ).
  - + Đối với nguồn hàng xăng Ron 92-E5 (Nhiên liệu sinh học) Công ty SFC ký hợp đồng mua xăng Ron 92-E5 với Công ty TNHH Một Thành Viên Dầu Khí Thành Phố Hồ Chí Minh (Cổ đông lớn), và thực hiện mua hàng khi chiết khấu bán hàng so với giá bán lẻ bằng, hoặc cao hơn mức chiết khấu quy định tại khoản c Điều 1 của nghị quyết số

07/2019/NQ-NLSG ngày 19/6/2019. Đồng thời cân đối phương tiện vận tải đảm bảo hiệu quả, các nội dung khác của hợp đồng mua hàng phải đúng theo Điều 1 của Nghị quyết trên.

**f. Việc thực hiện các quy định về quản trị công ty :**

Trong năm 2019 (9 tháng) Công ty đã thực hiện đầy đủ các quy định theo luật định đối với công tác quản trị Công ty .

## BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 09 năm 2019.

### 1. Khái quát về Công ty

Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp Nhà nước (là Công ty Chất đốt Tp. Hồ Chí Minh) theo Quyết định số 70/2000/QĐ-TTg ngày 20 tháng 06 năm 2000 của Thủ tướng Chính phủ.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 0300631013 ngày 29 tháng 08 năm 2000 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp.

Trong quá trình hoạt động Công ty đã được Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hồ Chí Minh cấp bổ sung Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp số 0300631013 lần thứ 20 ngày 09 tháng 07 năm 2015.

Vốn điều lệ: 112.914.590.000 đồng (một trăm mười hai tỷ chín trăm mười bốn triệu năm trăm chín mươi ngàn đồng chẵn).

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở giao dịch chứng khoán TP. Hồ Chí Minh từ ngày 21 tháng 9 năm 2004 theo Giấy phép số 31/GPPH của Ủy Ban Chứng khoán TP. Hồ Chí Minh cấp ngày 16 tháng 6 năm 2004 với mã chứng khoán là SFC.

### 2. Trụ sở hoạt động

#### • Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh.
- Điện thoại : + 84 (28) 39 979 393
- Fax : + 84 (28) 39 979 555
- E-mail : info@sfc.com.vn
- Mã số thuế : 0300631013

#### • Các đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc

Tên đơn vị	Địa chỉ
1. Cửa hàng xăng dầu số 20	387A Lê Văn Khương, phường Hiệp Thành, quận 12, TP. Hồ Chí Minh
2. Cửa hàng xăng dầu số 10	784 Hậu Giang, phường 12, quận 6, TP. Hồ Chí Minh
3. Cửa hàng xăng dầu số 21	Lô VI, KCN Lê Minh Xuân, xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh
4. Cửa hàng xăng dầu số 24	64 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
5. Cửa hàng xăng dầu số 17	401 Trường Chinh, phường 13, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
6. Cửa hàng xăng dầu số 5	234 Bạch Đằng, phường 24, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.
7. Cửa hàng xăng dầu số 13	118 Cách Mạng Tháng Tám, phường 7, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
8. Cửa hàng xăng dầu số 11	186 Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
9. Cửa hàng xăng dầu số 19	247 Lê Quang Định, phường 1, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
10. Cửa hàng xăng dầu số 6	9 Bis Trần Nãi, phường Bình An, quận 2, TP. Hồ Chí Minh
11. Cửa hàng xăng dầu số 12	912 Võ Văn Kiệt, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN**

Báo cáo của Ban Tổng giám đốc (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 09 năm 2019

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
12. Cửa hàng xăng dầu số 8	135 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
13. Cửa hàng xăng dầu số 4	167 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
14. Cửa hàng xăng dầu số 16	260A Lạc Long Quân, phường 10, quận 11, TP. Hồ Chí Minh
15. Cửa hàng xăng dầu số 3	16A Quốc lộ 22, phường Trung Mỹ Tây, quận 12, TP. Hồ Chí Minh
16. Cửa hàng xăng dầu số 18	A21 Quang Trung, phường 10, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
17. Cửa hàng xăng dầu số 9	52 Bùi Thị Xuân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
18. Chi nhánh công ty cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn - Cửa hàng KD dầu nhờn 825	825 Hậu Giang, phường 11, quận 6, TP. Hồ Chí Minh
19. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn - Cửa hàng bán nhớt và rửa xe	118 Hậu Giang, phường 6, quận 6, TP. Hồ Chí Minh
20. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn - Cửa hàng bán nhớt và rửa xe	1438 Phạm Thế Hiển, phường 5, quận 8, TP. Hồ Chí Minh
21. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn - Nhà hàng Mười Tám	18 Nguyễn Huy Tự, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
22. Kho xăng dầu 30/4	26 Chuyên Dừng 9, phường Phú Mỹ, quận 7, TP. Hồ Chí Minh
23. Chi nhánh công ty cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn - Cửa hàng KD dầu nhờn 103	103 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
24. Cửa hàng kinh doanh Gas	263 Nguyễn Duy, phường 9, quận 8, TP. Hồ Chí Minh
25. Chi nhánh công ty cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn - Cửa hàng KD dầu nhờn 406	406 Lê Văn Sỹ, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
26. Cửa hàng kinh doanh xăng dầu 456	456 Trần Hưng Đạo, phường 2, quận 5, TP. Hồ Chí Minh
27. Chi nhánh công ty cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn - Cửa hàng KD dầu nhờn 263	263 Ngô Quyền, phường 6, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
28. Cửa hàng kinh doanh dầu nhờn 138	138B Trần Phú, phường 4, quận 5, TP. Hồ Chí Minh
29. Chi nhánh công ty cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn - Cửa hàng KD dầu nhờn 89	M5 Lê Hoàng Phái, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
30. Chi nhánh công ty cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn - Cửa hàng KD dầu nhờn 67	67 Phú Thọ, phường 1, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: kinh doanh các loại vật tư máy móc thiết bị, phụ tùng kinh doanh xăng dầu, bếp gas và các loại phụ tùng bếp gas, hàng kim khí điện máy, vật tư, thiết bị dùng cho sản xuất chế biến hàng nông, thủy, hải sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh nhà, cho thuê nhà xưởng, cho thuê căn phòng, căn hộ cao cấp, cho thuê mặt bằng, cửa hàng, kinh doanh bất động sản;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: kho bãi;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: kinh doanh xăng, dầu, nhớt, mỡ (trừ kinh doanh nhớt phế thải);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: bán buôn xăng, dầu, nhớt, mỡ (trừ bán buôn nhớt phế thải);
- ...

**4. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm toán nội bộ và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm toán nội bộ và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**4.1 Hội đồng Quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Trọng Hiếu	Chủ tịch	30/03/2018	-
Ông Phan Ngọc Hùng	Ủy viên thường trực	30/03/2018	-
Ông Bùi Ngọc Thạch Anh	Thành viên	30/03/2018	-
Ông Phạm Trần Hiền	Thành viên	30/03/2018	-
Ông Nguyễn Văn Khoa	Thành viên	30/03/2018	-

**4.2 Ban Kiểm toán nội bộ**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Khoa	Trưởng ban	30/03/2018	-

**4.3 Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phan Ngọc Hùng	Tổng Giám đốc	01/07/2015	-
Bà Bùi Hoài Châu	Phó Tổng Giám đốc	01/03/2016	-

**5. Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phan Ngọc Hùng – Tổng Giám đốc Công ty được bổ nhiệm từ ngày 01 tháng 07 năm 2015.

**6. Đánh giá tình hình hoạt động**

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 09 năm 2019 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 44.



**3. Ngành nghề kinh doanh**

- Bán buôn máy móc, thiết bị và phụ tùng máy khác. Chi tiết: kinh doanh các loại vật tư máy móc thiết bị, phụ tùng kinh doanh xăng dầu, bếp gas và các loại phụ tùng bếp gas, hàng kim khí điện máy, vật tư, thiết bị dùng cho sản xuất chế biến hàng nông, thủy, hải sản;
- Kinh doanh bất động sản, quyền sử dụng đất thuộc chủ sở hữu, chủ sử dụng hoặc đi thuê. Chi tiết: kinh doanh nhà, cho thuê nhà xưởng, cho thuê căn phòng, căn hộ cao cấp, cho thuê mặt bằng, cửa hàng, kinh doanh bất động sản;
- Kho bãi và lưu giữ hàng hóa. Chi tiết: kho bãi;
- Bán lẻ hàng hóa khác mới trong cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: kinh doanh khí dầu mỏ hóa lỏng (LPG) (không hoạt động tại trụ sở);
- Bán lẻ nhiên liệu động cơ trong các cửa hàng chuyên doanh. Chi tiết: kinh doanh xăng, dầu, nhớt, mỡ (trừ kinh doanh nhớt phế thải);
- Bán buôn nhiên liệu rắn, lỏng, khí và các sản phẩm liên quan. Chi tiết: bán buôn xăng, dầu, nhớt, mỡ (trừ bán buôn nhớt phế thải);
- ...

**4. Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm toán nội bộ và Ban Tổng Giám đốc**

Các thành viên Hội đồng Quản trị, Ban Kiểm toán nội bộ và Ban Tổng Giám đốc của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

**4.1 Hội đồng Quản trị**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Lê Trọng Hiếu	Chủ tịch	30/03/2018	-
Ông Phan Ngọc Hùng	Ủy viên thường trực	30/03/2018	-
Ông Bùi Ngọc Thạch Anh	Thành viên	30/03/2018	-
Ông Phạm Trần Hiền	Thành viên	30/03/2018	-
Ông Nguyễn Văn Khoa	Thành viên	30/03/2018	-

**4.2 Ban Kiểm toán nội bộ**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Nguyễn Văn Khoa	Trưởng ban	30/03/2018	-

**4.3 Ban Tổng Giám đốc**

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
Ông Phan Ngọc Hùng	Tổng Giám đốc	01/07/2015	-
Bà Bùi Hoài Châu	Phó Tổng Giám đốc	01/03/2016	-

**5. Người đại diện theo pháp luật**

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Phan Ngọc Hùng – Tổng Giám đốc Công ty được bổ nhiệm từ ngày 01 tháng 07 năm 2015.

**6. Đánh giá tình hình hoạt động**

Kết quả hoạt động và tình hình tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 09 năm 2019 được thể hiện trong Báo cáo tài chính từ trang 08 đến trang 44.

**7. Sự kiện sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Theo ý kiến của Ban Tổng Giám đốc, Báo cáo tài chính của Công ty cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 09 năm 2019 sẽ không bị ảnh hưởng nghiêm trọng bởi bất kỳ khoản mục, nghiệp vụ hay sự kiện quan trọng hoặc có bản chất bất thường nào phát sinh từ ngày kết thúc giai đoạn tài chính cho đến ngày lập Báo cáo này cần thiết phải có các điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

**8. Kiểm toán viên**

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt - **VIETVALUES** được chỉ định thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến ngày 30 tháng 09 năm 2019 của Công ty.

**9. Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc**

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính để phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán.
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng.
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính.
- Lập Báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục.
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các số kế toán có liên quan được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính, tình hình hoạt động của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các số kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm quản lý các tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các qui định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính.

**10. Phê duyệt Báo cáo tài chính**

Ban Tổng Giám đốc phê duyệt Báo cáo tài chính đính kèm. Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 06 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và các luồng lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 12 năm 2019

**Tổng Giám đốc**



**PHẦN NGỌC HÙNG**  
Tổng Giám đốc

Số: 2334/19/BCKT/AUD-VVALUES

## BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: QUÝ CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC  
CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN**

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 05 tháng 12 năm 2019, từ trang 08 đến trang 44, bao gồm: Bảng cân đối kế toán tại ngày 30 tháng 09 năm 2019, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ và Thuyết minh báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến 30 tháng 09 năm 2019.

### Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực và hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo Chuẩn mực Kế toán, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

### Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về Báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực Kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu Báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên Báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong Báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Ban Tổng Giám đốc cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể Báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

### Ý kiến của Kiểm toán viên

Theo ý kiến của chúng tôi, Báo cáo tài chính đã phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 09 năm 2019, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến 30 tháng 09 năm 2019, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 12 năm 2019

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn Chuẩn Việt (**VIETVALUES**)



Ths. Nguyễn Thanh Hồng – Phó Tổng Giám đốc  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 1512-2018-071-1  
Chữ ký được ủy quyền

Ths. Nguyễn Thị Cẩm Hồng - Kiểm toán viên  
Giấy CNĐKHN kiểm toán số 2849-2014-071-1

**Nơi nhận:**

- Như trên.
- Lưu **VIETVALUES**.

## BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

ĐVT: VND

Mã số	TÀI SẢN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 09 năm 2019	Ngày 01 tháng 01 năm 2019
1	2	3	4	5
<b>100</b>	<b>A. TÀI SẢN NGẮN HẠN</b>		<b>202.423.596.404</b>	<b>138.605.056.923</b>
<b>110</b>	<b>I. Tiền và các khoản tương đương tiền</b>	<b>V.1</b>	<b>160.705.634.726</b>	<b>120.026.761.964</b>
111	1. Tiền		15.705.634.726	16.026.761.964
112	2. Các khoản tương đương tiền		145.000.000.000	104.000.000.000
<b>120</b>	<b>II. Đầu tư tài chính ngắn hạn</b>		-	-
<b>130</b>	<b>III. Các khoản phải thu ngắn hạn</b>		<b>9.528.475.096</b>	<b>7.956.477.840</b>
131	1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	V.2	8.389.723.055	6.924.741.963
132	2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	V.3	1.086.578.659	217.000.823
136	3. Phải thu ngắn hạn khác	V.4a	426.691.782	1.152.135.054
137	4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	V.5	(374.518.400)	(337.400.000)
<b>140</b>	<b>IV. Hàng tồn kho</b>	<b>V.6</b>	<b>31.485.443.197</b>	<b>10.209.378.463</b>
141	1. Hàng tồn kho		31.485.443.197	10.209.378.463
149	2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho (*)		-	-
<b>150</b>	<b>V. Tài sản ngắn hạn khác</b>		<b>704.043.385</b>	<b>412.438.656</b>
151	1. Chi phí trả trước ngắn hạn	V.7a	704.043.385	412.438.656
<b>200</b>	<b>B. TÀI SẢN DÀI HẠN</b>		<b>149.458.899.717</b>	<b>154.668.394.189</b>
<b>210</b>	<b>I. Các khoản phải thu dài hạn</b>		<b>5.000.000</b>	<b>5.000.000</b>
216	1. Phải thu dài hạn khác	V.4b	5.000.000	5.000.000
219	2. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi		-	-
<b>220</b>	<b>II. Tài sản cố định</b>		<b>105.423.111.892</b>	<b>110.079.717.512</b>
221	1. Tài sản cố định hữu hình	V.8	43.569.913.031	46.377.086.691
222	- Nguyên giá		82.542.440.881	80.865.306.263
223	- Giá trị hao mòn lũy kế		(38.972.527.850)	(34.488.219.572)
227	2. Tài sản cố định vô hình	V.9	61.853.198.861	63.702.630.821
228	- Nguyên giá		68.731.740.865	68.731.740.865
229	- Giá trị hao mòn lũy kế		(6.878.542.004)	(5.029.110.044)
<b>230</b>	<b>III. Bất động sản đầu tư</b>	<b>V.10</b>	<b>34.284.256.139</b>	<b>35.037.848.747</b>
231	- Nguyên giá		41.556.799.362	41.556.799.362
232	- Giá trị hao mòn lũy kế		(7.272.543.223)	(6.518.950.615)
<b>240</b>	<b>IV. Tài sản dở dang dài hạn</b>		<b>952.099.640</b>	<b>966.327.463</b>
242	1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	V.11	952.099.640	966.327.463
<b>250</b>	<b>V. Đầu tư tài chính dài hạn</b>	<b>V.12</b>	<b>6.546.000.000</b>	<b>6.546.000.000</b>
253	1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		10.296.000.000	10.296.000.000
254	2. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn		(3.750.000.000)	(3.750.000.000)
<b>260</b>	<b>VI. Tài sản dài hạn khác</b>		<b>2.248.432.046</b>	<b>2.033.500.467</b>
261	1. Chi phí trả trước dài hạn	V.7b	1.130.024.881	1.238.452.272
262	2. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại	V.13	1.118.407.165	795.048.195
<b>270</b>	<b>TỔNG CỘNG TÀI SẢN</b>		<b>351.882.496.121</b>	<b>293.273.451.112</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN**

Địa chỉ: Số 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

Tại ngày 30 tháng 09 năm 2019

Mã số	NGUỒN VỐN	Thuyết minh	Ngày 30 tháng 09 năm 2019	Ngày 01 tháng 01 năm 2019
1	2	3	4	5
<b>300</b>	<b>C. NỢ PHẢI TRẢ</b>		<b>153.737.306.340</b>	<b>82.875.486.876</b>
<b>310</b>	<b>I. Nợ ngắn hạn</b>		<b>140.023.263.591</b>	<b>70.693.868.121</b>
311	1. Phải trả người bán ngắn hạn	V.14	3.976.355.923	22.154.249.308
312	2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	V.15	74.929.190	80.286.597
313	3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	V.16	34.827.354.070	32.871.062.344
314	4. Phải trả người lao động	V.17	6.819.521.853	7.530.309.722
315	5. Chi phí phải trả ngắn hạn	V.18	247.536.383	297.464.408
319	7. Phải trả ngắn hạn khác	V.19a	8.817.280.266	5.748.860.219
320	8. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	V.20	83.474.080.121	-
322	9. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	V.21	1.786.205.785	2.011.635.523
<b>330</b>	<b>II. Nợ dài hạn</b>		<b>13.714.042.749</b>	<b>12.181.618.755</b>
337	1. Phải trả dài hạn khác	V.19b	5.490.424.100	5.475.424.100
342	2. Dự phòng phải trả dài hạn	V.22	8.223.618.649	6.706.194.655
<b>400</b>	<b>D. VỐN CHỦ SỞ HỮU</b>	<b>V.23</b>	<b>198.145.189.781</b>	<b>210.397.964.236</b>
<b>410</b>	<b>I. Vốn chủ sở hữu</b>		<b>198.145.189.781</b>	<b>210.397.964.236</b>
411	1. Vốn góp của chủ sở hữu		112.914.590.000	112.914.590.000
411a	- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết		112.914.590.000	112.914.590.000
412	2. Thặng dư vốn cổ phần		9.220.495.600	9.220.495.600
415	3. Cổ phiếu quỹ (*)		(1.414.603.444)	(1.414.603.444)
418	4. Quỹ đầu tư phát triển		39.398.471.894	39.398.471.894
421	5. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối		38.026.235.731	50.279.010.186
421a	- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước		16.574.553.186	22.089.820.749
421b	- LNST chưa phân phối kỳ này		21.451.682.545	28.189.189.437
<b>430</b>	<b>II. Nguồn kinh phí và quỹ khác</b>		-	-
<b>440</b>	<b>TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN</b>		<b>351.882.496.121</b>	<b>293.273.451.112</b>

Người lập biểu



NGUYỄN TÂN NGHĨA

Kế toán trưởng



PHẠM THỊ THU NGA

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 12 năm 2019

Tổng Giám đốc



PHAN NGỌC HÙNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN**

Địa chỉ: Số 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

Kết quả hoạt động kinh doanh

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến 30 tháng 09 năm 2019

**KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH**  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến 30 tháng 09 năm 2019

ĐVT: VND

Mã số	CHỈ TIÊU	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018
1	2	3	4	5
01	1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	VI.1	899.020.042.496	1.065.711.116.956
02	2. Các khoản giảm trừ doanh thu		68.999.093	11.896.819
10	3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ		898.951.043.403	1.065.699.220.137
11	4. Giá vốn hàng bán	VI.2	818.449.764.671	992.120.935.874
20	5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ		80.501.278.732	73.578.284.263
21	6. Doanh thu hoạt động tài chính	VI.3	4.297.599.181	11.106.256.413
22	7. Chi phí tài chính	VI.4	1.172.152.874	7.494.404.584
23	- Trong đó: Chi phí lãi vay		1.172.152.874	7.494.404.584
25	8. Chi phí bán hàng	VI.5	40.097.311.156	33.438.905.147
26	9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	VI.6	13.300.967.645	10.810.566.063
30	10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh		30.228.446.238	32.940.664.882
31	11. Thu nhập khác	VI.7	127.590.823	329.075.316
32	12. Chi phí khác	VI.8	7.557.180	80.004.621
40	13. Lợi nhuận khác		120.033.643	249.070.695
50	14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế		30.348.479.881	33.189.735.577
51	15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	V.16	6.506.626.590	7.107.605.389
52	16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	VI.9	(323.358.970)	(347.091.879)
60	17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp		24.165.212.261	26.429.222.067
70	18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	VI.10	1.909	2.117
71	19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	VI.10	1.909	2.117

Người lập biểu

NGUYỄN TẤN NGHĨA

Kế toán trưởng

PHẠM THỊ THU NGA

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 12 năm 2019

Tổng Giám đốc



PHAN NGỌC HÙNG

**BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ**

(Theo phương pháp gián tiếp)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến 30 tháng 09 năm 2019

DVT: VND

Mã số	Chi tiêu	Thuyết minh	Từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018
1	2	3	4	5
	<b>I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH</b>			
01	<b>1. Lợi nhuận trước thuế</b>		<b>30.348.479.881</b>	<b>33.189.735.577</b>
	<b>2. Điều chỉnh cho các khoản</b>		<b>5.516.428.933</b>	<b>3.642.743.412</b>
02	- Khấu hao tài sản cố định và BĐS đầu tư	V.8,9,10	7.087.332.846	6.965.903.067
03	- Các khoản dự phòng		1.554.542.394	-
04	- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ		-	-
05	- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư		(4.297.599.181)	(10.817.564.239)
06	- Chi phí lãi vay	VI.4	1.172.152.874	7.494.404.584
07	- Các khoản điều chỉnh khác		-	-
08	<b>3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động</b>		<b>35.864.908.814</b>	<b>36.832.478.989</b>
09	- Tăng, giảm các khoản phải thu	VII.5	(1.165.272.398)	(1.815.790.392)
10	- Tăng, giảm hàng tồn kho		(21.276.064.734)	(7.415.493.848)
11	- Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập phải nộp)	VII.5	(13.466.812.045)	2.888.850.969
12	- Tăng, giảm chi phí trả trước		(183.177.338)	277.623.561
13	- Tăng giảm chứng khoán kinh doanh		-	-
14	- Tiền lãi vay đã trả		(1.052.033.508)	(7.518.210.233)
15	- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	V.16	(7.082.963.715)	(4.851.048.350)
16	- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	VII.1	281.844.000	281.844.000
17	- Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	VII.2	(3.220.803.454)	(4.215.024.439)
20	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh</b>		<b>(11.300.374.378)</b>	<b>14.465.230.257</b>
	<b>II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ</b>			
21	1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		(2.229.413.785)	(3.715.382.877)
22	2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác		-	1.472.727.273
23	3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
24	4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác		-	-
25	5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
26	6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác		-	-
27	7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia		4.425.152.604	11.061.115.662
30	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư</b>		<b>2.195.738.819</b>	<b>8.818.460.058</b>
	<b>III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH</b>			
31	1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu		-	-
32	2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành		-	-
33	3. Tiền thu từ đi vay	VII.3	291.486.850.121	973.001.845.000
34	4. Tiền trả nợ gốc vay	VII.4	(208.012.770.000)	(966.244.855.000)
35	5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính		-	-
36	6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	V.23	(33.690.571.800)	(33.674.516.325)
40	<b>Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính</b>		<b>49.783.508.321</b>	<b>(26.917.526.325)</b>
50	<b>Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ (20+30+40)</b>		<b>40.678.872.762</b>	<b>(3.633.836.010)</b>
60	<b>Tiền và tương đương tiền đầu kỳ</b>		<b>120.026.761.964</b>	<b>304.271.087.346</b>
61	Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ		-	-
70	<b>Tiền và tương đương tiền cuối kỳ</b>	V.1	<b>160.705.634.726</b>	<b>300.637.251.336</b>

Người lập biểu

Kế toán trưởng

TP. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 12 năm 2019

Tổng Giám đốc



## **BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

**Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến 30 tháng 09 năm 2019**

### **I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG**

#### **1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.

#### **2. Lĩnh vực kinh doanh**

Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là kinh doanh thương mại, kinh doanh bất động sản.

#### **3. Ngành nghề kinh doanh**

- Kinh doanh xăng, dầu, nhớt, mỡ (trừ kinh doanh nhớt phế thải).
- Cho thuê bất động sản đầu tư và các dịch vụ khác.

#### **4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.

Đối với hoạt động kinh doanh bất động sản, có chu kỳ kinh doanh trên 12 tháng.

#### **5. Đặc điểm hoạt động của Công ty trong kỳ có ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính**

Không có đặc điểm kinh doanh nào trong kỳ ảnh hưởng đến Báo cáo tài chính của Công ty trong kỳ.

#### **6. Cấu trúc Công ty**

*Các Đơn vị trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc*

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
1. Cửa hàng xăng dầu số 20	387A Lê Văn Khương, phường Hiệp Thành, quận 12, TP. Hồ Chí Minh
2. Cửa hàng xăng dầu số 10	784 Hậu Giang, phường 12, quận 6, TP. Hồ Chí Minh
3. Cửa hàng xăng dầu số 21	Lô VI, KCN Lê Minh Xuân, xã Tân Nhựt, huyện Bình Chánh, TP. Hồ Chí Minh
4. Cửa hàng xăng dầu số 24	64 Lũy Bán Bích, phường Tân Thới Hòa, quận Tân Phú, TP. Hồ Chí Minh
5. Cửa hàng xăng dầu số 17	401 Trường Chinh, phường 13, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
6. Cửa hàng xăng dầu số 5	234 Bạch Đằng, phường 24, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh.
7. Cửa hàng xăng dầu số 13	118 Cách Mạng Tháng Tám, phường 7, quận 3, TP. Hồ Chí Minh
8. Cửa hàng xăng dầu số 11	186 Tô Hiến Thành, phường 15, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
9. Cửa hàng xăng dầu số 19	247 Lê Quang Định, phường 1, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
10. Cửa hàng xăng dầu số 6	9 Bis Trần Nãi, phường Bình An, quận 2, TP. Hồ Chí Minh
11. Cửa hàng xăng dầu số 12	912 Võ Văn Kiệt, phường 5, quận 5, TP. Hồ Chí Minh
12. Cửa hàng xăng dầu số 8	135 Nơ Trang Long, phường 12, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN**

Địa chỉ: Số 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến 30 tháng 09 năm 2019

<b>Tên đơn vị</b>	<b>Địa chỉ</b>
13. Cửa hàng xăng dầu số 4	167 Điện Biên Phủ, phường 15, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
14. Cửa hàng xăng dầu số 16	260A Lạc Long Quân, phường 10, quận 11, TP. Hồ Chí Minh
15. Cửa hàng xăng dầu số 3	16A Quốc lộ 22, phường Trung Mỹ Tây, quận 12, TP. Hồ Chí Minh
16. Cửa hàng xăng dầu số 18	A21 Quang Trung, phường 10, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
17. Cửa hàng xăng dầu số 9	52 Bùi Thị Xuân, phường Bến Thành, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
18. Chi nhánh công ty cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn - Cửa hàng KD dầu nhờn 825	825 Hậu Giang, phường 11, quận 6, TP. Hồ Chí Minh
19. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn - Cửa hàng bán nhớt và rửa xe	118 Hậu Giang, phường 6, quận 6, TP. Hồ Chí Minh
20. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn - Cửa hàng bán nhớt và rửa xe	1438 Phạm Thế Hiển, phường 5, quận 8, TP. Hồ Chí Minh
21. Chi nhánh Công ty cổ phần nhiên liệu Sài Gòn - Nhà hàng Mười Tám	18 Nguyễn Huy Tự, phường Đa Kao, quận 1, TP. Hồ Chí Minh
22. Kho xăng dầu 30/4	26 Chuyên Dừng 9, phường Phú Mỹ, quận 7, TP. Hồ Chí Minh
23. Chi nhánh công ty cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn - Cửa hàng KD dầu nhờn 103	103 Xô Viết Nghệ Tĩnh, phường 17, quận Bình Thạnh, TP. Hồ Chí Minh
24. Cửa hàng kinh doanh Gas	263 Nguyễn Duy, phường 9, quận 8, TP. Hồ Chí Minh
25. Chi nhánh công ty cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn - Cửa hàng KD dầu nhờn 406	406 Lê Văn Sỹ, phường 2, quận Tân Bình, TP. Hồ Chí Minh
26. Cửa hàng kinh doanh xăng dầu 456	456 Trần Hưng Đạo, phường 2, quận 5, TP. Hồ Chí Minh
27. Chi nhánh công ty cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn - Cửa hàng KD dầu nhờn 263	263 Ngô Quyền, phường 6, quận 10, TP. Hồ Chí Minh
28. Cửa hàng kinh doanh dầu nhờn 138	138B Trần Phú, phường 4, quận 5, TP. Hồ Chí Minh
29. Chi nhánh công ty cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn - Cửa hàng KD dầu nhờn 89	M5 Lê Hoàng Phái, phường 17, quận Gò Vấp, TP. Hồ Chí Minh
30. Chi nhánh công ty cổ phần Nhiên liệu Sài Gòn - Cửa hàng KD dầu nhờn 67	67 Phú Thọ, phường 1, quận 11, TP. Hồ Chí Minh

**7. Nhân viên**

Tại ngày 30/09/2019 số lượng nhân viên là 222 (Tại ngày 01/01/2019 là 231 nhân viên).

## **II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN**

### **1. Năm tài chính**

Năm tài chính cho niên độ kế toán năm 2019 được tính từ ngày 01/01/2019 đến hết ngày 30/09/2019 (9 tháng). Từ năm 2020 năm tài chính cho niên độ kế toán được tính bắt đầu ngày 01/10 năm hàng năm và kết thúc vào ngày 30/09 năm liền kề theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên số 04/2019//NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 04 năm 2019.

Báo cáo tài chính này là năm đầu tiên Công ty thay đổi niên độ kế toán và năm tài chính cho niên độ kế toán năm 2019 được tính từ ngày 01/01/2019 đến hết ngày 30/09/2019.

### **2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán**

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do việc thu, chi chủ yếu được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

## **III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Chế độ kế toán áp dụng**

Công ty áp dụng các chuẩn mực kế toán, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014 và Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 của Bộ Tài Chính cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

### **2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán**

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, được sửa đổi và bổ sung một số điều ở Thông tư số 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 03 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính.

## **IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG**

### **1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính**

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

### **2. Tiền và các khoản tương đương tiền**

Tiền bao gồm tiền mặt, tiền gửi ngân hàng không có kỳ hạn và tiền đang chuyển.

Các khoản tương đương tiền là các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi hoặc đáo hạn không quá 3 tháng kể từ ngày mua, dễ dàng chuyển đổi thành một lượng tiền xác định cũng như không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền.

### **3. Các khoản đầu tư tài chính**

#### ***Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác***

Đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác bao gồm các khoản đầu tư công cụ vốn nhưng Công ty không có quyền kiểm soát, đồng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên được đầu tư.

Các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí trực tiếp liên quan đến hoạt động đầu tư. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác được trích lập như sau:

- Đối với khoản đầu tư vào cổ phiếu niêm yết hoặc giá trị hợp lý khoản đầu tư được xác định tin cậy, việc lập dự phòng dựa trên giá trị thị trường của cổ phiếu.
- Đối với khoản đầu tư không xác định được giá trị hợp lý tại thời điểm báo cáo, việc lập dự phòng được thực hiện căn cứ vào khoản lỗ của bên được đầu tư với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại đơn vị khác.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công cụ vốn của đơn vị khác cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

### **4. Các khoản phải thu**

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải thu về tiền bán hàng xuất khẩu ủy thác cho đơn vị khác.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó đòi căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
  - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ trên 6 tháng đến dưới 1 năm.
  - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
  - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
  - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

## **5. Hàng tồn kho (xăng, dầu, nhớt)**

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên liệu, vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Giá trị hàng tồn kho được tính theo phương pháp bình quân gia quyền đối với mặt hàng xăng, dầu, nhớt và thực tế đích danh đối với bất động sản đầu tư.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

## **6. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều kỳ kế toán. Chi phí trả trước của Công ty bao gồm các chi phí sau:

### ***Công cụ, dụng cụ***

Các công cụ, dụng cụ đã đưa vào sử dụng được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

### ***Chi phí sửa chữa***

Các khoản chi phí sửa chữa tại các cửa hàng xăng dầu được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ không quá 3 năm.

### ***Chi phí giải tỏa mặt bằng***

Các khoản chi phí giải tỏa mặt bằng để kinh doanh của cửa hàng xăng dầu số 17 tại địa chỉ số 403 Trường Chinh, phường 13, quận Tân Bình, thành phố Hồ Chí Minh được phân bổ vào chi phí theo phương pháp đường thẳng với thời gian phân bổ 120 tháng.

## **7. Tài sản cố định hữu hình**

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 – 50
Máy móc và thiết bị	03 – 13
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 – 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 – 10

## 8. Bất động sản đầu tư

Bất động sản đầu tư là quyền sử dụng đất, nhà, một phần của nhà hoặc cơ sở hạ tầng thuộc sở hữu của Công ty được sử dụng nhằm mục đích thu lợi từ việc cho thuê hoặc chờ tăng giá. Bất động sản đầu tư được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá của bất động sản đầu tư là toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra hoặc giá trị hợp lý của các khoản đưa ra để trao đổi nhằm có được bất động sản đầu tư tính đến thời điểm mua hoặc xây dựng hoàn thành.

Các chi phí liên quan đến bất động sản đầu tư phát sinh sau ghi nhận ban đầu được ghi nhận vào chi phí, trừ khi chi phí này có khả năng chắc chắn làm cho bất động sản đầu tư tạo ra lợi ích kinh tế trong tương lai nhiều hơn mức hoạt động được đánh giá ban đầu thì được ghi tăng nguyên giá.

Khi bất động sản đầu tư được bán, nguyên giá và khấu hao lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ nào phát sinh được hạch toán vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Việc chuyển từ bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho thành bất động sản đầu tư chỉ khi chủ sở hữu chấm dứt sử dụng tài sản đó và bắt đầu cho bên khác thuê hoạt động hoặc khi kết thúc giai đoạn xây dựng. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hay hàng tồn kho chỉ khi chủ sở hữu bắt đầu sử dụng tài sản này hoặc bắt đầu triển khai cho mục đích bán. Việc chuyển từ bất động sản đầu tư sang bất động sản chủ sở hữu sử dụng hoặc hàng tồn kho không làm thay đổi nguyên giá hay giá trị còn lại của bất động sản tại ngày chuyển đổi.

Bất động sản đầu tư sử dụng để cho thuê được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính phù hợp theo Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính và Thông tư số 147/2016/TT-BTC ngày 13 tháng 10 năm 2016 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 45/2013/TT-BTC ngày 25 tháng 4 năm 2013 của Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ quản lý, sử dụng và trích khấu hao Tài sản cố định. Số năm khấu hao của bất động sản đầu tư như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Quyền sử dụng đất	48 – 50
Nhà cửa, vật kiến trúc	14 – 30

## 9. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

#### **Quyền sử dụng đất**

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ... Quyền sử dụng đất được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian giao đất ghi trên Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao.

#### **Chương trình phần mềm**

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 10 năm.

### **10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi phí xây dựng cơ bản dở dang phản ánh các chi phí liên quan trực tiếp đến các tài sản đang trong quá trình xây dựng, máy móc thiết bị đang lắp đặt để phục vụ cho mục đích sản xuất, cho thuê và quản lý cũng như chi phí liên quan đến việc sửa chữa tài sản cố định đang thực hiện. Các tài sản này được ghi nhận theo giá gốc và không được tính khấu hao.

### **11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả**

Các khoản nợ phải trả, chi phí phải trả và dự phòng phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả; dự phòng phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty, bao gồm cả các khoản phải trả khi nhập khẩu thông qua người nhận ủy thác.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Dự phòng phải trả chỉ được ghi nhận khi thoả mãn các điều kiện sau: Doanh nghiệp có nghĩa vụ nợ hiện tại (nghĩa vụ pháp lý hoặc nghĩa vụ liên đới) do kết quả từ một sự kiện đã xảy ra; Sự giảm sút về những lợi ích kinh tế có thể xảy ra dẫn đến việc yêu cầu phải thanh toán nghĩa vụ nợ; Đưa ra được một ước tính đáng tin cậy về giá trị của nghĩa vụ nợ đó.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

- Dự phòng phải trả dài hạn là Quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định tại thông tư số 86/2016/TT-BTC ngày 20/06/2016 của Bộ Tài Chính.

## 12. **Vốn chủ sở hữu**

### *Vốn góp của chủ sở hữu*

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

### *Thặng dư vốn cổ phần*

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu, phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

### *Cổ phiếu quỹ*

Khi mua lại cổ phiếu do Công ty phát hành, khoản tiền trả bao gồm cả các chi phí liên quan đến giao dịch được ghi nhận là cổ phiếu quỹ và được phản ánh là một khoản giảm trừ trong vốn chủ sở hữu. Khi tái phát hành, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá sổ sách của cổ phiếu quỹ được ghi vào khoản mục “Thặng dư vốn cổ phần”.

## 13. **Phân phối lợi nhuận**

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các qui định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

## 14. **Ghi nhận doanh thu và thu nhập**

Doanh thu được ghi nhận khi Công ty có khả năng nhận được các lợi ích kinh tế có thể xác định được một cách chắc chắn. Doanh thu được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được sau khi trừ đi các khoản chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

### *Doanh thu bán hàng hoá (Xăng dầu, nhớt)*

Doanh thu bán hàng hóa được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu sản phẩm hoặc hàng hóa cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa hoặc quyền kiểm soát hàng hóa.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

### *Doanh thu cung cấp dịch vụ, cho thuê mặt bằng*



Doanh thu của giao dịch cung cấp dịch vụ được ghi nhận khi kết quả của giao dịch đó được xác định một cách đáng tin cậy. Trường hợp dịch vụ được thực hiện trong nhiều kỳ thì doanh thu được ghi nhận trong kỳ được căn cứ vào kết quả phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán. Kết quả của giao dịch cung cấp dịch vụ được xác định khi thỏa mãn tất cả các điều kiện sau:

- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Có khả năng thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch cung cấp dịch vụ đó.
- Xác định được phân công việc đã hoàn thành vào ngày kết thúc kỳ kế toán.
- Xác định được chi phí phát sinh cho giao dịch và chi phí để hoàn thành giao dịch cung cấp dịch vụ đó.

#### ***Doanh thu bán bất động sản***

Doanh thu bán bất động sản mà Công ty là chủ đầu tư được ghi nhận khi thỏa mãn đồng thời tất cả các điều kiện sau:

- Bất động sản đã hoàn thành toàn bộ và bàn giao cho người mua, Công ty đã chuyển giao rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu bất động sản cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý bất động sản như người sở hữu bất động sản hoặc quyền kiểm soát bất động sản.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn.
- Công ty đã thu được hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán bất động sản.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán bất động sản.

#### ***Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động***

Doanh thu cho thuê tài sản hoạt động được ghi nhận theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian cho thuê. Tiền cho thuê nhận trước của nhiều kỳ được phân bổ vào doanh thu phù hợp với thời gian cho thuê.

#### ***Tiền lãi***

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất thực tế từng kỳ.

#### ***Cổ tức và lợi nhuận được chia***

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

### **15. Giá vốn hàng bán**

Giá vốn hàng bán là tổng giá vốn của hàng hóa, chi phí trực tiếp của khối lượng dịch vụ đã cung cấp, chi phí khấu hao của bất động sản cho thuê, các chi phí khác được tính vào giá vốn.

### **16. Chi phí tài chính**

Chi phí tài chính là những chi phí liên quan đến hoạt động tài chính gồm chi phí đi vay vốn, lỗ chuyển nhượng chứng khoán ngắn hạn, chi phí giao dịch bán chứng khoán, dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh, dự phòng tổn thất đầu tư vào đơn vị khác.

## 17. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp là toàn bộ các chi phí phát sinh đến quá trình bán sản phẩm, hàng hóa, cung cấp dịch vụ và các chi phí quản lý chung của Công ty.

## 18. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được vốn hóa. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

## 19. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập DN hiện hành và thuế thu nhập DN hoãn lại.

### *Thuế thu nhập hiện hành*

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp: 20%.

### *Thuế thu nhập hoãn lại*

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất

có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và nợ thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp; và
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
  - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
  - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

## **20. Bên liên quan**

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

## **21. Báo cáo theo bộ phận**

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính của Công ty.

**V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (ĐVT: VND)****1. Tiền và các khoản tương đương tiền**

	Tại ngày 30/09/2019	Tại ngày 01/01/2019
Tiền mặt	2.176.598.310	3.446.825.220
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	13.529.036.416	12.579.936.744
Các khoản tương đương tiền (*)	145.000.000.000	104.000.000.000
<b>Cộng</b>	<b>160.705.634.726</b>	<b>120.026.761.964</b>

(\*) Tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn không quá 3 tháng.

**2. Phải thu ngắn hạn của khách hàng**

	Tại ngày 30/09/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	<b>20.867.350</b>	-	<b>45.383.540</b>	-
Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	15.991.750	-	41.430.740	-
Công ty CP Dầu Nhòn S.T.S	4.875.600	-	3.952.800	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	<b>8.368.855.705</b>	<b>374.518.400</b>	<b>6.879.358.423</b>	<b>337.400.000</b>
Phải thu khách hàng (xăng dầu, nhớt)	8.343.517.188	374.518.400	6.685.252.189	337.400.000
Phải thu khách hàng (dịch vụ, cho thuê mặt bằng)	25.338.517	-	194.106.234	-
<b>Cộng</b>	<b>8.389.723.055</b>	<b>374.518.400</b>	<b>6.924.741.963</b>	<b>337.400.000</b>

**3. Trả trước cho người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/09/2019	Tại ngày 01/01/2019
<b>Trả trước cho các bên liên quan</b>	-	-
Công ty Cổ phần Hàng hải S.T.S - ứng trước tiền mua xăng dầu	-	-
<b>Trả trước cho người bán khác</b>	<b>1.086.578.659</b>	<b>217.000.823</b>
Công ty TNHH Tư vấn - Thiết kế kiến trúc và Xây dựng Gia Phát	610.519.254	-
Doanh nghiệp tư nhân Thương mại Vạn Phước	421.885.405	160.718.250
Các đối tượng khác	54.174.000	56.282.573
<b>Cộng</b>	<b>1.086.578.659</b>	<b>217.000.823</b>

**4. Phải thu ngắn/ dài hạn khác**

**4a. Phải thu ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/09/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
<b>Phải thu các bên liên quan</b>	-	-	656.667.589	-
Công ty CP Xăng dầu Dịch vụ hàng hải S.T.S - Bồi thường chất lượng xăng	-	-	656.667.589	-
<b>Phải thu các tổ chức và cá nhân khác</b>	426.691.782	-	495.467.465	-
Lãi dự thu tiền gửi ngân hàng	217.287.672	-	344.841.095	-
Tạm ứng	75.000.000	-	25.000.000	-
Các đối tượng khác	134.404.110	-	125.626.370	-
<b>Cộng</b>	<b>426.691.782</b>	<b>-</b>	<b>1.152.135.054</b>	<b>-</b>

**4b. Phải thu dài hạn khác**

Là phải thu tiền khoản ký quỹ, ký cược của Công ty Cổ phần Ánh Dương Việt Nam.

**5. Nợ xấu**

	Tại ngày 30/09/2019			Tại ngày 01/01/2019		
	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
<b>Các bên liên quan</b>		-	-		-	-
<b>Các tổ chức và cá nhân khác</b>		337.400.000	-		337.400.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Nhật Nam Á - Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	331.400.000	-	Trên 3 năm	331.400.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Xây dựng Tây Phương - Phải thu tiền bán hàng	Trên 3 năm	6.000.000	-	Trên 3 năm	6.000.000	-
Công ty Cổ phần Cơ giới và Xây lắp Số 9 - Phải thu tiền bán hàng	Từ 6 tháng đến dưới 1 năm	123.728.000	86.609.600		-	-
<b>Cộng</b>		<b>461.128.000</b>	<b>86.609.600</b>		<b>337.400.000</b>	<b>-</b>

**Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:**

	Từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018
Tại ngày 01/01/2019	(337.400.000)	(337.400.000)
Trích lập dự phòng bổ sung	(37.118.400)	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
<b>Tại ngày 30/09/2019</b>	<b>(374.518.400)</b>	<b>(337.400.000)</b>

**6. Hàng tồn kho**

	Tại ngày 30/09/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường (*)	18.144.472.727	-	-	-
Vật liệu	110.179.534	-	145.055.365	-
Công cụ, dụng cụ	23.485.449	-	26.995.449	-
Hàng hóa (**)	13.207.305.487	-	10.037.327.649	-
<b>Cộng</b>	<b>31.485.443.197</b>	<b>-</b>	<b>10.209.378.463</b>	<b>-</b>

(\*) Giá trị hàng gửi tại kho của Công ty Cổ phần Hàng hải S.T.S tại ngày 30/09/2019.

(\*\*) Hàng hóa

	Tại ngày 30/09/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Xăng (các loại)	8.330.829.858	-	6.829.179.992	-
Dầu DO	3.090.886.718	-	1.891.584.223	-
Nhớt (các loại)	1.690.836.911	-	1.316.563.434	-
Hàng khuyến mãi	94.752.000	-	-	-
<b>Cộng</b>	<b>13.207.305.487</b>	<b>-</b>	<b>10.037.327.649</b>	<b>-</b>

**7. Chi phí trả trước****7a. Chi phí trả trước ngắn hạn**

	Tại ngày 30/09/2019	Tại ngày 01/01/2019
Chi phí trả trước ngắn hạn (*)	506.704.892	206.964.209
Chi phí công cụ, dụng cụ	197.338.493	205.474.447
<b>Cộng</b>	<b>704.043.385</b>	<b>412.438.656</b>

(\*) Chủ yếu là chi phí bảo hiểm xe bồn, chi phí phân bổ công cụ dụng cụ và một số chi phí khác.

Tình hình biến động chi phí trả trước ngắn hạn như sau:

Chi tiết	Từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018
Số dư đầu kỳ	412.438.656	139.180.746
Tăng trong kỳ	1.911.598.025	1.107.175.411
Phân bổ trong kỳ	(1.619.993.296)	(789.304.605)
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>704.043.385</b>	<b>457.051.552</b>

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN**

Địa chỉ: Số 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến 30 tháng 09 năm 2019

**7b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Tại ngày 01/01/2019	Chi phí phát sinh trong kỳ	Giảm trong kỳ	Tại ngày 30/09/2019
Giải tỏa mặt bằng 403 Trường Trinh	500.000.032	-	(187.499.997)	312.500.035
Chi phí sửa chữa nhỏ các Cửa hàng <sup>(1)</sup>	42.453.840	310.687.546	(77.960.798)	275.180.588
Chi phí CCDC, đồ dùng <sup>(2)</sup>	683.900.242	373.777.818	(518.240.735)	539.437.325
Chi phí khác	12.098.158	-	(9.191.225)	2.906.933
<b>Cộng</b>	<b>1.238.452.272</b>	<b>684.465.364</b>	<b>(792.892.755)</b>	<b>1.130.024.881</b>

(1) Chi phí sửa chữa nhỏ các Cửa hàng: chủ yếu là sửa chữa, cải tạo các Cửa hàng

(2) Chi phí CCDC, đồ dùng khác: Chủ yếu là trang bị đèn led, Camera, máy in nhiệt tại trụ bơm, đồ bảo hộ PCCC, lốp xe bồn...

**8. Tài sản cố định hữu hình**

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
<b>Nguyên giá</b>					
Tại ngày 01/01/2019	39.769.033.562	21.787.405.208	14.189.703.453	5.119.164.040	80.865.306.263
Mua mới trong kỳ	-	594.060.000	-	547.756.000	1.141.816.000
Tăng do nâng cấp	446.558.618	41.900.000	-	46.860.000	535.318.618
<b>Tại ngày 30/09/2019</b>	<b>40.215.592.180</b>	<b>22.423.365.208</b>	<b>14.189.703.453</b>	<b>5.713.780.040</b>	<b>82.542.440.881</b>
Trong đó nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	5.398.739.585	4.656.299.170	-	398.404.209	10.453.442.964
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>					
Tại ngày 01/01/2019	15.047.056.537	13.345.902.626	3.698.549.540	2.396.710.869	34.488.219.572
Khấu hao trong kỳ	1.542.988.759	1.425.026.745	1.081.861.290	434.431.484	4.484.308.278
<b>Tại ngày 30/09/2019</b>	<b>16.590.045.296</b>	<b>14.770.929.371</b>	<b>4.780.410.830</b>	<b>2.831.142.353</b>	<b>38.972.527.850</b>
<b>Giá trị còn lại</b>					
Tại ngày 01/01/2019	24.721.977.025	8.441.502.582	10.491.153.913	2.722.453.171	46.377.086.691
Tại ngày 30/09/2019	23.625.546.884	7.652.435.837	9.409.292.623	2.882.637.687	43.569.913.031

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN**

Địa chỉ: Số 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến 30 tháng 09 năm 2019

**9. Tài sản cố định vô hình**

	Quyền sử dụng đất có thời hạn	Phần mềm kế toán	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2019	67.316.740.865	1.415.000.000	68.731.740.865
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Tại ngày 30/09/2019</b>	<b>67.316.740.865</b>	<b>1.415.000.000</b>	<b>68.731.740.865</b>
<i>Trong đó nguyên giá TSCĐ đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng</i>	-	-	-
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2019	4.527.813.902	501.296.142	5.029.110.044
Khấu hao trong kỳ	1.742.668.371	106.763.589	1.849.431.960
<b>Tại ngày 30/09/2019</b>	<b>6.270.482.273</b>	<b>608.059.731</b>	<b>6.878.542.004</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2019	62.788.926.963	913.703.858	63.702.630.821
Tại ngày 30/09/2019	61.046.258.592	806.940.269	61.853.198.861

**10. Bất động sản đầu tư**

	Quyền sử dụng đất	Nhà cửa, vật kiến trúc	Cộng
<b>Nguyên giá</b>			
Tại ngày 01/01/2019	17.313.043.291	24.243.756.071	41.556.799.362
Tăng trong kỳ	-	-	-
Giảm trong kỳ	-	-	-
<b>Tại ngày 30/09/2019</b>	<b>17.313.043.291</b>	<b>24.243.756.071</b>	<b>41.556.799.362</b>
<i>Trong đó nguyên giá BĐS đã khấu hao hết nhưng vẫn cho thuê</i>	-	104.400.000	104.400.000
<b>Giá trị hao mòn lũy kế</b>			
Tại ngày 01/01/2019	2.683.577.989	3.835.372.626	6.518.950.615
Khấu hao trong kỳ	263.446.614	490.145.994	753.592.608
Giảm khác	-	-	-
<b>Tại ngày 30/09/2019</b>	<b>2.947.024.603</b>	<b>4.325.518.620</b>	<b>7.272.543.223</b>
<b>Giá trị còn lại</b>			
Tại ngày 01/01/2019	14.629.465.302	20.408.383.445	35.037.848.747
Tại ngày 30/09/2019	14.366.018.688	19.918.237.451	34.284.256.139



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN**

Địa chỉ: Số 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến 30 tháng 09 năm 2019

Theo qui định tại Chuẩn mực Kế toán Việt Nam số 05 “Bất động sản đầu tư”, giá trị hợp lý của bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019 cần được trình bày. Tuy nhiên, Công ty hiện chưa xác định được giá trị hợp lý của các bất động sản đầu tư do chưa có điều kiện để thực hiện.

**Danh mục bất động sản đầu tư tại ngày kết thúc kỳ kế toán từ 01/01/2019 đến 30/09/2019 như sau:**

	Nguyên giá	Khấu hao lũy kế	Giá trị còn lại
Công trình Siêu thị Coop Mart Bình Triệu	23.962.872.071	4.046.012.877	19.916.859.194
525 Trần Hưng Đạo, quận 1, Tp. HCM	9.332.018.107	1.703.853.752	7.628.164.355
31 Nguyễn An Khương, quận 5, Tp. HCM	8.261.909.184	1.522.676.594	6.739.232.590
<b>Cộng</b>	<b>41.556.799.362</b>	<b>7.272.543.223</b>	<b>34.284.256.139</b>

**11. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang**

Chi tiết	Số tại ngày 01/01/2019	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số tại ngày 30/09/2019
Công trình 1A Phạm Ngọc Thạch (*)	915.900.909	-	-	-	915.900.909
Chi phí lập hồ sơ xin phép đầu nối thoát nước CHXD	40.909.091	-	(8.181.818)	(24.545.455)	8.181.818
Cải tạo sửa chữa nhà VP, khu vực bán hàng CHXD số 17	-	298.539.738	(298.539.738)	-	-
Chi phí đo đạc, lập bản đồ tại CHXD số 11	-	3.499.450	-	-	3.499.450
CHXD số 03	9.517.463	15.000.000	-	-	24.517.463
<b>Cộng</b>	<b>966.327.463</b>	<b>317.039.188</b>	<b>(306.721.556)</b>	<b>(24.545.455)</b>	<b>952.099.640</b>

(\*) Đây là chi phí khảo sát, tư vấn thiết kế tại địa chỉ 1A Phạm Ngọc Thạch, quận 1, Tp. Hồ Chí Minh.

**12. Đầu tư tài chính dài hạn**

	Tại ngày 30/09/2019			Tại ngày 01/01/2019		
	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng	Giá gốc	Giá trị hợp lý	Dự phòng
<b>Đầu tư vào công ty con</b>	-	-	-	-	-	-
<b>Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác</b>	<b>10.296.000.000</b>	<b>6.546.000.000</b>	<b>(3.750.000.000)</b>	<b>10.296.000.000</b>	<b>6.546.000.000</b>	<b>(3.750.000.000)</b>
Công ty Cổ phần Cà phê Petec <sup>(i)</sup>	296.000.000	296.000.000	-	296.000.000	296.000.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Phát triển Gia Định <sup>(ii)</sup>	10.000.000.000	6.250.000.000	(3.750.000.000)	10.000.000.000	6.250.000.000	(3.750.000.000)
<b>Cộng</b>	<b>10.296.000.000</b>	<b>6.546.000.000</b>	<b>(3.750.000.000)</b>	<b>10.296.000.000</b>	<b>6.546.000.000</b>	<b>(3.750.000.000)</b>

(i) Khoản đầu tư dài hạn vào 29.200 cổ phiếu mệnh giá 10.000 VND/Cổ phiếu, giá trị giao dịch tại ngày 31/12/2018 tại sàn giao dịch UpCOM là 10.000 VND/Cổ phiếu. Công ty CP Cà phê Petec hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực cung ứng cà phê.

- (ii) Khoản đầu tư dài hạn vào 625.000 cổ phiếu mệnh giá 10.000 đồng/cổ phiếu của Công ty CP Đầu tư Phát triển Gia Định với giá trị: 10.000.000.000 đồng. Công ty CP Đầu tư Phát triển Gia Định hoạt động trong lĩnh vực kinh doanh bất động sản.

*Giá trị hợp lý*

Đối với các khoản đầu tư có giá niêm yết, giá trị hợp lý được xác định theo giá niêm yết tại ngày kết thúc kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019. Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không có giá niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

*Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác*

Tình hình biến động dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018
Số dư đầu kỳ	(3.750.000.000)	(3.750.000.000)
Trích lập dự phòng	-	-
Hoàn nhập dự phòng	-	-
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>(3.750.000.000)</b>	<b>(3.750.000.000)</b>

**13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại**

Là chi phí thuế TNDN hoãn lại chủ yếu cho chi phí khấu hao Quyền sử dụng đất 1A Phạm Ngọc Thạch.

	Từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018
Số dư đầu kỳ	795.048.195	308.526.114
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh trong kỳ	323.358.970	347.091.879
<b>Số dư cuối kỳ</b>	<b>1.118.407.165</b>	<b>655.617.993</b>

**14. Phải trả người bán ngắn hạn**

	Tại ngày 30/09/2019	Tại ngày 01/01/2019
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	<i>3.726.368.832</i>	<i>21.980.760.908</i>
Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ hàng hải STS	2.610.000.000	20.697.720.000
Công ty CP Dầu nhờn S.T.S	1.116.368.832	1.283.040.908
<i>Phải trả các nhà cung cấp khác</i>	<i>249.987.091</i>	<i>173.488.400</i>
Hợp tác xã Vận tải Nhà Bè	124.900.000	131.670.000
Công ty TNHH Bảo hộ lao động toàn thắng	105.197.400	
Các đối tượng khác	19.889.691	41.818.400
<b>Cộng</b>	<b>3.976.355.923</b>	<b>22.154.249.308</b>

**15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn**

	Tại ngày 30/09/2019	Tại ngày 01/01/2019
<i>Trả trước của các bên liên quan</i>	-	-
<i>Trả trước của các khách hàng khác</i>	74.929.190	80.286.597
Công ty Cổ phần Công trình Giao thông Sài Gòn - XNCT 5	16.438.950	-
Công ty TNHH Dịch vụ Vận tải Trọng Tấn	14.906.980	-
Công ty Cổ phần Hà Đô 1	13.544.960	34.850.600
Công ty TNHH Thương mại Dịch vụ Vận chuyển Long Giang	10.106.300	3.236.500
Các đối tượng khác	19.932.000	42.199.497
<b>Cộng</b>	<b>74.929.190</b>	<b>80.286.597</b>

**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước**

	Tại ngày 01/01/2019		Số phát sinh trong kỳ		Tại ngày 30/09/2019	
	Phải nộp	Phải thu	Số phải nộp	Số đã nộp	Phải nộp	Phải thu
Thuế GTGT hàng bán nội địa	4.657.151.322	-	27.758.579.852	(30.305.632.401)	2.110.098.773	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.638.807.649	-	6.506.626.590	(7.082.963.715)	1.062.470.524	-
Thuế thu nhập cá nhân	3.705.000	-	689.701.062	(679.994.958)	13.411.104	-
Thuê đất	5.365.222.323	-	6.477.977.142	(6.124.685.796)	5.718.513.669	-
Thuế bảo vệ môi trường	21.206.176.050	-	226.779.646.600	(222.062.962.650)	25.922.860.000	-
Thuế đất phi nông nghiệp	-	-	102.272.968	(102.272.968)	-	-
Lệ phí khác	-	-	34.000.000	(34.000.000)	-	-
<b>Cộng</b>	<b>32.871.062.344</b>	<b>-</b>	<b>268.348.804.214</b>	<b>(266.392.512.488)</b>	<b>34.827.354.070</b>	<b>-</b>

**16a. Thuế giá trị gia tăng**

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ.

**16b. Thuế thu nhập doanh nghiệp**

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp cho các khoản thu nhập tính thuế với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.348.479.881	33.189.735.577
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:		
- Các khoản điều chỉnh tăng	2.065.988.525	2.348.291.368
- Các khoản điều chỉnh giảm	(118.664.545)	-
Thu nhập chịu thuế	32.533.132.951	35.538.026.945
Thu nhập tính thuế	32.533.132.951	35.538.026.945
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
<b>Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp theo thuế suất phổ thông</b>	<b>6.506.626.590</b>	<b>7.107.605.389</b>
Truy thu thuế TNDN của các năm trước	-	-
<b>Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành</b>	<b>6.506.626.590</b>	<b>7.107.605.389</b>

**16c. Thuế bảo vệ môi trường**

Công ty phải nộp thuế bảo vệ môi trường đối với hoạt động bán xăng dầu với mức thuế như sau:

- Xăng, trừ Etanol : 4.000 VND/lít
- Dầu Diesel : 2.000 VND/lít

**16d. Tiền thuê đất và thuế đất phi nông nghiệp**

Công ty nộp theo thông báo của cơ quan thuế

**16e. Các loại thuế khác**

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

**17. Phải trả người lao động**

	Tại ngày 30/09/2019	Tại ngày 01/01/2019
Lương cho người lao động	6.680.265.853	7.381.407.722
Tiền com	139.256.000	148.902.000
<b>Cộng</b>	<b>6.819.521.853</b>	<b>7.530.309.722</b>

**18. Chi phí phải trả ngắn hạn**

	Tại ngày 30/09/2019	Tại ngày 01/01/2019
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	247.536.383	297.464.408
Chi phí lãi vay	120.119.366	-
Chi phí khác	127.417.017	297.464.408
<b>Cộng</b>	<b>247.536.383</b>	<b>297.464.408</b>

**19. Phải trả ngắn hạn/dài hạn khác****19a. Phải trả ngắn hạn khác**

	Tại ngày 30/09/2019	Tại ngày 01/01/2019
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các đơn vị và cá nhân khác</i>	8.817.280.266	5.748.860.219
Công ty CP Bất động sản Đô Thành (*)	7.032.270.667	4.941.649.867
Kinh phí công đoàn và các khoản bảo hiểm bắt buộc	1.101.662.340	330.244.790
Các khoản ký quỹ, ký cược ngắn hạn	476.215.600	313.815.600
Các đối tượng khác	207.131.659	163.149.962
<b>Cộng</b>	<b>8.817.280.266</b>	<b>5.748.860.219</b>

(\*) Là khoản phải trả Công ty Bất động sản Đô Thành do hai bên chưa thống nhất, hoàn tất các thủ tục pháp lý có liên quan đến Hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2013 HĐHTKD-SFC&DOTHANHREAL ngày 09 tháng 07 năm 2013.

**19b. Phải trả dài hạn khác**

Chủ yếu là các khoản ký quỹ cho thuê mặt bằng.

	Tại ngày 30/09/2019	Tại ngày 01/01/2019
<i>Phải trả các bên liên quan</i>	-	-
<i>Phải trả các tổ chức và cá nhân khác</i>	5.490.424.100	5.475.424.100
Liên hiệp HTX Thương mại Tp. HCM (Sài Gòn Coop)	2.361.824.100	2.361.824.100
Công ty CP Bất động sản Đô Thành (*)	1.500.000.000	1.500.000.000
Các đối tượng khác	1.628.600.000	1.613.600.000
<b>Cộng</b>	<b>5.490.424.100</b>	<b>5.475.424.100</b>

(\*) Công ty CP Bất động sản Đô Thành ký quỹ để thực hiện hợp đồng hợp tác kinh doanh số 01/2013/HĐHTKD-SFC&DOTHANHREAL ngày 09 tháng 07 năm 2013.

**20. Vay và nợ thuê tài chính**

	Tại ngày 30/09/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
<b>Vay ngắn hạn</b>	<b>83.474.080.121</b>	<b>83.474.080.121</b>	-	-
Ngân hàng TNHH CTBC – CN Hồ Chí Minh <sup>(1)</sup>	57.587.080.121	57.587.080.121	-	-
Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam – Chi nhánh Hồ Chí Minh <sup>(2)</sup>	25.887.000.000	25.887.000.000	-	-
<b>Cộng</b>	<b>83.474.080.121</b>	<b>83.474.080.121</b>	-	-

<sup>(1)</sup> Là khoản vay của Ngân hàng TNHH MTV Shinhan Việt Nam theo Hợp đồng tín dụng số BC\_HETD/SFC/20130813 ngày 13 tháng 08 năm 2013 và Phụ lục hợp đồng số BC\_PLHD/SFC/201908 ngày 13 tháng 08 năm 2019 kèm theo. Mục đích: bổ sung vốn lưu động (Cho vay phục vụ hoạt động sản xuất kinh doanh). Thời hạn hiệu lực của hạn mức tín dụng đến hết ngày 13 tháng 08 năm 2020. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

<sup>(2)</sup> Là khoản vay của Ngân hàng TNHH CTBC Chi nhánh Hồ Chí Minh theo Thư tín dụng số STVN1508-19 được ký ngày 09 tháng 09 năm 2019. Mục đích: bổ sung vốn lưu động. Lãi suất theo từng lần nhận nợ. Vay tín chấp.

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Tại ngày 01/01/2019	Số tiền vay phát sinh trong kỳ	Số tiền vay đã trả trong kỳ	Tại ngày 30/09/2019
Vay ngắn hạn ngân hàng	-	291.486.850.121	(208.012.770.000)	83.474.080.121
<b>Cộng</b>	-	<b>291.486.850.121</b>	<b>(208.012.770.000)</b>	<b>83.474.080.121</b>

**21. Quỹ khen thưởng, phúc lợi**

	Tại ngày 01/01/2019	Tăng do trích lập từ lợi nhuận sau thuế	Tăng khác <sup>(*)</sup>	Chi quỹ trong kỳ	Tại ngày 30/09/2019
Quỹ khen thưởng	1.112.131.526	1.208.260.613	281.844.000	(1.777.229.000)	825.007.139
Quỹ phúc lợi	562.480.370	1.208.260.613	-	(1.376.574.454)	394.166.529
Quỹ thưởng HĐQT và BKS	337.023.627	297.008.490	-	(67.000.000)	567.032.117
<b>Cộng</b>	<b>2.011.635.523</b>	<b>2.713.529.716</b>	<b>281.844.000</b>	<b>(3.220.803.454)</b>	<b>1.786.205.785</b>

<sup>(\*)</sup> Đây là cổ tức của cổ phiếu thưởng cho Cán bộ Công nhân viên. Các cổ phiếu này được mua bằng nguồn quỹ khen thưởng.

Quỹ khen thưởng được dùng để:

- Thưởng cuối năm hoặc thưởng kỳ trên cơ sở năng suất lao động và thành tích công tác của mỗi cán bộ, công nhân viên trong Công ty;
- Thưởng đột xuất cho những cá nhân, tập thể trong Công ty;

- Thương cho những cá nhân và đơn vị ngoài Công ty có đóng góp nhiều cho hoạt động kinh doanh, công tác quản lý của Công ty.

**Quy phúc lợi được dùng để:** Chi cho các hoạt động phúc lợi cho cán bộ công nhân viên Công ty

## 22. Dự phòng phải trả dài hạn

Đây là khoản trích quỹ dự phòng rủi ro, bồi thường thiệt hại về môi trường theo quy định tại điều 5, Thông tư 86/2016/TT-BTC ngày 20 tháng 06 năm 2016 của Bộ tài chính.

## 23. Vốn chủ sở hữu

### 23a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

Thông tin về biến động của vốn chủ sở hữu được trình bày ở **Phụ lục số 01** đính kèm.

### 23b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 30/09/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)	Vốn cổ phần thường	Tỷ lệ (%)
Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ hàng hải S.T.S	57.586.340.000	50,99	57.586.340.000	50,99
Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp. Hồ Chí Minh	22.597.080.000	20,01	22.597.080.000	20,01
Cổ đông khác	32.731.170.000	29,00	32.731.170.000	29,00
<b>Cộng</b>	<b>112.914.590.000</b>	<b>100</b>	<b>112.914.590.000</b>	<b>100</b>

Tình hình góp vốn điều lệ như sau:

	Theo Giấy chứng nhận	Vốn điều lệ đã góp	Vốn điều lệ còn phải góp
	đăng ký doanh nghiệp		
	112.914.590.000	112.914.590.000	-
<b>Cộng</b>	<b>112.914.590.000</b>	<b>112.914.590.000</b>	<b>-</b>

### 23c. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018
- Vốn đầu tư của chủ sở hữu		
+ Vốn góp đầu năm	112.914.590.000	112.914.590.000
+ Vốn góp tăng trong kỳ	-	-
+ Vốn góp giảm trong kỳ	-	-
+ Vốn góp cuối năm	112.914.590.000	112.914.590.000
- Cổ tức, lợi nhuận đã chia (*)	(33.704.457.000)	(33.704.457.000)

(\*) Công ty chia cổ tức theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2018 Công ty CP Nhiên liệu Sài Gòn số: 04/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 04 năm 2019. Trong kỳ, Công ty đã tạm ứng cổ tức theo Nghị quyết Hội đồng quản trị số 39/2019/NQ-NLSG ngày 20/02/2019.

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN**

Địa chỉ: Số 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến 30 tháng 09 năm 2019

**23d. Cổ phiếu**

	Tại ngày 30/09/2019	Tại ngày 01/01/2019
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành		
Số lượng cổ phiếu đã phát hành/bán ra công chúng	11.291.459	11.291.459
- Cổ phiếu phổ thông	11.291.459	11.291.459
- Cổ phiếu ưu đãi (loại được phân loại là Vốn chủ sở hữu)	-	-
Số lượng cổ phiếu được mua lại	(56.640)	(56.640)
- Cổ phiếu phổ thông	(56.640)	(56.640)
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Số lượng cổ phiếu đang lưu hành	11.234.819	11.234.819
- Cổ phiếu phổ thông	11.234.819	11.234.819
- Cổ phiếu ưu đãi	-	-
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000/CP.		

**23e. Các quỹ của doanh nghiệp****Quỹ đầu tư phát triển được dùng để:**

- Bổ sung vốn điều lệ cho Công ty;
- Trích bổ sung lãi cổ tức;
- Đầu tư mở rộng quy mô hoạt động kinh doanh và đổi mới công nghệ, trang thiết bị điều kiện làm việc của Công ty;
- Bù đắp các rủi ro trong kinh doanh.

**23f. Phân phối lợi nhuận**

Trong kỳ, Công ty đã tạm phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2018 Công ty CP Nhiên liệu Sài Gòn số: 04/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 04 năm 2019 như sau:

**Phân phối lợi nhuận năm 2018**

• Chia cổ tức cho các cổ đông	:	33.704.457.000
<b>Cộng</b>		<b>33.704.457.000</b>

**Tạm phân phối lợi nhuận năm 2019**

• Tạm trích quỹ khen thưởng	:	1.208.260.613
• Tạm trích quỹ Phúc lợi	:	1.208.260.613
• Tạm trích quỹ khen thưởng Hội đồng Quản trị	:	297.008.490
<b>Cộng</b>		<b>2.713.529.716</b>



**24. Các khoản mục ngoại Bảng cân đối kế toán****24a. Tài sản thuê ngoài**

Tổng số tiền thuê tối thiểu trong tương lai của các hợp đồng thuê hoạt động tài sản không thể hủy ngang theo các thời hạn như sau:

	Tại ngày 30/09/2019	Tại ngày 01/01/2019
Từ 1 năm trở xuống	1.601.920.123	1.601.920.123
Trên 1 năm đến 5 năm	3.586.260.584	4.291.615.561
Trên 5 năm	23.466.169.154	24.362.734.300
<b>Cộng</b>	<b>28.654.349.861</b>	<b>30.256.269.984</b>

**24b. Tài sản nhận giữ hộ**

Hàng hóa nhận giữ hộ:

	Tại ngày 30/09/2019		Tại ngày 01/01/2019	
	Số lượng (lít)	Số tiền	Số lượng (lít)	Số tiền
Dầu DO (0,05% S Max)	53.516	532.013.762	36.768	354.939.532
Xăng Ron 95 - III	-	-	151.731	2.111.921.853
Xăng Ron 95 - IV	162.675	2.207.825.100	-	-
Xăng E5 Ron 92 - II	48.848	697.168.914	38.375	592.180.847
<b>Cộng</b>	<b>265.039</b>	<b>3.437.007.776</b>	<b>226.874</b>	<b>3.059.042.232</b>

**24c. Nợ khó đòi đã xử lý**

	Tại ngày 30/09/2019	Tại ngày 01/01/2019
Công ty TNHH TM DV Thái Dương	421.976.000	421.976.000
<b>Cộng</b>	<b>421.976.000</b>	<b>421.976.000</b>

**VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH (ĐVT: VND)****1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018
Doanh thu bán hàng hóa	884.910.331.432	1.050.156.642.193
Doanh thu kinh doanh BĐS	-	1.200.000.000
Doanh thu kinh doanh dịch vụ, mặt bằng	14.109.711.064	14.354.474.763
<b>Cộng</b>	<b>899.020.042.496</b>	<b>1.065.711.116.956</b>

**1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan**

Công ty phát sinh doanh thu thuần bán thành phẩm cho các bên liên quan như sau:

	Từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018
Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ Hàng hải S.T.S	122.347.163	152.223.773
Công ty CP Dầu nhờn S.T.S	1.262.588.128	21.731.636
<b>Cộng</b>	<b>1.384.935.291</b>	<b>173.955.409</b>

**2. Giá vốn hàng bán**

	Từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018
Giá vốn của hàng hóa	817.696.172.063	989.605.923.819
Giá vốn kinh doanh BĐS	-	1.761.419.447
Giá vốn kinh doanh dịch vụ, mặt bằng	753.592.608	753.592.608
<b>Cộng</b>	<b>818.449.764.671</b>	<b>992.120.935.874</b>

**3. Doanh thu hoạt động tài chính**

Chủ yếu là lãi tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn dưới 3 tháng.

**4. Chi phí tài chính**

Chủ yếu là lãi tiền vay ngân hàng.

**5. Chi phí bán hàng**

	Từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018
Chi phí cho nhân viên	20.564.265.234	15.663.441.558
Chi phí vật liệu, bao bì	1.087.189.268	964.808.354
Chi phí công cụ, đồ dùng	1.126.886.011	852.792.308
Chi phí khấu hao tài sản cố định	3.749.516.239	3.616.344.822
Chi phí dịch vụ mua ngoài	10.850.534.987	9.035.378.984
Các chi phí khác	2.718.919.417	3.306.139.121
<b>Cộng</b>	<b>40.097.311.156</b>	<b>33.438.905.147</b>











**6. Chi phí quản lý doanh nghiệp**

	<b>Từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019</b>	<b>Từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018</b>
Chi phí cho nhân viên	6.584.730.628	5.364.244.019
Chi phí đồ dùng văn phòng	86.419.516	107.485.881
Chi phí khấu hao tài sản cố định	2.584.223.999	2.595.965.637
Thuế, phí và lệ phí	283.021.644	281.113.681
Trích lập/Hoàn nhập dự phòng phải thu khó đòi	37.118.400	-
Dự phòng rủi ro bồi thường thiệt hại về môi trường	1.517.423.994	-
Chi phí dịch vụ mua ngoài	637.995.048	705.221.073
Các chi phí khác	1.570.034.416	1.756.535.772
<b>Cộng</b>	<b>13.300.967.645</b>	<b>10.810.566.063</b>

**7. Thu nhập khác**

	<b>Từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019</b>	<b>Từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018</b>
Thu nhập từ thanh lý tài sản	-	272.727.273
Thanh lý công cụ, dụng cụ	10.909.091	5.000.000
Hoa hồng bảo hiểm	16.821.075	35.974.822
Thu nhập khác	99.860.657	15.373.221
<b>Cộng</b>	<b>127.590.823</b>	<b>329.075.316</b>

**8. Chi phí khác**

	<b>Từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019</b>	<b>Từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018</b>
Chi phí phạt vi phạm hành chính	7.555.600	80.000.000
Chi phí khác	1.580	4.621
<b>Cộng</b>	<b>7.557.180</b>	<b>80.004.621</b>



**9. Chi phí thuế TNDN hoãn lại**

	Từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời phải chịu thuế	-	-
Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập tài sản thuế thu nhập hoãn lại	23.732.909	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ	(347.091.879)	(347.091.879)
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản lỗ tính thuế chưa sử dụng	-	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ các khoản ưu đãi thuế chưa sử dụng	-	-
Thu nhập thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại phát sinh từ việc hoàn nhập thuế thu nhập hoãn lại phải trả	-	-
<b>Cộng</b>	<b>(323.358.970)</b>	<b>(347.091.879)</b>

**10. Lãi cơ bản/suy giảm trên cổ phiếu**

**10a. Lãi cơ bản cổ phiếu**

	Từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018
Lợi nhuận kế toán sau thuế thu nhập doanh nghiệp	24.165.212.261	26.429.222.067
Các khoản điều chỉnh tăng hoặc giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông		
+ Các khoản điều chỉnh tăng	-	-
+ Các khoản điều chỉnh giảm	(2.713.529.716)	(2.642.922.208)
- Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi (*)	(2.416.521.226)	(2.642.922.208)
- Tạm trích quỹ khen thưởng Hội đồng Quản trị và Ban Kiểm soát (*)	(297.008.490)	
Lợi nhuận hoặc lỗ phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	21.451.682.545	23.786.299.859
Cổ phiếu phổ thông đang lưu hành bình quân trong kỳ	- 11.234.819	11.234.819
<b>Lãi cơ bản trên cổ phiếu</b>	<b>1.909</b>	<b>2.117</b>

(\*) Quỹ khen thưởng phúc lợi trong kỳ được tạm trích Nghị quyết đại hội đồng cổ đông thường niên năm tài chính 2018 Công ty CP Nhiên liệu Sài Gòn số: 04/2019/NQ-ĐHĐCĐ ngày 12 tháng 04 năm 2019.

**10b. Lãi suy giảm trên cổ phiếu**

	Từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018
Lợi nhuận phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông dùng tính lãi cơ bản trên cổ phiếu	21.451.682.545	23.786.299.859
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận	-	-
Lợi nhuận để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	21.451.682.545	23.786.299.859
Số lượng cổ phiếu phổ thông sử dụng để tính lãi suy giảm trên cổ phiếu	11.234.819	11.234.819
<b>Lãi suy giảm trên cổ phiếu</b>	<b>1.909</b>	<b>2.117</b>

**10c. Thông tin khác**

Lãi cơ bản trên cổ phiếu Từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018 giữ nguyên do Công ty đã tạm trích quỹ khen thưởng, phúc lợi Từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018 đúng với Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2018 ngày 30 tháng 03 năm 2018 làm cho lãi cơ bản trên cổ phiếu từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018 giữ nguyên ở mức 2.117 VND.

Không có các giao dịch cổ phiếu phổ thông hoặc giao dịch cổ phiếu phổ thông tiềm năng nào xảy ra từ ngày kết thúc kỳ kế toán từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019 cho đến ngày công bố Báo cáo tài chính này.

**11. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố**

	Từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	2.300.494.795	1.925.086.543
Chi phí nhân công	27.148.995.862	21.027.685.577
Chi phí khấu hao	7.087.332.846	6.965.903.067
Chi phí dịch vụ mua ngoài	11.488.530.035	9.740.381.875
Chi phí khác	6.126.517.871	5.344.006.756
<b>Cộng</b>	<b>54.151.871.409</b>	<b>45.003.063.818</b>

**VII. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ (ĐVT: VND)****1. Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh**

	Từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018
Cổ tức cổ phiếu thường	281.844.000	281.844.000
<b>Cộng</b>	<b>281.844.000</b>	<b>281.844.000</b>

**2. Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh**

	Từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018
Chi từ quỹ khen thưởng, phúc lợi	(3.220.803.454)	(4.215.024.439)
<b>Cộng</b>	<b>(3.220.803.454)</b>	<b>(4.215.024.439)</b>

**3. Tiền thu từ đi vay**

	Từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018
Tiền thu từ đi vay theo khế ước thông thường tại các ngân hàng	291.486.850.121	973.001.845.000
<b>Cộng</b>	<b>291.486.850.121</b>	<b>973.001.845.000</b>

**4. Tiền trả nợ gốc vay**

	Từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018
Tiền trả nợ gốc vay theo khế ước thông thường tại các ngân hàng	(208.012.770.000)	(966.244.855.000)
<b>Cộng</b>	<b>(208.012.770.000)</b>	<b>(966.244.855.000)</b>

**5. Các giao dịch không bằng tiền khác**

Trong kỳ, Công ty phát sinh các giao dịch cho hoạt động đầu tư, hoạt động tài chính, loại trừ các khoản phải thu, phải trả như sau:

	Tại ngày 30/09/2019	Tại ngày 01/01/2019
Phải trả nhà cung cấp TSCĐ, XDCBDD	19.889.691	15.000.000
Trả trước tiền mua TSCĐ, XDCB dở dang	627.679.254	56.282.573
Phải thu lãi tiền gửi ngân hàng	217.287.672	344.841.095
Cổ tức phải trả	32.612.790	18.727.590
Lãi vay phải trả	120.119.366	-

**VIII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC****1. Nợ tiềm tàng**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể phát sinh khoản nợ tiềm tàng mà Công ty có nghĩa vụ phải thanh toán.

**2. Giao dịch và số dư với các bên liên quan**

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

**2a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt**

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng Quản trị và các thành viên Ban điều hành (Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng). Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên chủ chốt.

*Giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt*

Công ty không phát sinh giao dịch bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.



**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN**

Địa chỉ: Số 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh

Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)

Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến 30 tháng 09 năm 2019

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Tại thời điểm ngày 30 tháng 09 năm 2019, Công ty không có công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt.

Thu nhập và các khoản lợi ích của các thành viên quản lý chủ chốt (Hội đồng Quản trị và Ban Điều hành).

Chi tiết gồm:	Từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018
Lương, thưởng và các khoản phụ cấp khác	1.132.451.397	1.116.107.172
Thù lao	677.700.000	775.800.000
Cổ tức	4.033.035.000	4.033.035.000
<b>Cộng</b>	<b>5.843.186.397</b>	<b>5.924.942.172</b>

**2b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác**

Các bên liên quan khác với Công ty gồm:

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
- Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ hàng hải S.T.S	Cổ đông sở hữu 50,99% cổ phần
- Công ty TNHH MTV Dầu khí Tp. Hồ Chí Minh	Cổ đông sở hữu 20,01% cổ phần
- Công ty CP Dầu nhờn S.T.S	Công ty trong cùng tập đoàn

**Giao dịch với các bên liên quan khác**

Các giao dịch phát sinh giữa Công ty với các bên liên quan khác như sau:

	Từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019	Từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018
<b>- Công ty CP Xăng dầu và Dịch vụ hàng hải S.T.S</b>		
Công ty CP Nhiên liệu Sài Gòn mua hàng (*)	832.966.554.542	918.672.609.091
Công ty CP Nhiên liệu Sài Gòn bán hàng	122.347.163	152.223.773
Công ty CP Nhiên liệu Sài Gòn trả tiền cổ tức	17.275.902.000	17.275.902.000
<b>- Công ty TNHH MTV Dầu khí TP. Hồ Chí Minh</b>		
Công ty CP Nhiên liệu Sài Gòn mua hàng	-	73.054.727.273
Công ty CP Nhiên liệu Sài Gòn trả tiền cổ tức	6.779.124.000	6.779.124.000
<b>- Công ty CP Dầu nhờn STS</b>		
Công ty CP Nhiên liệu Sài Gòn mua hàng	6.087.978.484	7.383.527.423
Công ty CP Nhiên liệu Sài Gòn bán hàng	1.262.588.128	21.731.636

Các giá trị giao dịch mua bán trên là giá chưa bao gồm thuế giá trị gia tăng.

Số dư giữa Công ty với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh V2; V.3 và V.14.

**3. Báo cáo bộ phận****3a. Báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh****• Từ ngày 01/01/2019 đến 30/09/2019**

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ lệ lãi gộp
Hàng hóa	884.841.332.339	817.696.172.063	67.145.160.276	7,59%
Bất động sản	-	-	-	-
Cho thuê mặt bằng	14.109.711.064	753.592.608	13.356.118.456	94,66%
<b>Cộng</b>	<b>898.951.043.403</b>	<b>818.449.764.671</b>	<b>80.501.278.732</b>	<b>8,96%</b>

**• Từ ngày 01/01/2018 đến 30/09/2018**

Chỉ tiêu	Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	Giá vốn hàng bán	Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	Tỷ lệ lãi gộp
Hàng hóa	1.050.144.745.374	989.605.923.819	60.538.821.555	5,76%
Bất động sản	1.200.000.000	1.761.419.447	(561.419.447)	(46,78%)
Cho thuê mặt bằng	14.354.474.763	753.592.608	13.600.882.155	94,75%
<b>Cộng</b>	<b>1.065.699.220.137</b>	<b>992.120.935.874</b>	<b>73.578.284.263</b>	<b>6,90%</b>

**3b. Báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý**

Trong kỳ, toàn bộ hoạt động của Công ty là toàn bộ trên lãnh thổ Việt Nam.

**4. Khả năng hoạt động kinh doanh liên tục**

Tại thời điểm lập Báo cáo tài chính không có yếu tố nào cho thấy có thể ảnh hưởng đến khả năng hoạt động liên tục của Công ty. Do vậy, Báo cáo tài chính cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến 30 tháng 09 năm 2019 được lập dựa trên giả thiết Công ty hoạt động kinh doanh liên tục.

**5. Các sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán**

Công ty không có sự kiện nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến 30 tháng 09 năm 2019 yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trong Báo cáo tài chính.

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 05 tháng 12 năm 2019.

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc





NGUYỄN TÂN NGHĨA

PHẠM THỊ THU NGA

PHAN NGỌC HÙNG

**CÔNG TY CỔ PHẦN NHIÊN LIỆU SÀI GÒN**

Địa chỉ: Số 146E Nguyễn Đình Chính, phường 8, quận Phú Nhuận, Tp. Hồ Chí Minh  
Thuyết minh báo cáo tài chính (tiếp theo)  
Cho kỳ kế toán từ ngày 01 tháng 01 năm 2019 đến 30 tháng 09 năm 2019

**PHỤ LỤC SỐ 01: TÌNH HÌNH TĂNG GIẢM VỐN CHỦ SỞ HỮU**

Chi tiêu	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Cộng
A	1	2	3	4	5	6
1. Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2018	112.914.590.000	9.220.495.600	(1.414.603.444)	39.398.471.894	56.251.637.360	216.370.591.410
2. Tăng trong năm trước	-	-	-	-	26.429.222.067	26.429.222.067
<i>Lợi nhuận tăng trong năm</i>	-	-	-	-	26.429.222.067	26.429.222.067
3. Giảm trong năm trước	-	-	-	-	(36.804.738.819)	(36.804.738.819)
<i>Trích lập các quỹ của doanh nghiệp</i>	-	-	-	-	(3.100.281.819)	(3.100.281.819)
<i>Chia cổ tức</i>	-	-	-	-	(33.704.457.000)	(33.704.457.000)
4. Số dư tại ngày 30 tháng 09 năm 2018	112.914.590.000	9.220.495.600	(1.414.603.444)	39.398.471.894	45.876.120.608	205.995.074.658
5. Số dư tại ngày 01 tháng 01 năm 2019	112.914.590.000	9.220.495.600	(1.414.603.444)	39.398.471.894	50.279.010.186	210.397.964.236
6. Tăng trong kỳ này	-	-	-	-	24.165.212.261	24.165.212.261
<i>Lợi nhuận tăng trong kỳ</i>	-	-	-	-	24.165.212.261	24.165.212.261
7. Giảm trong kỳ này	-	-	-	-	(36.417.986.716)	(36.417.986.716)
<i>Trích lập các quỹ của doanh nghiệp</i>	-	-	-	-	(2.713.529.716)	(2.713.529.716)
<i>Chia cổ tức</i>	-	-	-	-	(33.704.457.000)	(33.704.457.000)
8. Số dư tại ngày 30 tháng 09 năm 2019	112.914.590.000	9.220.495.600	(1.414.603.444)	39.398.471.894	38.026.235.731	198.145.189.781

Người lập biểu

*(Chữ ký)*

NGUYỄN TÁN NGHĨA

Kế toán trưởng

*(Chữ ký)*

PHẠM THỊ THU NGÀ



Tổng Giám đốc  
PHẠM NGỌC HÙNG

